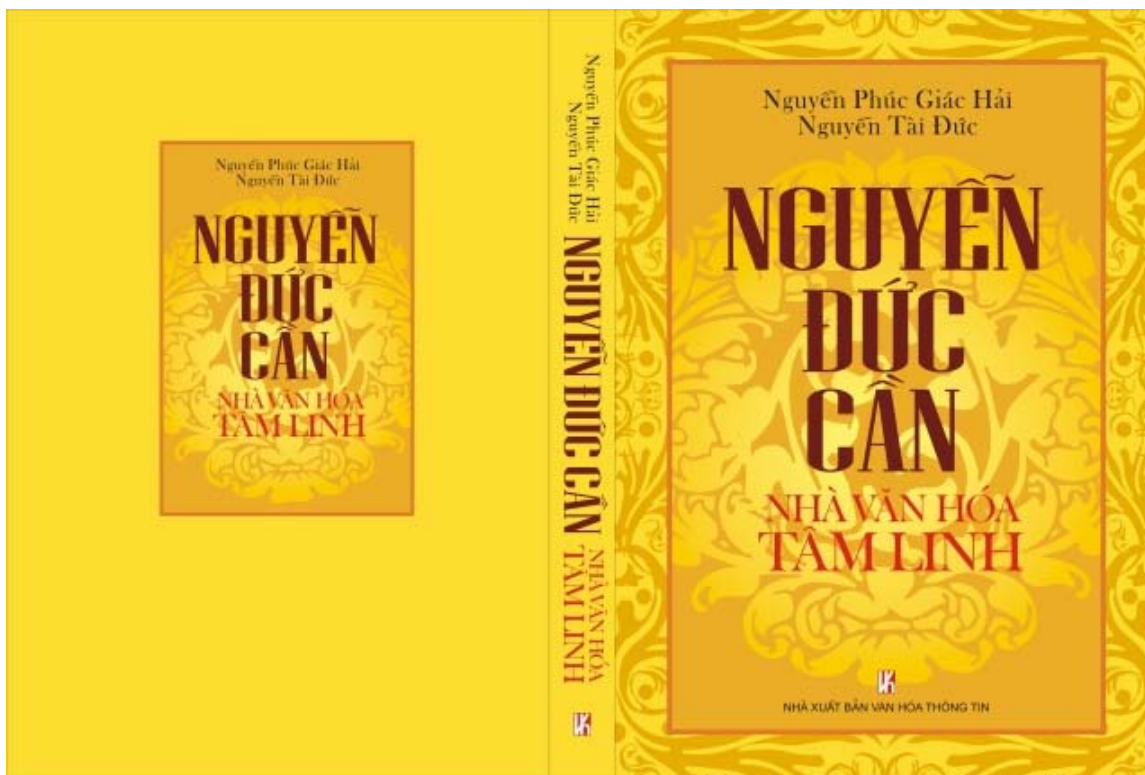




**Nguyễn Đức Cần - Nhà văn hóa tâm linh**  
Nguyễn Phúc Giác Hải, Nguyễn Tài Đức

Tái bản lần thứ 3. Số trang: 356 – Giá bìa: 75.000 đ.  
Liên hệ mua sách: Ông Nguyễn Tài Đức, 190 phố Đội Cấn, 04-37220572,  
0904319120. Ông Nguyễn Văn Ảnh 01698046147.

**Mục lục**

- 1- Thân thế và cuộc đời (có bổ xung một số tư liệu)*
- 2- Cứu nhân độ thế (phần viết mới)*
- 3- Khoa học ngoại cảm (có bổ xung tư liệu mới)*
- 4- Tri ân (giữ nguyên)*
- 5- Tọa đàm (phần mới)*
- 6- Chuyện đời chuyện đạo (có bổ xung)*
- 7- Văn hóa tâm linh (phần mới)*

## Lời giới thiệu

Nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu một Người Hà Nội, người đã cống hiến suốt cả đời mình với khả năng siêu thường cho việc chữa bệnh và mang lại hạnh phúc cho rất nhiều người, mở ra nền khoa học ngoại cảm ở Việt Nam. Đó là nhà chữa bệnh Nguyễn Đức Cần ở Đại Yên – Hà Nội.

Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước, bản thân cụ cũng đã tham gia cách mạng, từng là Đại đội trưởng Đại đội Lam Sơn. Cụ Nguyễn Đức Cần là người đầu tiên vượt qua hàng rào vào chiếm Bắc Bộ phủ trong ngày cách mạng 19 tháng 8 năm 1945 tại Hà Nội.

Với một khả năng đặc biệt: chữa bệnh không cần dùng thuốc, Cụ Nguyễn Đức Cần đã chữa cho không biết bao nhiêu bệnh nhân, kể cả những bệnh “thập tử nhất sinh”, vô phương cứu chữa. Cách chữa bệnh của cụ đã mang lại cuộc sống cho rất nhiều bệnh nhân, mang lại nụ cười, hạnh phúc cho gia đình họ. Thật không có lời nào tả xiết. Nhưng trên hết, đó là cái tâm của nhà y đức, cụ chữa bệnh mà không lấy tiền, kể cả quà cáp của bệnh nhân. Lại nữa, qua việc chữa bệnh, cụ còn giúp người bệnh thấy được những lỗi lầm của họ mà sửa sang tính nết “ăn ở đối xử làm sao cho đúng nghĩa”. Thật là cái tâm của cụ cao đẹp làm sao, vừa chữa khỏi bệnh tật, vừa khuyên bảo cái đức làm người.

Năm 1974 được phép của Ủy ban khoa học nhà nước, chúng tôi đã đến trực tiếp gặp cụ và tiến hành nghiên cứu việc chữa bệnh của cụ.

Ngày 26 tháng 4 năm 1974 trong buổi báo cáo của chúng tôi tại Bộ công an. Bộ trưởng Bộ công an Trần Quốc Hoàn đã phát biểu: “Việc chữa bệnh của cụ là có cơ sở khoa học, trước đây tôi cũng có khả năng này, nhưng do tham gia cách mạng, nếu không tôi cũng có khả năng chữa một số bệnh như cụ Cần”.

Ngày 30 tháng 4 năm 1974, có thể gọi là ngày đánh dấu sự ra đời của nền Khoa học ngoại cảm ở nước ta, các cơ quan chức năng đã tiến hành quay phim hai ca chữa bệnh của cụ và các bác sỹ phản biện đã công nhận việc chữa bệnh của cụ đã có kết quả ban đầu.

Tuy nhiên, sau đó, do nhiều nguyên nhân, việc chữa bệnh của cụ đã gặp một số khó khăn. Năm 1983 cụ qua đời, để lại sự tiếc thương cho bao người đã từng biết đến cụ.

Năm 1997 Đảng và Nhà nước ta đã cho phép thành lập một Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người thuộc Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, trong đó có một Bộ môn nghiên cứu năng lượng sinh học của những con người có khả năng đặc biệt như cụ, và vấn đề chữa bệnh của cụ đã được làm sáng tỏ.

Năm nay, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của cụ Nguyễn Đức Cầm (1909 - 2009), chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách Nguyễn Đức Cầm – Nhà văn hóa tâm linh nói về thân thể, cuộc đời cùng một số tư liệu về cụ.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Mùa thu năm 2009

**Nguyễn Phúc Giác Hải**

Chủ nhiệm Bộ môn Thông tin dự báo  
Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

## Phần I: Thân thế và cuộc đời

### I.

“Ven đô Hà Nội, bên ngàn hoa thắm lừng hương. Đây làng Đại Yên xuất hiện một bậc danh nhân...”

Làng Đại Yên trước đây là một làng trại thuộc Tổng Nội của kinh thành Thăng Long xưa, nay thuộc phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Về mặt địa lý, phía bắc làng là con đường Hoàng Hoa Thám, nhưng dân làng vẫn quen gọi là đường Thành (thành Thăng Long). Phía đông giáp với làng Hữu Tiệp. Phía Tây giáp với làng Liễu Giai và Vĩnh Phúc. Phía nam giáp với con đường Đội Cấn đến chân núi Trúc.

Trước đây, làng có tên là trại Đại Bi, đến khoảng cuối thời hậu Lê, thì đổi tên là trại Đại Yên. Cổng làng Đại Yên được xây dựng từ lâu đời, trông thật bề thế. Vào năm Đinh Ty, triều vua Khải Định, cổng làng được tu tạo lại do công đức của cụ Tổng Nhuận, thân phụ cụ Nguyễn Đức Cẩn.

Phía trên cổng ghi rõ ba chữ đại tự “Đại Yên môn”, có lẽ đây là chiếc cổng làng duy nhất còn lại trong vùng Thập tam trại (mười ba làng trại thuộc Tổng Nội).

Đình Đại Yên nằm ở giữa làng nhìn sang núi Cung và núi Cột Cờ, thờ Ngọc Hoa công chúa. Đó cũng là vị Thành hoàng làng. Theo truyền thuyết: Lý Thường Kiệt được vua nhà Lý cử đi chinh phạt Chiêm Thành, nhân dân quanh vùng kinh thành nô nức tòng quân. Một cô bé mới chín tuổi, người trại Đại Bi (sau là Đại Yên) cũng tha thiết xin theo việc quân cho bằng được, và tự nguyện cải trang làm em bé bán hàng vào trại giặc thám thính, nắm tình hình trại giặc. Nhờ đó quân ta đại thắng, nhưng cô bé đó đã hi sinh. Vua Lý phong cô là Ngọc Hoa công chúa. Lặng mộ cô được đặt ngay ở sau đình làng, được nhân dân đời đời hương khói, thờ phụng. Trong đình có nhiều câu đối ca ngợi công trạng của cô. Hội làng mở vào ngày 14 tháng 3 (âm lịch) hàng năm.

Xưa kia làng Đại Yên có một ngôi chùa trên núi Voi. Vào năm 1892, tên Tây thực dân Pháp là Hommel đã phá ngôi chùa để xây nhà máy bia, dân làng gọi là nhà máy bia Ô- mên.

Người làng Đại Yên ngoài nghề làm ruộng, trồng hoa, còn có nghề trồng cây thuốc nam và đi hái thuốc nam, nhiều gia đình phải lặn lội đi rất

xa, lên cả những vùng rừng núi để kiếm thuốc. Có nhiều người chuyên bán thuốc nam ở các chợ trong thành phố.

Dân làng Đại Yên có ít người là ngụ cư, phần lớn người trong làng có quan hệ họ hàng thân thuộc với nhau, do đó họ sống với nhau trong cảnh hòa thuận đoàn kết, tình làng nghĩa xóm. Đó cũng là một nét đẹp văn hóa của làng quê đất Việt.

Làng Đại Yên có nhiều dòng họ lớn: Họ Trương, họ Đỗ, họ Lưu, họ Nguyễn, họ Ngô, họ Trần và họ Hoàng. Riêng họ Hoàng lại có hai dòng là họ Hoàng Văn và họ Hoàng Hữu. Họ nào trong làng cũng có nhà thờ họ. Trong nhà thờ họ Nguyễn còn lưu giữ các văn bia quý giá từ bao đời trước, phía trên nhà thờ tổ có ghi bốn chữ “Hữu khai tất tiên”, dịch nghĩa là: Có mở mang hiển đạt là nhờ phúc ủa của tổ tiên.

Theo gia phả dòng họ Nguyễn (chi thứ hai), tại làng Đại Yên-Hà Nội, thì thủy tổ phát tích tại xã Mai Viên, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Vị Cao cao cao tổ có sắc phong Đại tướng quân từ đời Lý. Đến khoảng thời hậu Lê, cụ Nguyễn Phúc Xuân dời đến làng Đại Yên, thành cũ Thăng Long, làm được nhiều việc tốt lành, là đời Nhất đại khởi di tổ (đời tổ thứ nhất tại Đại Yên – Hà Nội).

Đến triều Vua Tự Đức, cụ Nguyễn Quý Khoan tự Phúc Toàn là đời tổ thứ tư tại nơi đây (Đại Yên). Dân làng thường quen gọi Cụ Toàn là cụ Xã Nhiêu.

Cụ là một nhà nho yêu nước đã mang kinh sách về truyền bá cho dân ở trong vùng thập tam trại.

Vào khoảng đời Vua Duy Tân năm thứ nhất, cụ Nguyễn Phúc Toàn tham gia hoạt động trong phong trào Đông Kinh nghĩa thực, mang những tư tưởng tiến bộ, động viên dân ta chống các lễ thói phong kiến lạc hậu, phát triển nền văn hóa dân tộc, đề cao tinh thần chống thực dân.

Sau khi thực dân Pháp đàn áp phong trào và đóng cửa trường tháng 12 năm 1907, cụ đã cùng một số sỹ phu yêu nước lên Yên Thế, tham gia cuộc khởi nghĩa chống Pháp do cụ Đề Thám lãnh đạo. Cụ là người cộng sự đắc lực và là mưu sỹ thứ hai của lãnh tụ Hoàng Hoa Thám. Khi cuộc khởi nghĩa Yên Thế thất bại năm 1913, cụ Nguyễn Phúc Toàn đã anh dũng hy sinh, gia đình đã lấy ngày 23 tháng 3 âm lịch, là ngày cụ từ biệt nhà ra đi làm ngày giỗ của cụ.

Cụ Nguyễn Phúc Toàn đẹp duyên cùng cụ Hoàng Thị Thêm là một người cùng làng Đại Yên. Hai cụ sinh hạ được bảy người con, ba gái và bốn trai.

Năm 1883, cụ Thêm sinh người con thứ tư là con trai, đặt tên là Nguyễn Đức Nhuận. Trong gia phả từ những đời trước dòng họ Nguyễn (chi thứ hai) thấy ghi chữ đệm là chữ Quý, có đôi ba người lại thấy ghi chữ đệm là chữ Văn.

Khi cụ Thêm sinh người con thứ tư này thì chữ Quý được thay bằng chữ Đức.

Theo gia phả tính đến đời cụ Nguyễn Đức Nhuận, thì là đời tổ thứ năm tại đây (Đại Yên).

Cụ Nhuận sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, nhưng có nền nếp. Xưa gọi là con nhà cụ đồ. Từ lúc còn nhỏ cụ đã phải đi chăn trâu cắt cỏ, việc học cũng chỉ hết quyển Tam tự kinh.

Từ năm 17 tuổi, cụ đã đi làm thợ xây. Vốn tính cần cù và có chí, lại thông minh và biết tính toán giỏi như một kỹ sư, chẳng bao lâu cụ đã trở thành một nhà thầu có tiếng ở Hà Thành.

Năm 1922, Cụ Nhuận ra làm phó chánh tổng của Thập tam trại, cũng từ đó dân làng gọi cụ Nguyễn Đức Nhuận là cụ Tổng. Ngoài việc làm nhà thầu xây dựng, cụ còn mở các xưởng gỗ ở phố Quan Thánh, xưởng Thủy tinh ở khu vực Yên Ninh –Hàng Bún. Có lần cụ đã gửi đồ thủy tinh đi dự hội chợ Á Châu tại Phnom Penh và được thưởng Chương Mỹ bội tinh (giống như Huy chương vàng hội chợ bây giờ).

Tuy là một người có danh giá và giàu có thời bấy giờ, nhưng cụ thường làm những việc công đức, từ thiện. Khi ở Nam Định bị lũ lụt, dân tình đói khổ, cụ đã giúp đỡ chu cấp gạo tiền, quần áo cho những đồng bào nghèo gặp cảnh thiên tai.

Ngày có nạn đói ở miền bắc năm 1945, gia đình cụ hàng ngày nấu cháo để ở trước cửa nhà, hễ ai đói đi qua thì cho họ một bát, ăn cho đỡ đói lòng.

Cách mạng tháng năm 1945 mới thành công, chính phủ mở đợt quyên góp tuần lễ vàng tại Hà Nội, cụ đã ủng hộ chiếc Chương Mỹ bội tinh đúc bằng vàng cho kháng chiến.

Vào ngày 17 tháng 12 năm 1946 (24 tháng 11 năm Bính Tuất), giặc Pháp ở trong thành Hà Nội đem quân ra khu vực phố Hàng Bún-Yên Ninh, vây bắt và giết hại đồng bào, trong đó có xưởng thủy tinh của cụ Nhuận. Sau khi quân giặc rút vào trong thành, gia đình biết tin dữ, vội cho người đi tìm cụ. Nhưng phố xá chỉ còn vương lại mùi khói súng và tro tàn, không tìm thấy dấu vết gì của cụ. Người ta bảo rằng những người dân lành bị giặc giết hại đều được mang đi chôn cất tập thể tại chỗ gần cửa tòa Hà Nội (nghĩa trang 19 tháng 12, nay là chợ Âm phủ). Sau này thành phố Hà Nội đã quy tập số hài cốt đồng bào đó lên nghĩa trang Yên Kỳ tại Bát Bạt, Sơn Tây.

Từ ngày đó về sau, gia đình lấy ngày 24 tháng 11 âm lịch làm ngày giỗ của Cụ Nguyễn Đức Nhuận. Có một sự trùng hợp ngẫu nhiên, cũng vào ngày đó mười năm về trước là ngày giỗ của cụ Nguyễn Quý Yêm, một người anh ruột của cụ Tổng Nhuận.

## II.

Cụ Nguyễn Đức Nhuận đẹp duyên cùng cụ Hoàng Thị Khế, người con gái thứ ba của một gia đình mang dòng họ Hoàng Văn ở làng Đại Yên – Hà Nội. Cụ sinh năm Ất Dậu, đời vua Hàm Nghi năm thứ 2 (1885) và mất ngày 8 tháng 6 năm 1945 tức ngày 28 tháng 4 năm Ất Dậu đời vua Bảo Đại năm thứ 20.

Làng Đại Yên xưa là một trại trồng cây thuốc nam và cũng trồng rất nhiều loại hoa hồng bạch ở phía tây thành cũ Hà Nội. Đây là nơi sinh sống của nhiều dòng họ. Riêng họ Hoàng lại có hai dòng là họ Hoàng Văn và họ Hoàng Hữu. Nhưng có lẽ dòng họ Hoàng Văn là dòng họ to nhất làng, chiếm non nửa số dân đình trong làng. Ngôi nhà thờ tổ họ Hoàng Văn, nay vẫn còn ở tại số nhà 89 làng Đại Yên. Trong đó bức hoành phi có ghi bốn chữ đại tự “Tiên tổ họ Hoàng” và người trong họ Hoàng Văn vẫn tự hào là còn lưu giữ được bức chân dung của cụ tổ bằng khảm trai đã có từ hàng trăm năm, nay vẫn giữ nguyên được vẻ đẹp.

Ngay từ thuở nhỏ, người con gái làng hoa ấy đã làm quen với công việc vườn tược, đồng áng. Ngày đó quanh vùng thập tam trại hãy còn những ruộng lúa xanh rì bát ngát, những vườn tược mênh mông gió thổi, những ao hồ uốn lượn nước trong xanh. Khi đến tuổi trăng tròn, trên đôi vai bà đã tòng teng đôi quang gánh, những gánh hàng thuốc nam, cái nghề truyền thống lâu đời của dân làng, có từ khi vua Lý mở mang kinh thành.

Hai cụ sinh hạ được năm người con. Người con gái đầu, là cô Nhuận hay còn gọi là cô Chín, vì cô mất lúc mới được chín tuổi. Dân làng kể rằng cô rất đẹp và nét na. Sau cô Chín là ba đót con trai, nhưng các cậu đều bỏ đi từ sớm.

Đêm 30 Tết Kỷ Dậu (1909), niên hiệu Duy Tân thứ 3, Cụ Hoàng Thị Khế sinh lần thứ năm là con trai, đặt tên là Nguyễn Đức Cẩn.

Các cụ già trong làng kể lại rằng: Khi bà cụ Khế sinh người con trai thứ năm này vào đêm 30 Tết, thì đêm hôm ấy trời bỗng sáng trưng như có trăng rằm. Phải chăng đó là một điềm lành báo rằng, có một bậc kỳ tài xuất thế để ra giúp đời.

Ngày bà về làm dâu nhà họ Nguyễn, tuy cùng là cảnh nghèo nhưng cũng được tiếng thơm là con dâu nhà cụ đồ. Bà một lòng một dạ gánh vác

giang sơn nhà chồng, để chồng chí thú làm ăn. Đến khi người chồng công đã thành, danh đã toại, ngày đêm xe ngựa dập dìu nơi kinh thành phồn hoa, bà vẫn mặc lòng ở lại làng xưa. Dù nghèo đói một mẹ một con dựa muối nuôi nhau.

Suốt cả cuộc đời, bà đã tận tụy làm việc lao động, hy sinh vì con và cũng chính bà đã khơi nguồn cho con đường đi sau này của người con trai mà bà hằng yêu dấu.

Sử xưa thường nói nhiều về những danh nhân, những vị tướng oai hùng..., mà đôi khi lãng quên đi những người mẹ vĩ đại của họ.

Người Mẹ Việt chân chất, giản dị như hạt lúa, củ khoai, như làn gió mát trưa hè, như ánh lửa ấm nồng trong đêm đông giá lạnh... Mẹ đã nuôi ta bao tháng ngày đắng cay vất vả. Thật đúng là:

*Mẹ ta lòng thành thực  
Thương con chẳng chút ngại  
Nhà ngọt nào có tiếc  
Ăn đắng nói cùng ai  
Yêu dấu như vàng ngọc  
Nâng niu tay chẳng rời  
Những mong con no ấm  
Mẹ đói rách cũng vui*

Bà cụ Khế cũng giống như bao bà mẹ nơi thôn quê đất Việt. Lòng mẹ thương con như nước nguồn chảy mãi.

### III.

Khi cậu bé Nguyễn Đức Cẩn lên tám tuổi, bố cậu lúc ấy đã là một nhà thầu có tiếng ở Hà thành, cho cậu đi học tại trường làng. Sau đó ông xin cho con vào học tại trường Albert Sarraut Hà Nội. Trường Anbe Xarô được xây dựng sau khi Phủ Toàn quyền hoàn thành. Mặt trước của trường là phố Cộng Hòa (Rue de la Republique), nay là phố Hoàng Văn Thụ. Trường chủ yếu dành cho học sinh người Pháp, ngoài ra cũng dành chỗ cho các học sinh dòng quý tộc Luang Prabang (Lào), con cháu tổng đốc Vân Nam và một số ít con quan lại cao cấp như tổng đốc, tuần phủ, hoặc gia đình tư sản người Việt Nam, nhưng số lượng cũng rất hạn chế.

Cậu học sinh Nguyễn Đức Cẩn theo học ở Trường Xarô bốn năm. Đây là một ngôi trường nội trú, học sinh ăn học tại trường, một tháng mới được về thăm nhà một lần. Quần áo được may đồng phục, việc giáo dục học hành theo như hình mẫu ở Pháp quốc.

Mùa thu năm 1919, cụ Nguyễn Đức Nhuận, khởi công xây dựng ngôi nhà 86 làng Đại Yên cho con trai, đến năm sau, ngôi nhà đã được hoàn thiện. Cụ muốn gây dựng cho con trai mình có một tài sản và muốn hướng cho cậu kế tục công việc kinh doanh của mình.

Nhưng ngay từ lúc còn nhỏ tuổi, cậu bé Nguyễn Đức Cần đã tỏ rõ thiên hướng của mình. Cậu không thiết gì đến ngôi nhà to rộng cũng như sự giàu sang mà bao người khác đang mơ ước.

Năm 1921 khi cậu mới lên 12 tuổi, gia đình đã làm lễ cưới cho cậu. Vào thời kỳ phong kiến lúc đó, ở các làng quê, người ta thường cưới vợ gả chồng rất sớm.

Ông bà, cha mẹ dạm hỏi đám nào có môn đăng hộ đối, rồi nhờ thầy xem ngày lành tháng tốt là tiến hành hôn lễ. Cô dâu, chú rể nhiều khi chẳng biết mặt nhau.

Sau này, cụ Nguyễn Đức Cần có kể lại rằng: Bố mẹ sắp đặt cả. Bảo cưới là cưới, thế thôi.

Cô dâu lúc đó 14 tuổi, là con gái nhà họ Lê ở làng bên Hữu Tiệp. Nhưng sau khi cưới được ít ngày, cô dâu chê chú rể trẻ con nên bỏ về sống ở nhà mẹ đẻ.

Năm 1922 cụ Nguyễn Đức Nhuận ra làm phó chánh tổng Thập tam trại (mười ba làng Trại trong Tổng Nội – thành Thăng Long xưa) và làm lễ khao làng rất lớn. Thế là một công đôi việc, khi trước là một nhà thầu giàu có, nay lại có thêm chức vị trong hàng quan lại, công việc kinh doanh của cụ ngày càng phát đạt. Cũng từ đây dân làng gọi cụ Nguyễn Đức Nhuận là Cụ Tổng ông.

Sau khi nhận chức Phó tổng thập tam trại ít lâu, Cụ Tổng tiến hành xây dựng thêm một ngôi nhà nữa tại Đại Yên. Ngôi nhà này bề thế như một ngôi phủ tổng đốc, ngay gần cổng làng, trên con đường đi đến thôn Đồng nước và núi Voi.

Lúc đầu dân làng không hiểu tại sao cụ lại xây nhiều dinh cơ như vậy, nhưng rồi sau mới rõ là cụ chuẩn bị nhà riêng cho bà hai, bà ba.

Lễ đời như vậy, khi người ta đã có đầy đủ tiền của lẫn danh vọng thì đi tìm thú vui, vợ nọ con kia cũng là việc bình thường.

Nhưng rồi ở đời chẳng ai học được chữ ngờ. Sau khi hoàn tất ngôi nhà trên thì Cụ Tổng gặp bao việc rắc rối thị phi. Cụ bị những người đồng liêu kiện vì đã xây nhà phạm luật phong kiến. Vụ kiện cứ kéo dài mãi, tuy cuối cùng có thắng, nhưng cũng làm cụ hao tốn biết bao nhiêu tiền bạc.

Sau chuyện đó tưởng rằng đã yên, không ngờ cụ lại bị lâm bệnh. Khi đi khám các quan đốc tờ tây, người ta không tìm ra được đó là bệnh gì, chỉ thấy

trong bụng cụ nổi lên một cái u to như quả trứng, có điều lạ là khi uống thuốc vào thì cái u đó nó chạy lung tung trong bụng và gây đau đớn cho cụ. Người nhà thấy thuốc tây không đỡ bèn đổi sang cho cụ uống thuốc ta. Làng Đại Yên có truyền thống trồng cây thuốc nam từ lâu đời, người ta cắt cho cụ uống thuốc nam không khỏi rồi thay sang thuốc bắc mà bệnh cũng không chuyển.

Dân làng đồn rằng cụ bị ai đó hại chăng? Vì họ kể rằng, khi cụ xây nhà có những người lạ, có vẻ như là những thầy địa lý lảng vảng gần khu đất đang xây và làm phép gì đó để hại cụ. Thật là mọi việc cứ rối cả lên.

Người ta bảo, có bệnh thì vái tứ phương. Chẳng lẽ cứ để chồng nằm đó chờ chết, cụ Tổng bà quyết chí đi tìm thầy, tìm thuốc để cứu chồng. Sau bao ngày lặn lội ngược xuôi, cụ Tổng bà đã mời được một vị Thầy về làng. Người làng không hiểu ông thầy đó chữa bệnh như thế nào, nhưng chỉ sau đó vài hôm thì cụ Tổng ông đã khỏi bệnh. Thật là một sự thần kỳ. Nhưng điều mà gia đình cụ càng thêm khâm phục là vị Thầy đó không nhận tiền bạc thù lao chữa bệnh, mà chỉ nói là chữa bệnh làm phúc mà thôi.

Lúc đó cậu học sinh Nguyễn Đức Cẩn đã tốt nghiệp trường Anbe Xa rô và đang ở nhà cùng mẹ chăm sóc bố.

Sau khi hỏi ý kiến con trai, cụ Tổng bà thừa chuyện với ông Thầy và xin phép Thầy cho con trai mình được đi theo học, vì cụ thấy ông thầy đó giỏi quá và lại là một người đạo cao đức trọng như vậy, gửi con cho Thầy vừa là để trả ơn Thầy, vừa là để cho con được theo học Thầy. Dĩ nhiên là Cụ Tổng ông cũng phải đồng ý như vậy, vì chính cụ cũng thấy rằng tiền của bao nhiêu cũng không khỏi được bệnh, không cứu được mạng sống của con người.

#### IV.

Đây là lần thứ hai, cậu bé Nguyễn Đức Cẩn phải xa gia đình. Lần đầu là lúc cậu đi học tại trường An be – Xa rô, phải ở nội trú trong trường. Nhưng thời gian đi học đó thật đầy đủ sung sướng, cậu được ăn ngon, mặc đẹp và được vui chơi cùng các bạn học đồng trang lứa.

Lần đi này là bước vào trường đời. Cậu chưa hình dung nổi con đường trước mặt sẽ như thế nào, nhưng được ở bên cạnh một bậc Minh sư, thì cậu cảm thấy yên lòng, vững dạ và hăm hở lên đường. Lúc hai Thầy trò ra đi, mẹ cậu tiễn đến cổng làng, bà nói với người Thầy: Trăm sự nhờ Thầy dạy bảo cho cháu. Người Thầy cũng rất khiêm lời, nói rằng: Cơ Trời đã định, Đại An sẽ trở về. Rồi hai thầy trò rảo bước lên đường.

Trên con đường thiên lý, hai thầy trò, ngày đi đêm nghỉ. Nơi họ dừng chân, có khi là một quán xá ven đường hay một nếp nhà đơn sơ ở một miền quê nào đó, nhưng cậu thấy bất kỳ ở nơi nào, thầy trò họ đều được đón tiếp thật ấm nồng, như những người khách quý. Qua câu chuyện của chủ nhà, cậu mới hiểu rõ, vị Thầy đây là người ân nhân của họ, đã cứu bệnh cho gia đình họ. Nay được gặp lại Thầy thì ai nấy đều mừng rỡ. Tình cảm của người dân quê thật là mộc mạc chân thành. Nhà nào cũng thiết tha mời thầy ở lại, nhưng hai thầy trò chỉ dừng chân một đôi ngày, rồi lại lên đường.

Một buổi chiều kia, hai thầy trò dừng chân ở một miền quê vùng trung du, còn chưa biết đêm nay sẽ nghỉ ở đâu, thì bỗng thấy phía trước một ngôi cổ tự. Thật may, vị sư chủ trì ngôi chùa đó lại là một người bạn cũ của người thầy.

Đúng là: “Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ”, có duyên thì vạn dặm cũng gặp nhau..

Vị sư trưởng mời hai thầy trò vào thư phòng dùng trà, căn phòng tuy nhỏ nhưng trang nhã, trên tường treo những bức tranh thủy mặc và những bức thư họa.

Chủ khách cùng an tọa, vị Thầy giới thiệu cậu với sư trưởng. Vị trưởng lão ngắm nhìn cậu, rồi bảo: Cậu bé này thân tướng uy nghiêm, ngũ quan thật đầy đặn, má đầy như mã sư tử, ắt hẳn là người chủ của tương lai.

Vị Thầy đáp lại: Hiền huynh quả là có cặp mắt thần quang, và hai người cùng cười vang.

Tối hôm đó, Thầy hỏi cậu: Con có nhớ câu “Nhân bất học, bất tri lý” không? rồi thầy giảng rằng: Học với thầy đây là học ở trường đời và học để làm Người. Lý ở đây là cái lẽ tự nhiên của trời đất, rồi Thầy hỏi đến câu: “Ngọc bất trác, bất thành khí” và thầy giảng nghĩa: Con người ta phải rèn luyện thì mới trong sáng và mới giúp được đời, như hòn ngọc kia không đeo gọt mài rửa, thì không thành của quý.

Sáng sớm hôm sau, thầy trò chào từ biệt vị sư trưởng để tiếp tục cuộc hành trình. Vừa đi, Thầy vừa giảng giải cho cậu: Đạo là gì? “Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập”. Đạo như con đường đó, hễ gặp được cửa thì vào. Đạo là đạo tự nhiên của trời đất. Đức là gì? Đức nằm trong Đạo. Đức là nhờ vật ấy mà thành hình.... Cứ thế mỗi ngày, lời dạy của Thầy cứ như mưa dầm thấm lâu.

Một buổi, thầy bảo với cậu: Ngày mai ta sẽ vào đến rừng. Rừng xanh, ôi rừng xanh, đó là những từ mà cậu chỉ được đọc trong những cuốn sách, nay sẽ được theo chân thầy đến đó. Hẳn có bao điều lý thú... nhưng thầy lại dặn rằng: Bây giờ sẽ là những ngày gian khổ.

Hôm ấy, khi hai thầy trò vừa mới đến cửa rừng, thì gặp một ngôi đền nhỏ. Thầy bảo cậu: Chúng ta hãy vào lễ Bà chúa rừng. Ngôi đền đó dân quanh vùng gọi là đền Đá Đen. “Đất có thổ công, sông có Hà bá, rừng cũng có Chủ” và thầy chỉ cho cậu thấy ngọn núi cao vời vợi phía xa kia, là nơi thầy trò ta sẽ tới.

Khỏi phải nói đến bao nỗi vất vả khi băng rừng, vượt núi. Khi khát thì thầy trò uống nước lâm tuyền, bụng đói thì kiếm quả rừng. Một buổi chiều tối, hai người dừng chân ở một hang núi. Thầy bảo cậu đi kiếm củi khô để nấu ăn. Ngôi bên đông lửa bập bùng trong rừng khuya vắng lặng, cậu thấy cuộc đời mình đã chuyển sang một trang mới. Có một sức mạnh huyền bí nào đó đang thấm dần vào cậu...

Bỗng thầy hỏi cậu: Con có biết tại sao ta lại đưa con đến chốn này không? và thầy dạy: Người tu thân là rửa lòng nuôi đức, chứa nhóm tinh thần là cái tự lực bên trong. Giấu tích ẩn danh, bắt dứt ồn ào là cái trợ duyên bên ngoài. Trong tâm, ngoài cảnh được vắng lặng thì cái thể tính chân như sẽ tự bày, rồi Thầy nói tiếp: Sớm mai ta sẽ đưa con lên đỉnh non Tản.

Không biết ngày ấy, vị Thầy đã đưa cậu lên bằng cách nào, nhưng sau này cụ Nguyễn Đức Cần có kể lại: Vào thời đó, chưa người nào có thể lên được đỉnh Mẫu, vì bên dưới là vách đá thẳng đứng, mà lạ lắm trên đỉnh có một bàn cờ tiên và có một giếng cổ mềm như tóc người. Cũng tại đó, Thầy đã truyền dạy cho cậu phép luyện thần nhãn. Phép hấp thụ dương quang này, mới đầu người học, tập nhìn không nheo mắt vào mặt trời lúc mới mọc, dần dần khổ công cho đến khi nhìn được mặt trời lúc chói chang và khi thần nhãn trông thấy rõ thế giới thanh khí, thì có thể gọi là thành công. Thầy bảo cậu: Con phải nhớ, nơi đây chính là linh khí của nước Việt.

Không biết có bao tháng ngày thầy trò họ sống cách biệt ở trên núi, nhưng đến một hôm, vị Thầy bảo cậu: Thôi thế là đủ, đã đến ngày Thầy trò ta xuống núi.

Họ ngược sông Đà để đến vùng Thác Bờ, Hòa Bình. Sông Đà bắt nguồn từ Vân Nam chảy qua Lai Châu, qua rất nhiều thác ghềnh, đến Sơn La thì sông uốn khúc, rồi lại chạy thẳng xuống Hòa Bình, đến đây lòng sông đã mở rộng và dõng dục hơn.

Hai thầy trò dừng chân ở vùng Chợ Bờ, Hòa Bình. Nơi đây có rất nhiều hang động sâu, nhiều tầng, thạch nhũ muôn hình lung linh soi bóng nước. Họ sống trên sông cùng những người đánh cá. Ở đây cậu học cách chèo thuyền, chống mảng làm quen với cuộc đời sông nước.

Đêm đêm, Thầy truyền cho cậu phép hấp thụ Tuệ quang. Thầy dạy: Trên trời có mặt trời, mặt trăng và muôn vạn tinh tú gọi là Văn. Dưới đất có núi, sông, gò, hốc gọi là Lý. Do vậy địa lý ứng với thiên văn.

Cứ như thế, vào những đêm trời quang, thầy trò nằm kiểm đếm các vì sao. Thầy dạy: có bảy vị sao thất chính là Thái dương, Thái âm, sao Thủy, hỏa, mộc, kim, thổ, lại còn có nhị thập bát tú định vị ở bốn phương. Phương đông là chòm sao Thanh long có bảy vị: Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ. Phương nam là Chu tước có bảy vị: Tinh, Quý, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chẩn. Phương Tây là Bạch hổ cũng có bảy vị: Sâm, Chủy, Tất, Mão, Vị, Lâu, Khuê. Phương bắc là Huyền Vũ có bảy vị: Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Bích, Thất. Xem dải Ngân Hà, khi thấy có ngôi sao nào qua sông, ngôi sao nào mới mọc lên, ngôi nào sắp mất, thì ứng với điều gì ở chốn nhân gian.

Được Thầy tận lòng giảng giải như vậy, cậu càng thấy vũ trụ thật bao la và tâm trí cậu cảm thấy như được bay bổng cùng với trời mây.

Một hôm, thầy lại bảo cậu rằng: Chúng ta lại lên đường thôi.

Đứng ở phía chợ Bờ, nhìn về miền Tây bắc, cậu không ngờ rằng trên đỉnh của những dãy núi xa kia lại có những vùng bằng phẳng, những cao nguyên rộng lớn. Họ đi qua suối Rút, từ già bản cuối cùng của Hòa Bình rồi leo đèo để lên cao nguyên Mộc Châu, ngày ấy toàn thấy một vùng cỏ tranh hoang vu, nhưng khí trời nơi đây thật mát mẻ, dễ chịu.

Năm 1895 tỉnh Vạn Bú được thành lập, tỉnh lỵ đặt tại Pá Giang bên bờ sông Đà. Đến năm 1904, người Pháp chuyển tỉnh lỵ về Sơn La và đổi tên tỉnh Vạn Bú thành tỉnh Sơn La. Đến Sơn La, thầy trò lại vượt đèo Pha Đin để sang Lai Châu. Có đến đây mới thấy cảnh núi non hùng vĩ, núi cao ngất trời, trùng trùng điệp điệp, các bản chiềng trở nên thưa thớt, xa xa thấp thoáng những nếp nhà sàn, cả ngày họ chẳng gặp một bóng người, ven đường những cây hoa trạng nguyên nở đầy hoa đỏ rực, những bông hoa lau màu trắng bạc đung đưa như đang reo trong gió núi, mây ngàn in lên nền trời xanh thẳm, vẽ lên một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp.

Thầy trò họ cứ đi mãi, đi mãi và sang đến vùng thượng Lào.

Sau này, cụ Nguyễn Đức Cẩn kể lại: Ngày ấy sang bên thượng Lào, trong rừng sâu, cụ có gặp một ngôi đền thiêng thờ Đức Lê Sơn thánh mẫu và cụ đã ở lại nơi đó tu một thời gian.

Không ai biết Thầy trò họ đã còn đi những nơi đâu, và đã trải qua bao nhiêu mùa hoa Ban, hoa Mận ...

Đến một ngày kia, vị Thầy bảo cậu rằng: Đã đến lúc con phải trở về nhà, mẹ con đang mong nhớ từng ngày.

Cuộc chia tay thật là bịn rịn. Thầy dặn rằng: Nay con đã đủ sức tự lập, nhưng lúc nào khó khăn, ta vẫn ở bên con.

## V.

Sau những tháng năm gian khổ, đi rất nhiều nơi và sống trong những vùng núi cao rừng thẳm, cậu bé Nguyễn Đức Cần đã trở về làng Đại Yên. Ngày nào năm xưa, khi ra đi còn là một cậu bé, nay trở về đã trở thành một chàng trai khôi ngô tuấn tú. Mẹ con cậu gặp lại nhau trong ngôi nhà cũ, thật là mừng mừng, tủi tủi.

Mùa xuân năm 1926, hội làng Đại Yên lại mở và cậu được chọn làm tướng cờ. Gia đình cậu mở tiệc khao làng rất lớn, và người vợ cũng từ làng bên Hữu Tiệp trở về.

Lúc đó, bố cậu đã ở cùng các bà vợ bé. Cậu bàn cùng mẹ xây một điện thờ Mẫu thượng thiên trong khu vườn nhà. Sau đó Cụ Tổng bà bảo cậu đi Mai Châu mời một hội hát then về mở Hội then tại nhà trong ba ngày, ba đêm liền.

Cụ Tổng bà cũng bán chiếc xà tích năm dây và thuê thợ về xây hòn non bộ trong sân nhà.

Hát then là loại hình diễn xướng dân gian tổng hợp có từ lâu đời và đặc biệt phổ biến ở vùng dân tộc miền núi phía bắc. Đây là loại dân ca gắn với nghi lễ cúng tế, đậm nét màu sắc tín ngưỡng. Then là tổng hoà các loại hình nghệ thuật nhạc- hát- múa- mỹ thuật và trò diễn, chịu nhiều ảnh hưởng của các loại hình dân ca khác như: mo, sli, lượn, phong sự, tào... Then là thiên (trời), là tiên (bụt) tức là của nhà trời. Ngày xưa hát then được các bà then, ông then diễn xướng trong lễ cầu an, sinh nhật, giải hạn, bói toán, cầu mùa, tổng tiến, gọi hồn gọi vía, măn tang, thậm chí cả chữa bệnh.

Đối với những dịp trọng đại như cấp sắc cho người làm then hay hội then thì có khi phải kéo dài đến ba ngày ba đêm mới xong, gọi là lầu then.

Dân làng nói rằng bố con cụ Tổng tính tình không hợp nhau. Có lẽ cũng đúng như vậy. Cụ Tổng Nhuận là một người sắc sảo và có tài trong việc kinh doanh. Lúc đầu cụ chỉ có một xưởng thủy tinh thổi thông phong ở phố Hàng Bột – Hà Nội. Sau Cụ lại mua được một xưởng gỗ rộng ở số 27 phố Quan thánh của một người Tây ở đảo Cooc xơ. Chẳng bao lâu một người chủ xưởng thủy tinh ở khu Yên Ninh – Hàng Bún do bị thua lỗ, lại nợ tiền mua củi của cụ, nên thương lượng và nhượng lại cho cụ toàn bộ khu nhà xưởng... Cụ lại tậu thêm nhà cho hai bà vợ bé vốn là hai chị em ruột. Có lẽ do bà vợ hai không có con, nên bà mai mối cho em gái mình lấy cụ Tổng, cho có chị có em.

Sau này, bà vợ ba sinh cho cụ Tổng được bảy người con. Cụ Tổng ông lên phố sinh sống cùng các bà vợ bé, thỉnh thoảng mới về làng Đại Yên. Người con trai cả Nguyễn Đức Cẩn cùng cụ Tổng bà vẫn ở lại ngôi nhà xưa trong làng. Với bản tính khí khái, tự lập, cả hai mẹ con quyết không nhờ cậy gì cụ Tổng ông, mà tự lao động để kiếm sống nuôi nhau. Hai mẹ con bà không quản nắng mưa dãi dầu, cuốc đất trồng rau trên những mảnh vườn của nhà để lấy tiền sinh sống.

Đã bước vào con đường tu thân thì còn màng chi sự giàu có cao sang với xe tay áo lụa. Tiền của vàng bạc trên đời chỉ là thứ phù vân.

Lúc mới về nhà chồng, người vợ tưởng rằng khi làm dâu của một gia đình có quyền thế và giàu có vào bậc nhất nhì trong hàng Tổng, thì sẽ được hưởng một cuộc sống nhàn nhã sung túc, nhưng rồi sớm thấy rằng cả chồng và mẹ chồng đều nhất mực từ chối mọi chu cấp của cụ Tổng ông. Đó không phải là những đồng tiền do công sức, mồ hôi của mình bỏ ra thì nhận làm chi. Sự khác biệt quan niệm về cuộc sống giữa một người muốn được sống trong giàu sang phú quý với người người vui lòng chịu cảnh nghèo khổ, kiếm sống bằng bàn tay lao động của mình, từ đó đã nảy sinh những mối bất hòa trong gia đình, giữa vợ với chồng, giữa mẹ chồng và nàng dâu. Đó là hai con đường không thể đi chung, nhưng mà vẫn phải sống với nhau.

Năm 1927, vợ chồng anh Nguyễn Đức Cẩn sinh người con trai đầu lòng, đặt tên là Nguyễn Đức Mẫn. Sau này hai vợ chồng cụ có thêm được ba người con gái nữa (Nguyễn Thị Chuyên 1938, Nguyễn Thị Sinh 1947 và Nguyễn Thị Lê 1950).

## VI.

Đầu năm 1939, có một người quen của cụ, là một nhà thầu lớn, mời cụ trông nom giúp cho một toán thợ. Công việc xây dựng, làm đường buộc họ phải đi đến nhiều nơi, nhưng trọng tâm vẫn ở miền Đông Bắc, suốt một dải từ Hải Phòng cho đến Quảng Ninh.

Cụ đã sống, lao động nhiều năm với những người nông dân lam lũ, bán mặt cho đất bán lưng cho trời và đồng bào dân tộc vùng rẻo cao. Nay lại có dịp sống gần gũi với những người phu hồ, phu lục lộ và anh em phu mỏ. Cuộc sống của họ cũng chẳng khăm khả hơn gì những người làm ruộng. Tai nạn, ốm đau và sức lực của họ bị vắt kiệt trong những công trình, hầm lò sâu thẳm.

Còn những người phu hồ mà cụ trông coi, có lẽ chưa bao giờ trong đời họ lại được gặp một người cai nhân đức như cụ. Cụ thương yêu và cùng sản

tay vào lao động cùng họ, từ sớm tinh mơ cho đến mờ tối. Cũng nhờ cụ mà người chủ thầu đã luôn hoàn thành sớm các công trình và đã rộng lòng trả thêm tiền công cho anh em thợ. Cả hai bên chủ thợ đều thấy mình có lợi, công việc nhanh chóng trôi chảy hơn, vật liệu không bị trộm cắp, hư hao mà người thợ lại được tăng lương, tăng thưởng. Không những thế, cụ còn đứng ra bảo vệ, che chở cho anh em thợ khi họ bị cướp bóc tài sản bởi những toán thổ phỉ.

Tại Thủy Nguyên, khi được biết đến danh cụ. Cả Tẩu, một tay anh chị trong giới giang hồ của vùng Hải Phòng, Quảng Ninh đã tìm tới và đòi tỷ thí với cụ.

Cuộc đấu trí, đấu sức thật quyết liệt, vì cả hai đều có võ nghệ cao cường.

Cuối cùng cụ đã dùng thế võ “Ngọc hoàn bộ uyên ương cước”, quay mình phi chân đá ngã Cả Tẩu, đó là một thế võ tuyệt chiêu mà cụ đã được thầy dạy để hộ thân. Nhưng Cả Tẩu hiểu rõ rằng cú đá đó của cụ đã nương nhẹ đi nhiều. Cả Tẩu và các đàn em vô cùng bá phục và muốn nhường quyền cai quản trong giới giang hồ cho cụ. Nhưng cụ từ chối nói rằng, chỉ ở lại đây làm việc trông coi vài ba tháng rồi lại về làng cũ Đại Yên. Trước khi chia tay, cụ có nói: Mong anh em hãy vì nghĩa khí mà hành động.

Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Phát xít Đức đã bị quét sạch khỏi lãnh thổ Liên Xô (cũ). Tại mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng rất khốn đốn. Mâu thuẫn đối kháng giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương ngày càng gay gắt. Đế quốc chiếm Đông Dương và trừ nguy cơ bị quân Pháp đánh vào sau lưng, đêm mùng 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đã nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

Nhân dân ta rên xiết dưới ách thống trị của bọn thực dân, phát xít. Nạn thu thóc, phá màu trồng đay, nạn đói vẫn kéo dài ngày thêm trầm trọng, nào nhà tù, nào trại giam, với biết bao nhục hình...

Vận mệnh của dân tộc ta như ngàn cân đang treo trên sợi tóc. Đúng lúc đó Mặt trận Việt Minh đã ra lời kêu gọi quốc dân: Vai kề vai, không phân biệt trẻ trai hay gái, vác súng gươm, ta đi lên, ta tiến lên tiêu diệt quân thù. Sống trong cao trào cách mạng sục sôi đó, tại ngôi nhà 86 làng Đại Yên – Hà Nội, anh Nguyễn Đức Cẩn đã mau chóng tập hợp đông đảo quần chúng, những người lao động nghèo khổ, đêm đêm luyện tập quân sự, mua sắm vũ khí, may cờ đỏ sao vàng năm cánh để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa.

Sau này trên bức tường trong ngôi nhà 86 Đại Yên vẫn còn thấy rõ dòng chữ đã ghi ngày ấy: “Vì Tổ Quốc, quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng”.

Ngày mùng 8 tháng 6 năm 1945 (tức ngày 28 tháng 4 năm Ất Dậu), một cái tang bất ngờ đã đổ xuống gia đình. Thân mẫu anh Nguyễn Đức Cần – Cụ Hoàng Thị Khế đã qua đời. Cụ nằm đó trên chiếc sập gụ trong nhà, nét mặt thanh thản như đang trong giấc ngủ trưa hè. Cả cuộc đời cụ đã sống vì chồng vì con, Cụ đã sống một cuộc đời chân chính với tất cả tình thương yêu, giản dị của một người mẹ hiền thực. Cụ ra đi trong sự thanh thản vì biết rằng người con trai yêu dấu của mình đã chọn một con đường đi đúng đắn, hợp với lẽ Trời.

Lúc đầu anh Nguyễn Đức Cần dự định sẽ tự mình lo toan tang lễ cho mẹ. Nhưng sau anh cũng đồng ý để cụ Tổng ông đứng ra lo liệu.

Sau khi chu tất xong lễ tang mẹ, anh Nguyễn Đức Cần nén nỗi đau thương, cùng các đồng chí lo toan việc nước. Sáng ngày 19 tháng 8 năm 1945, cả Hà Nội ngập tràn khí thế cách mạng. Đồng bào rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát lớn dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Bài hát “Tiến quân ca” được vang lên hai tiếng Việt Nam, trong rừng cờ đỏ sao vàng năm cánh, giữa trời thu lộng gió.

Cuộc mít tinh nhanh chóng chuyển thành biểu tình, đoàn người trùng điệp chia ra nhiều ngả đi chiếm phủ Khâm sai, tòa thị chính, trại lính bảo an. Anh Nguyễn Đức Cần lúc đó là Đại đội trưởng Đại đội Lam Sơn cũng có mặt trong ngày trọng đại của dân tộc và anh là một trong những người đầu tiên vượt qua hàng rào vào chiếm Bắc Bộ phủ.

Cuộc khởi nghĩa ngày 19 tháng 8 năm 1945 tại Hà Nội đã mau chóng giành được thắng lợi. Chính quyền đã về tay nhân dân lao động.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại quảng trường Ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra đời. Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người dân độc lập tự do, một kỷ nguyên của lịch sử dân tộc đã được mở ra.

Dù vẫn đang tham gia hoạt động cách mạng, nhưng anh Nguyễn Đức Cần nói rằng: “Nước nhà đã giành được độc lập, nhưng nhân dân còn chưa được hạnh phúc, muốn có hạnh phúc trước hết phải có sức khỏe, không ốm đau. Nay ta đi theo con đường khác, con đường mang lại sức khỏe cho nhân dân”.

## VII.

Sau khi ra đời, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đứng trước muôn vàn khó khăn, nguy hiểm, quân Pháp núp bóng quân Đồng minh, đã tìm quay lại xâm lược nước ta. Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, một bộ phận quân ta rút về chiến khu Việt bắc xây dựng lực lượng vũ trang. Đơn vị của Cụ Nguyễn Đức Cẩn lúc đó đóng quân ở khu vực Đu, Đuôm – Thái Nguyên.

Trong những ngày tháng đó, trong núi cao rừng thẳm cụ đã được gặp một vị Thầy nữa. Và Thầy đã truyền cho cụ phương pháp chữa bệnh để về giúp dân.

Cụ Lê Văn Cảnh, pháp danh Tịnh Quang kể lại:

Trước đây, trong kháng chiến chống Pháp, tôi có tham gia vào du kích chiến. Sau đó tôi gia nhập bộ đội ở trung đoàn Lưu Vân. Chúng tôi có dự mấy trận đánh ở Khe Tang, Thạch Bích, rồi sau đó chuyển lên Việt Bắc, ở vùng Thái Nguyên.

Sau tôi bị sốt rét không tham gia trong quân ngũ nữa. Ông cụ Cẩn với tôi học cùng một thầy ở trên núi.

Do là tôi bị một cơn sốt rét, trong lúc đi công tác, tôi nằm một mình mê man ở bãi giàng giàng trong một khu rừng gianh hoang vắng, trong lúc tôi gặp hiểm nguy đó, thì có một bà cụ người Thổ thấy, bà cụ cứu tôi mang về. Sau bà cụ đưa tôi lên núi.

Tôi vẫn hình dung được chỗ đó cách Thái Nguyên vài chục cây số, gọi là Đu, Đuôm. Đi đến chỗ đó phải qua một khu rừng gianh, đến một khe suối thì phải leo lên một vách đá dựng đứng, đến lưng chừng thì có một con đường nhỏ, rồi lại đi xuống một thung lũng. Đến một cái suối thì bà cụ người Thổ bảo tôi đứng chờ ở đây. Bà cụ lên trước xin phép thầy. Thầy dạy lên được, bà cụ mới đưa tôi lên.

Khi nhận môn đồ, vị Thầy đó có lựa chọn. Người chỉ nhìn là Người thấy hết. Tôi thì Người chỉ hỏi qua là Người nhận, cũng có người thì thầy không thu nhận.

Người bảo: “Anh cứ về đi, cứ làm hết sức mình, rồi lên đây thầy nhận”.

Chỗ chúng tôi học là một hang đá, một cái hang lộ thiên, ở giữa có một khoảng không trung, mặt trời rọi xuống sáng trưng, phía ngoài có một hành lang đi thông sang hai bên, các cô nữ ở một bên, còn chúng tôi ở một bên. Khi nào mưa thì chúng tôi lui vào bên trong, chỗ đó có một cái lưới đá (nhũ đá) rủ xuống. Chung quanh hang là núi, dưới có suối chảy róc rách. Bốn mùa thiên nhiên cây cỏ xanh tươi. Cảnh vật rất đẹp.

Có bài thơ làm chứng rằng:

*“Xưa kia một góc cõi trời*

*Thái Nguyên một giải là nơi trú dừng  
 Bốn bề núi đá mọc xanh  
 Có đường tiểu mạch nương mình ai hay  
 Bốn mùa chim núi cỏ cây  
 Trời xanh nước biếc hương bay ngạt ngào ”.*

Trong hang có một phiến đá, phía trên chỗ vách đá thấy đề mấy chữ nhỏ.

Chúng tôi ở cách xa dân, chỉ có mấy thầy trò thôi. Hàng ngày chúng tôi đi câu cá ở suối rồi về nấu nướng, cá treo đầy ở bếp. Còn lúa gạo thì thầy trò tự gieo trồng, tự làm lấy, có cả gạo tẻ, gạo nếp, còn rau thì nhiều vô kể. Trên vách có treo cả nỏ, nhưng Thầy không cho săn bắn. Từ từ mờ sáng, chúng tôi dậy đi câu cá. Chỗ đó suối thì bao la, rất nhiều suối. Ví dụ như hôm nay tôi trực thì phải đi câu, được độ mười sáu, mười bảy con cá, xong mới về ngồi học. Hôm sau lại đến phiên người khác. Cá câu được về nấu với lá méo thì nó dòn dốt chua, còn măng rừng thì là cái thường rồi, các loại hoa quả khác thì nhiều lắm. Cũng có hôm chúng tôi được tập trung đông đủ, được thưởng thức, hưởng của tiên, thầy trò ngồi cùng nhau, học vui lắm.

Chúng tôi học có bảy người, bốn người nam và ba người nữ, nhưng ở riêng biệt. Thầy có đặt hiệu cho từng người. Tôi tự là Phúc Tự, tôi còn nhớ có một cô quê ở Bắc Giang là cô Thanh thì hiệu là Huyền Vi. Thầy cho chúng tôi học luân chuyển, vì lúc bấy giờ chúng tôi còn tham gia cả công tác kháng chiến nữa. Việc học Đạo, đầu tiên thì gian khổ đây, sau thì phải quen đi chứ. Tức là mình phải rèn luyện, chỗ chúng tôi học là một hang đá, chung quanh là núi, lúc nào cũng thấy sương mù mịt, trời rất là lạnh. Cho nên chúng tôi lúc nào cũng đốt một đồng lửa để sưởi ấm, không thì buốt lắm. Chúng tôi ngồi học trên các mô đá phẳng lì, giấy bút mua từ dưới xuôi lên. Trước khi học, Thầy cho thắp hương rồi mới bắt đầu học.

Vị Thầy, Người không ở lại trong hang núi đó. Buổi sớm, không biết ông cụ đến lúc nào, cứ đúng giờ là cụ xuất hiện. Đến chiều tối, trước khi đi cụ nói với chúng tôi: “Tĩnh ngọa” (tức là ngủ ngon), rồi cụ đi, không biết Người đi đâu. Còn chúng tôi ngủ lại trong hang đá. Chúng tôi lấy cây giành giành bỏ hết lá đi, chỉ còn lại cái cangk, rồi lấy lá chít, bông của cây lau làm thành một cái đệm rất êm và ấm, tuy không có màn nhưng cũng không có muỗi vì ở đó rất sạch sẽ khoáng đãng. Còn đèn thì chúng tôi lấy một ống nứa rồi chọn cỏ bắc dài, sau đó lấy nhựa trám rõ vào ngòi bắc rồi châm lửa như ta đốt nến, khi hết lại thay cái khác.

Ông cụ, Thầy dạy chúng tôi, Người trông đẹp lắm, tóc bạc phơ, ăn mặc giản dị, Người nói là Thiên Sư truyền đạo. Thầy tôi nói có thất cửu môn,

nghĩa là có 79 môn. Nhưng không phải thầy truyền cho cả. Vào đấy, Thầy đưa từng ấy môn thì cảm hứng môn nào thì Thầy xả thân Thầy dạy. Môn đồ mỗi người học một môn. Ví dụ như tôi học về nghĩa đạo là thực đạo, chứ không có ảo tưởng. Nhưng có người học về ảo tưởng. Thế cho nên trong bảy người chúng tôi, mỗi người học một môn, không ai giống ai.

Tôi học về định số, nhưng trước tiên phải học về mệnh, cơ bản phải nắm vững ngũ hành. Có ba điều trong tam môn nghĩa đạo: Nhất bản, nhị yếu, tam vô tự. Khi lên lớp thì Thầy hỏi. Nếu giữ được tam môn ấy, thì một là tròn, hai là méo. Thí dụ: Nhất bản có khổ cực đấy, có chịu đựng được không? Nhị yếu có làm được cái nghề ấy không, có sợ chết không. Ba điều căn bản đó: một điều gian khổ, một điều sợ sệt, một điều kinh hãi, đấy là học cho đủ. Buổi sáng sớm thì chúng tôi học võ, nhưng chúng tôi học võ thì chỉ để hộ mệnh thôi, chứ không phải học để đi ra đường đấu đá, thí dụ như khi đi đường gặp con gì thì mình có thể giữ mình được, hoặc gặp cái hung thì cũng có thể giữ mình được. Chúng tôi tập như buổi sáng ta tập thể dục vừa vận động cho cơ thể, rèn luyện cho thân thể có sức khỏe và vừa để giữ mình.

Khi học vị Thầy nói về nghĩa Phật là chính, mà làm đạo là nghĩa Phật, chứ không phải học về tà thuật.

Khi hạ sơn thì Thầy có tập trung căn dặn chúng tôi. Tôi được đi trước. Khi đó Thầy viết chữ vào trong thân cây, không biết người làm thế nào mà khi tôi ra thì đã thấy có mấy dòng chữ viết ở đấy rồi. Thầy xem đạo đức của từng người, ai nhận chữ nào. Ở đây với Thầy đã nghèo nàn như thế, thì sau khi học được có làm giàu, hay muốn sang trọng không, thì Thầy nhìn vào đấy đã biết tướng tinh của từng người, mắng cái gì rồi, về sau khá hay không khá rồi và về sau có giữ được chân lý hay không.

Thầy chỉ căn dặn chúng tôi mấy điều, Người nói: “Tôi dạy tất cả các vị, về sau này các vị tự xử lý lấy. Các vị xuống là thế hệ của các người ở xã hội này”.

Thầy không bắt buộc phải theo chủ nghĩa này hay chủ nghĩa khác. Thầy chỉ dạy Đạo và chân lý, chứ không dạy phải theo môn phái nào cả. Những điều thiện hay ác tự ở trong lương tâm mình thấy. Điều thiện thì mình phải phát huy để làm tròn bốn phận nghĩa đạo. Mình phải tự học, tự hấp thụ, học thì phải hành, học thiện thì hành thiện.

Cụ Nguyễn Đức Cẩn có kể lại: Thời gian học đạo ở Thái Nguyên có bảy người cùng học, bốn nam và ba nữ. Học xong, Thầy có cho thi và cụ đã đỗ đầu. Trước khi xuống núi, Thầy có hỏi: Có sợ chết không và cụ đã trả lời: Thưa Thầy, con không sợ chết.

Khi đoàn người đi xuống núi, cụ Cần đi cùng với ba người nữ, đến chỗ rừng gianh thì bất chợt thấy một con hổ lớn đang nằm trên con đường mòn phía trước. Những người đi cùng với cụ có vẻ chần chừ muốn lui, nhưng cụ nói: Không sợ, cứ đứng đường mà đi. Và cụ dẫn đầu đoàn người thẳng tiến. Lạ thay, con hổ bỗng nhiên đứng dậy và rẽ vào khu rừng gianh rồi biến mất.

Đó là thử thách đầu tiên khi cụ Nguyễn Đức Cần xuống núi làm việc giúp đời.

## VIII.

Ngay sau cách mạng tháng 8 -1945 nền kinh tế nước ta vẫn là một nền nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nạn đói chưa hết, thiên tai lũ lụt liên tiếp, ngân sách trống rỗng. Chính phủ phải kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân. Hưởng ứng phong trào tuần lễ vàng tại Hà Nội, cụ Tổng Nhuận đã ủng hộ chiếc Chương mỹ bội tinh đúc bằng vàng cho chính phủ cách mạng. Chỉ sau một thời gian ngắn đồng bào cả nước đã góp được 20 triệu bạc và 370 kg vàng...

Sau khi hiệp định sơ bộ (6 tháng 3) và Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946, thực dân Pháp tăng thêm viện binh và ngày càng hành động khiêu khích.

Ngày 17 tháng 12 năm 1946 chúng bắn đại bác, súng cối và cho quân lính ra giết hại đồng bào ta tại khu vực phố Yên Ninh - Hàng Bún, trong đó có xưởng thủy tinh của cụ Tổng Nhuận.

Khi gia đình cụ biết tin dữ cho người ra tìm, thì phố cũ chỉ còn vương lại khói súng và xác những người dân bị cháy xém nằm ngổn ngang, không thể nhận biết được đâu là người thân trong gia đình.

Dân phố bảo rằng những người dân lành bị giặc Pháp giết hại đã được đem đi chôn tập thể tại gần cửa tòa Hà Nội (nghĩa trang 19 tháng 12) chỗ phố Lý Thường Kiệt, mà người dân Hà Nội vẫn quen gọi là chợ Âm phủ.

Sau này số hài cốt đồng bào trên được mang đi chôn cất tại nghĩa trang Yên Kỳ, Sơn Tây (khu D11).

Được gia đình báo tin gửi lên chiến khu, khi cụ Nguyễn Đức Cần trở về Hà Nội thì cũng là lúc cuộc kháng chiến toàn quốc đã nổ ra trong đêm ngày 19 tháng 12 năm 1946. iệc gia đình đành phải gác lại để lo cho việc nước. ụ Nguyễn Đức Cần đã ở lại chiến đấu trong suốt 60 ngày đêm chống giặc Pháp tại thủ đô Hà Nội.

Đêm 17 tháng 2 năm 1947 cụ cùng đồng đội được lệnh rút khỏi thành phố, trở về chiến khu Việt Bắc để chuyển sang một giai đoạn mới.

Cuối năm 1946, trong lúc cuộc chiến đấu đang diễn ra quyết liệt tại các thành phố lớn, thực hiện chủ trương kháng chiến lâu dài, quân dân ta khẩn trương vận chuyển máy móc, nguyên liệu, gạo muối... về các khu an toàn, tổ chức nhân dân tản cư.

Ngày ấy, dân Hà Nội chạy tản cư về các miền quê. Gia đình cụ Nguyễn Đức Cần ly tán, mỗi người một nơi. Cụ vẫn ở lại trong vùng căn cứ Việt Bắc, ông Mẫn con trai cả đi theo Đoàn thanh niên xung phong, bà Chuyên (Tuyên) tản cư về Nam Định, còn Cụ Lê Thị Tuyết, vợ Cụ Cần cùng một số dân làng chạy tản cư về mạn Thanh Oai – Hà Tây.

Ai đã sống trong thời loạn ly mới thấy hết được nỗi khổ của cuộc đời. Hoàn cảnh những người dân Hà Nội chạy tản cư lại càng cực khổ vô cùng. Lúc rời làng Đại Yên ra đi, bà Tuyết đang mang thai. Số tiền ít ỏi dắt lưng chẳng mấy ngày đã tiêu hết cả, chồng con mỗi người một ngả, ăn bụi ngủ bờ không nơi nương tựa.

Một ngày tháng 4 năm 1947 trong lúc đi trên đường chạy loạn, bà Tuyết đã đẻ rơi đứa con gái thứ hai tại bãi ngô trên cánh đồng làng Thanh Mai. Hai mẹ con bồng bế nhau vào ở nhờ dưới hiên ngôi đình làng thôn My Hạ. Do kiệt sức trong những tháng ngày lang bạt cơ nhỡ, ăn uống thất thường thiếu thốn nên bà không có sữa để nuôi con.

Ngày ấy, ở xóm thượng thôn My Hạ có gia đình ông Bùi Văn Hồ là một gia đình nông dân chất phác. Nhưng họ có nỗi khổ là đã mấy lần người vợ sinh con mà không nuôi được. Đi xem ông Thầy bảo rằng số họ phải nuôi con nuôi thì mới nuôi được con đẻ. Năm ấy bà Hồ cũng vừa sinh một đứa bé được vài ngày mà nó đã bỏ đi.

Không biết có sự run rủi thế nào đó, hai bà mẹ lại gặp nhau trước cửa đình làng. Ngồi bên nhau mà mỗi người một cảnh éo le, người có con thì không có sữa mà người đang căng bầu sữa thì lại vừa mất con. Bà Tuyết rụt rè nói với người phụ nữ kia xin cho con mình được bú trực. Ôm đứa bé vào trong lòng và cho nó rúc vào bầu sữa của mình, bà cụ Hồ bỗng dâng trào một cảm xúc của tình mẫu tử. Sau buổi đó, bà về nhà nói chuyện với chồng. Ngày hôm sau cả hai vợ chồng ra cửa đình gặp bà Tuyết để xin đứa trẻ về làm con nuôi.

Thật là cực chẳng đã, chẳng bà mẹ nào lại muốn cho đi đứa con dứt ruột của mình. Nhưng nhìn lại hoàn cảnh của mình, bữa no bữa đói, một giọt sữa cũng chẳng có để nuôi con, sống chết cũng chẳng biết thế nào bây giờ. Thôi cũng đành là nhắm mắt mà phó thác con cho người ta. Biết đâu nó còn được sống làm người.

Từ đình đến xóm thượng cũng không xa, ngày nào bà Tuyết cũng ghé thăm con. Đứa trẻ no tròn sữa bú, ngày càng thêm lớn.

Những năm sau này bà cụ Hồ sinh thêm được hai người con, một trai, một gái và ông bà đều nuôi được các con khôn lớn thành người.

## IX.

Từ Thái Nguyên, khi biết tin vợ sinh con gái, cụ Nguyễn Đức Cẩn về làng Thanh Mai tìm gặp vợ con, thì được biết con gái mình đã là con nuôi của nhà họ Bùi được ba tháng rồi. Cũng chẳng trách gì được người vợ. Cụ đặt tên con là Nguyễn Thị Sinh để cho con sau này nhớ về nguồn gốc gia đình. Từ Thanh Mai cụ xuôi Nam Định để đón người con gái lớn là bà Tuyên lúc đó mới 9 tuổi về với gia đình.

Ông Mẫn, người con trai trưởng của cụ cũng tìm về. Thế là cả nhà sau mấy năm loạn lạc lại được gần nhau. Gửi lại người con gái thứ hai cho gia đình ông Bùi Văn Hồ, cả nhà từ biệt làng Thanh Mai chạy tản cư về mạn Vĩnh Yên. Bà Tuyên, người con gái lớn của cụ, nhớ lại: Ngày đi tản cư, Thầy tôi và anh Mẫn, ai người ta thuê việc gì cũng nhận, lúc thì gánh thuê hạt thầu dầu, rồi gánh gạch thuê. Hàng ngày ninh một nồi ngô đỏ, thỉnh thoảng có thêm ít đậu đen. Tôi đi xin rơm rạ về quán quanh nồi rồi đốt. Cả nhà ngồi ăn, nhai mãi răng lắm mà chẳng thấy no gì cả. Khi không có ai thuê thì Thầy tôi gánh hàng đi bán các con tò he (tò te), mà bán các con giống bằng bột này thì không được đi nhanh, nếu không nó xô vào nhau thì hỏng hết hàng. Một hôm hai bố con đi bán hàng qua chỗ chợ Lầm, thì gặp một ông thuốc Lào quen. Mọi khi Thầy tôi vẫn vào đấy ngồi hút thuốc. Hôm đó lúc đi qua ông hàng thuốc đó mời: “Hôm nay có thuốc ngon lắm, ông vào xơi một điếu”. Nhưng lần này Thầy tôi bảo: “Thôi, hôm nay tôi bận, còn phải vội đi bán hàng”. Hai bố con tôi vừa đi khỏi chợ độ một quãng, thì máy bay khu trục của giặc Pháp nó đến thả bom, bắn phá chỗ chợ, mà máy bay nó đến nhanh lắm, hai bố con tôi nằm nấp ở vệ đê, tôi còn nom rõ cả thằng phi công, sợ chết khiếp. Lúc sau khi đã yên ắng, hai bố con tôi quay lại chỗ chợ thì thấy quang cảnh tan hoang, còn ông bán thuốc Lào đã bị chết nằm gác chân lên cái khay thuốc. Thầy tôi bảo: “May quá, hôm nay thầy mà ngồi đấy hút thuốc thì chết cả hai bố con rồi”.

Vào khoảng cuối năm 1949 nhà tôi chẳng còn đồng tiền nào, tôi với anh Mẫn hàng ngày đi mò cua, bắt ốc kiếm thức ăn. Quần áo chẳng có và rách nát hết, hai anh em đều ở trần, anh tôi chỉ đóng mỗi chiếc khố đi mò cua, rồi xin người ta được một chiếc bao tải cắt ra khoác lên người thay áo.

Thầy tôi thấy các con khổ quá mới quyết định trở về làng. Nhà tôi là về muộn nhất. Khi về chỉ còn cái xác nhà. May có nhờ nhà ông Lang Phong cũng tốt, giúp cho gia đình tôi ít đồ dùng, quần áo.

Năm 1950 bà cụ đẻ cô Lê, cô con gái thứ ba và cũng là cô con gái út.

## X.

Từ những năm 1940, cụ Nguyễn Đức Cẩn đã chữa bệnh giúp cho nhiều người.

Lúc đầu cụ chữa trị bệnh cho những người trong họ tộc thân quen, nhưng sau đây do chiến tranh loạn lạc, cuộc sống của gia đình cũng bị cuốn trôi theo dòng thời cuộc. Kể từ sau khi hồi cư về Hà Nội năm 1950, khi công việc trong gia đình đã ổn định, cụ bắt đầu nhận chữa rộng rãi, nhiều người đã biết đến danh cụ, người bệnh từ nhiều nơi tìm đến cửa cụ để xin chữa bệnh. Phương pháp chữa bệnh của cụ rất đặc biệt: người bệnh hoặc người nhà bệnh nhân đến gặp cụ, nếu được cụ nhận lời hoặc cụ cho một mảnh giấy có chữ ký của cụ mang về, thì bệnh có thể khỏi. Cụ chữa bệnh không dùng thuốc và Cụ có thể chữa bệnh từ xa. Cụ chữa nhiều loại bệnh như: Điên, ung thư, đau dạ dày, sỏi gan cổ trướng, máu trắng, thấp khớp, vẩy nến, phù thận, méo mồm, trĩ, uốn ván, áp huyết, tim, liệt tay, câm, điếc, hen, đẻ ngược, viêm não...

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bà An Thị Phú, sinh năm 1924, hiện ở tại làng Hữu Tiệp, Hà Nội là một người cháu gọi cụ Nguyễn Đức Cẩn bằng chú, kể lại: Tôi còn nhớ lúc tôi độ 15, 16 tuổi (khoảng năm 1939), tôi bị một trận sốt thương hàn, tôi bị sốt hơn hai mươi ngày, người gầy và mệt lắm. Chú tôi (cụ Nguyễn Đức Cẩn) đến nhà chữa bệnh cho tôi. Lúc đó tôi ốm nằm quay mặt vào trong, ông cụ đến chữa bệnh, không thấy cho thuốc gì cả, chỉ thấy ông cụ nói thứ tiếng gì đó. Sau đó thì tôi khỏi bệnh và đi bán hàng hoa ở chỗ trước cửa nhà Godart Bờ Hồ (nay là Tràng Tiền Plaza). Lần khác, tôi bị bệnh rức đầu, đau đầu lắm không thể nào chịu được, tôi vào nhờ ông cụ chữa, cụ cho tôi một tờ giấy và dặn về để trên đầu. Từ đó, tôi khỏi bệnh ngay, tôi thấy không có tý gì là mê tín dị đoan cả. Ông cụ không cúng lễ, không lấy tiền của ai, ngay như tôi khi khỏi bệnh cũng chẳng biểu thứ gì đâu. Nhưng không phải ai ông cụ cũng nhận chữa. Ông cụ nói với tôi là: “Ai vào đến cổng nhà tôi, ai có đạo đức hay không có đạo đức là tôi biết hết”.

Ông Nguyễn Văn Nhâm, ở xóm Hồng, xã Khương Đình ngoại thành Hà Nội nhớ lại: Vào năm 1951, vợ tôi (Bà Nguyễn Thị Sở) sau khi sinh đứa cháu gái đầu lòng bị chết thì nhà tôi bị điên, nói lảm lảm nhảm, rồi nhà tôi

leo lên cây, lội cả xuống sông Tô Lịch. Gia đình tôi đi chữa hết cả mọi nơi, bác sỹ tây, bác sỹ ta, vào bệnh viện Phủ Doãn, bệnh viện Bạch Mai giết nhà tôi vào buồng riêng tiêm thuốc cũng không khỏi. Người ta mách ở đâu có ông thầy nào là đi hết, đến khi hết tiền và chẳng còn hy vọng nào có thể chữa được nữa. Thật may, lúc đó nhà tôi có bà di tu ở chùa Hàng Cót, những khách thập phương đến lễ, nói chuyện với nhau là ở làng Đại Yên có cụ Trường Cần chữa được nhiều bệnh cho nhân dân ốm đau nguy hiểm mà thuốc thang ở đâu cũng không chữa được, mà đến cụ lại chữa được. Bà sư ấy bảo: “Đề di đưa lên nói với cụ, xem cụ có chữa được không?”.

Lúc chúng tôi lên, thấy nhà cụ, người đến xin chữa bệnh đông như kiến cỏ. Tôi và bà di vào nhà thưa với cụ, xin cụ giúp cho, lúc bấy giờ nhà tôi cứ sấn quần chạy vòng quanh sân nhà cụ như con ngựa lồng. Cụ bảo nhà tôi vào trong nhà ngồi. Cụ nói: “Nếu mà cô chú đã đi nhiều nơi mà tiền nong không còn nữa, thì để tôi giúp”. Cụ dạy, ở đây không phải cúng lễ, không phải thuốc thang, yên chí cứ về đi, cụ nhận, cụ chữa cho.

Cụ cho một mảnh giấy để làm tin và cụ dặn để trong người cho cô ấy, cho thần kinh cô ấy ổn định.

Sau khi về thì nhà tôi không nói linh tinh nữa, tuy vậy người còn ngơ ngẩn, tôi lại lên xin cụ, khoảng bốn tháng sau thì nhà tôi tự đi lên xin cụ và chưa đến một năm thì nhà tôi khỏi hẳn.

Tôi thấy cụ chữa bệnh rất kỳ lạ, không thấy cụ cho thuốc, cũng không cúng lễ chiêng trống vàng mã tôn kém, thế mà bệnh lại khỏi.

Sau khi nhà tôi khỏi bệnh, chúng tôi lên cụ tạ ơn. Tôi đưa 20 đồng tiền Đông Dương, không dám nói là để trả ơn mà gọi là xin cụ tạ lễ. Cụ cười và nói: Thôi, tôi cho cô chú mang về làm vốn, để làm ăn sinh sống mà nuôi nhau, không phải tạ lễ ai cả. Cụ dạy chúng tôi: Cụ chữa bệnh cho có sức khỏe thì về làm ăn lương thiện, chân chính, đừng làm các việc phi pháp, theo được như thế thì cụ mới công nhận cho lên cửa cụ.

Chúng tôi nghe theo lời dạy của cụ, làm ăn lương thiện bằng sức lao động của mình. Sau này nhà tôi sinh được tám cháu đều nuôi được cả, mỗi khi ốm đau cứ lên xin cụ, thế là mọi bệnh đều khỏi hết.

## **XI.**

Cụ chữa bệnh và còn bài trừ mê tín dị đoan, Cụ đã giải đồng cho biết bao người. Vì cụ cho đồng bóng là mê tín. Cụ dạy: Làm người phải ăn ở có đức thì mới được đẹp, sinh sống hàng ngày phải lao động cần cù, phong tục tập quán thì nước nào cũng có, còn mê tín dị đoan thì nên bỏ.

Cụ hết lòng thương yêu, cứu chữa bệnh nhân, có khi đêm khuya, cụ còn đi đến các làng như Thạch Bàn, Kim Quan, Văn Đức, Hoàng Mai... để cứu chữa bệnh nhân, thực hiện “cứu bệnh như cứu hỏa”.

Chữa bệnh thì tận tâm vất vả như vậy, nhưng cụ không hề lấy của ai một xu nào. Bệnh nhân khỏi là cụ vui mừng. Cụ dạy: Người nghèo đã ốm thì tiền nuôi con cái cũng chẳng còn, vậy tiền đâu mà trả ông thầy, hơn nữa tôi chữa bệnh không cần thuốc, không mất vốn, mà bản tâm không muốn bóc lột người bệnh, nên tôi không lấy tiền.

Cụ còn đi quyên áo rét được hơn 400 chiếc cho người mù và người nghèo ở chợ Mơ, Hoàng Mai – Hà Nội.

Cụ Nguyễn Đức Cẩn từng nói: Đời tôi sống hơn 70 năm trời chịu bao nhiêu đau khổ, cay đắng, mà tôi vẫn chịu được để làm việc cứu đời.

Thời kỳ những năm 1955 – 1956 là những năm cụ và gia đình gặp phải những nạn lớn. Sau khi, cụ có đứa cháu nội đầu tiên được ít ngày thì người con trai trưởng của cụ là ông Nguyễn Văn Mẫn gặp nạn đột ngột qua đời, cũng trong thời gian đó ở miền bắc tiến hành cải cách ruộng đất. Cụ bị mang ra đình làng đấu tố, lúc đầu cụ bị quy kết là địa chủ, nhưng ruộng đất nhà cụ không có nhiều, lại không bóc lột, thuê mướn ai, vì chính cụ lao động hai nắng một sương, cày cuốc chăm lo vườn tược rau màu. Sau họ lại chuyển sang quy cụ là phản động thân Pháp, nhưng cụ không tham gia tổ chức phản động nào, ngoại trừ lúc tham gia cách mạng tháng 8, nhưng cụ cũng không khai báo thành tích lúc kháng chiến và những đóng góp cùng hoạt động lúc đó, người thì hy sinh, người thì bận công tác ở xa.

Bà Nguyễn Thị Chuyên, con gái lớn của cụ kể: Ngày địch tạm chiếm Hà Nội, thầy tôi vẫn hoạt động bí mật trong thành. Một hôm lính Pháp vây bắt, mấy người Việt Minh chạy trốn vào nhà tôi, thầy tôi chỉ cho họ nấp sau vườn nhà và sai tôi đứng canh ở cửa bếp, còn ông cụ đứng ở cửa nhà trên. Khi tốp quân Pháp sộc vào nhà, cụ mời họ vào uống rượu và nói chuyện. Trong toán lính Âu Phi đó có viên chỉ huy biết cụ, vì cụ đã chữa khỏi bệnh cho vợ anh ta. Toán lính uống rượu xong thì đi ra, không lục soát gì hết, thế là mấy người cán bộ kia thoát chết. Thế mà khi cải cách, chính họ lại đứng ra tố cáo cụ là phản động thân Pháp. Thật là làm ơn mắc oán. Cụ bị kết án bảy năm tù và bị đưa đi lao động tại trại Đá Bàn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Bà Chuyên kể lại: Khi ông cụ bị đi trại, tôi mới 18 tuổi, tôi cùng đi với hai bà vợ địa chủ lên thăm. Chúng tôi đi xe hỏa đến Yên Bái, rồi phải đi xe ngựa mất một ngày mới đến trại. Hai bà đi cùng, đến thì được gặp ngay người nhà, còn tôi phải chờ, vì ông cụ phải đi lao động mãi tận trong rừng sâu. Được hai ngày, thì hai bà kia đòi về, vì thấy ở lại đây buồn quá, người

chết, người khóc vì tù đầy rừng thiêng nước độc. Tôi phải chấp tay xin, nói với họ chờ thêm một ngày nữa. Đến ngày thứ ba, mãi đến hai giờ chiều thì hai bố con mới được gặp nhau. Khi tôi được gặp ông cụ, cả hai bố con đều khóc. Tôi thương ông cụ quá, người gầy và đen lắm, họ chỉ cho gặp 15 phút, thấy tôi mang theo nón cụ bảo: Cho thầy chiếc nón để đội đi lao động.

Đồ tiếp tế thì có gì đâu, chỉ có vài cái bánh mỳ và một ít muối vùng thôi. Ông cụ chỉ hỏi qua vài câu, tôi thì nghĩ vẫn vợ, cụ bị tù bấy năm chắc gì còn sống mà trở về với gia đình, bao nhiêu người trẻ khỏe mới lên, mà đã chết ở nơi rừng thiêng nước độc này.

Sau này vào năm Canh Thân 1980, có một gia đình bệnh nhân mang lên biểu cụ năm con khi vàng đang chấp tay lễ, bằng sứ, bé bằng ngón tay út, cụ cho gắn lên hòn non bộ trong sân nhà và cụ kể lại câu chuyện: Hồi ở trại, lúc cụ ngồi ăn bánh mỳ ở bên một dòng suối trong rừng vắng thì có một lũ khi đứng châu ở trước mặt, cụ dành một mẩu bánh mỳ bẻ cho chúng, kỳ lạ thay, trước khi nhận mẩu bánh, lũ khi đó lại biết chấp tay lễ cụ. Cụ bảo: À, con vật mà lại biết chấp tay là vậy.

## XII.

Sau khi sửa sai, gia đình cụ được xuống thành phần trung nông, cụ đi trại mất bảy tháng thì được về. Nhưng ngay sau đó là phong trào bài trừ mê tín. Ở nhiều nơi, các đình chùa biến thành kho của Hợp tác xã, thậm chí có nơi các câu đối thì bị mang ra làm câu ao, ngay cả việc thắp hương thờ cúng cũng bị coi là mê tín. Cụ cũng buộc phải dỡ điện thờ mẫu trong sân nhà. Cụ mang bát hương công đồng lên đặt tại Đền Và, Sơn Tây. Hôm đó lại là một ngày hội, lúc đầu những người trông coi ngôi đền không đồng ý, cụ nói: Thôi được, tùy các ông thôi. Nhưng khi cụ bước ra đến sân đền, thì một cơn giông bỗng kéo đến, mây đen phủ kín bầu trời và gió mạnh từng cơn làm rung chuyển ngôi đền, trời đất như muốn nổi giận. Biết đó là một điềm trời, bảy ông từ trông đền, mặc áo thụng xanh, sợ hãi vội vã chạy ra và mời cụ trở lại. Khi bát hương cụ đặt tại chính điện đã yên vị, thì trời lại quang minh sáng tỏ và lạ thay bao nhiêu chim rừng từ đâu kéo đến đậu đầy trên những ngọn cây trong khu đền và líu lô hót mừng. Rồi cụ trở lại Đại Yên, nhưng chỉ ít ngày sau, cụ bỏ nhà ra đi với bao điều trăn trở, băn khoăn: Sao làm việc phúc giúp đời mà lại gặp nhiều cay đắng đến thế? Có nên tiếp tục làm việc chữa bệnh giúp đời nữa hay không? Hay là đến nơi nào đó, thâm sơn cùng cốc, xa lánh cõi đời.

Nhưng cũng phải nói rằng, rất nhiều người bệnh, những người chịu ơn đã không bỏ cụ trong những ngày vô cùng khó khăn đó. Họ đã đi theo cụ trong từng bước chân, để xin cụ tiếp tục trở về chữa bệnh cứu đời. Những ân

tình sâu nặng đó có lẽ cũng làm nguôi đi bao đau đớn trong lòng cụ và làm cụ cảm động. Sau ba tháng, cụ trở lại Đại Yên. Lúc này đang có phong trào Hợp Tác xã, cụ tham gia vào làm xã viên. Hàng ngày cụ dậy từ 5 giờ sáng đi làm vườn tưới rau, lúc cuốc đất, lúc kéo xe bò, thậm chí ra tận bờ sông để vác nứa, cụ gánh nước rất khỏe, một lúc bốn thùng gấp đôi người khác, khi cuốc vườn vào chỗ đất rắn, bọn thanh niên toàn nhờ cụ làm giúp, mà cụ toàn nhin đói, không ăn sáng bao giờ cả.

Bà Tuyên, con gái cụ kể lại: Hồi thầy tôi làm xã viên, ông cụ đi làm từ sớm tinh mơ cho đến chiều tối, công việc làm vườn vất vả lắm. Tôi nhớ những lần hai bố con phải đi lấy phân bắc, thầy tôi kéo xe bò đằng trước áo ướt đầm mồ hôi, tôi cầm cui đẩy xe đằng sau, mùi phân gio hôi hám lắm, thế mà ông cụ chẳng nề hà gì, tôi thấy thương ông cụ quá... Mỗi khi bình bầu xã viên, cụ luôn luôn được bầu là lao động xuất sắc, sau giờ làm việc cụ lại trở về nhà, tiếp tục chữa bệnh cho mọi người.

Hiện nay trong nhà cụ vẫn còn giữ được bức chân dung ngày ấy. Cụ mặc bộ quần áo nâu, vai vác cuốc như một lão nông chi điền.

Năm 1958, cụ tổ chức đám cưới cho bà Chuyên (Tuyên), người con gái lớn. Đến làm rể cụ là ông Nguyễn Văn Tiến một cán bộ đã tham gia cách mạng, công tác tại Ban kinh tài trung ương. Sau này hai ông bà sinh được ba người con gái.

Năm 1967, cụ gả chồng cho người con gái thứ hai (bà Nguyễn Thị Sinh). Người con rể thứ hai của cụ là một chiến sỹ quân đội, ông Nguyễn Văn Ảnh ở xóm Bến làng Thanh Mai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (cũ). Sau khi lấy nhau đã bốn năm mà vẫn chưa có con, làm hai vợ chồng ông Ảnh lo lắng. Cụ dạy, có sức khỏe thì hãy xây dựng kinh tế cho tốt đi đã. Đến năm thứ sáu, hai vợ chồng ông Ảnh đã có nhà cửa vườn ao đàng hoàng và sau đó họ sinh được 4 người con trai khỏe mạnh.

Từ những năm 1970, khi cụ đã hết tuổi lao động, cụ xin nghỉ không tham gia lao động trong Hợp tác xã nữa, lúc này cụ dành nhiều thời gian để chữa bệnh giúp nhân dân, danh tiếng của cụ đã lan xa đến nhiều nơi, hàng ngày có đến hàng trăm người bệnh đến xin cụ chữa, thậm chí có những ngày do quá đông khách, ban đêm người bệnh trải chiếu nằm ngoài cổng ngõ xóm để chờ xin cụ chữa bệnh.

## XII+

Đầu xuân năm Giáp Dần 1974, cụ đi du xuân Chùa Hương, cùng đi với cụ có hàng trăm người bệnh, những người chịu ơn và một số nhà khoa học.

Trên đường từ bến Yên vào bến Trò, khách thập phương thường xuống đò, vào lễ tại đền Trình có nghĩa là nơi “trình diện” với thần linh trước khi đến cõi Phật, trên núi Ngũ Nhạc. Đây là đền thờ một vị thần núi. Đền còn có tên Quan Lớn, thờ một bộ tướng của vua Hùng.

Một điều làm mọi người đi cùng với cụ ngạc nhiên, khi một bác trong đoàn thưa với cụ cho đò dừng lại, để vào đền Trình thì cụ bảo: cứ đi, không phải trình.

Khi dẫn đoàn vào đền cửa động Hương Tích, dừng bước trước cửa động, cụ nói: Hôm nay tôi đến thăm Bác. Rồi Cụ nói tiếp: Bây giờ, nước Việt Nam đã có chủ.

Khi cụ dứt lời, thì thật lạ thay, các bát hương trong chùa bỗng bốc cháy bùng bùng. Tất cả những người có mặt lúc đó đều nhất nhất chấp tay lễ Trời Phật, mà xuýt xoa vui mừng.

Cụ giảng giải: Ngài (Đức Phật Bà) vào đời nhà Triệu, đã đến nước ta tu, trước Ngài tu tại động Tuyết Sơn, sau khi thành đạo thì Ngài mới sang động Hương Tích. Cụ giải thích: vì Ngài xuống đời trước, nên ta gọi Ngài là Bác.

Chuyến du xuân Chùa Hương của cụ năm đó, đi trong hai ngày. Buổi tối hôm trước, đoàn nghỉ trọ tại quán Yên Hương gần bến Đục, để hôm sau vào chùa Tuyết Sơn. Khi nghe tin cụ nghỉ đêm tại đây, rất nhiều người nghe danh của cụ đã đến chào và xin cụ chữa bệnh.

Trên đường trở ra, mưa xuân đang phơ phất bay, bất chợt, cả đoàn người đi du xuân thấy một kẻ ăn mày, quần áo rách rưới đang nằm lê lết trên vũng bùn ven đường ngửa chiếc nón rách, miệng van xin tiền khách qua đường. Thấy cảnh ngộ khốn khổ của người kia, một bác trong đoàn chạy đến xin trình cụ, để quyền góp tiền giúp đỡ. Nhưng cụ lặng yên không đáp, mà cứ đi thẳng. Khi đoàn người đi qua mà không thấy có ai cho tiền, đột nhiên con người tưởng như tật nguyên kia bỗng vùng dậy vung tay, chửi bới om xòm. Hóa ra hắn chẳng ốm đau, tật nguyên gì, mà chỉ giả vờ đóng kịch để lừa dối người đời. Mọi người lúc đó mới vỡ lẽ tại sao lúc trước cụ lại không nói gì.

Thật đúng là “vải thưa không che được mắt Thánh”. Đi được một quãng xa, chợt cụ dừng chân, chỉ một cháu bé gái đang bsn rau ven đường và nói: Con người này mới thật đáng thương.

Nghe vậy, mọi người dừng lại xúm vào hỏi thăm và chẳng mấy chốc đã mua hết rổ rau sáng. Cháu gái nhỏ cho biết, cháu còn đang đi học, nhưng mẹ cháu bị ốm, cháu tranh thủ đem rau đi bán để đỡ tiền cho cha mẹ. Mấy bà chậm chân đến muộn, nên rau đã hết, nhưng cũng bỏ tiền vào trong rổ. Thấy vậy, cô bé nhặt tiền rồi trả lại và nói rằng: Cháu đi bán rau, chứ không

đi ăn xin, các bà cầm lại tiền đi ạ. Mấy người kia cầm lại tiền và bảo với nhau rằng, con bé này đến đại.

Ồi! Người lớn chúng ta, nhiều người vẫn tưởng rằng mình là khôn.

### XIII.

Đầu năm 1974, được phép của Ủy ban khoa học nhà nước, ông Nguyễn Phúc Giác Hải, cán bộ nghiên cứu sinh vật học đã đến Đại Yên gặp cụ để nghiên cứu phương pháp chữa bệnh của cụ. Ông đã tiếp cận cụ và được cụ cho phép gặp gỡ phỏng vấn các bệnh nhân đã được cụ chữa khỏi.

Ngày 26 tháng 4 năm 1974, ông Nguyễn Phúc Giác Hải đã báo cáo trình bày vấn đề này theo yêu cầu của Bộ Công an. Ngày 30 tháng 4 năm 1974 có thể gọi là ngày đánh dấu của Khoa học ngoại cảm ở Việt Nam, các cơ quan chức năng đã tiến hành quay phim hai ca chữa bệnh của cụ, các bác sỹ phản biện đã phát biểu công nhận việc chữa bệnh của cụ đã có kết quả ban đầu.

Giáo sư Nguyễn Hoàng Phương đã phát biểu: Cụ Nguyễn Đức Cẩn có một khả năng kỳ diệu và phương pháp chữa bệnh hoàn toàn mới và rất thần tình, mặc dầu chưa giải thích được, là một tồn tại khách quan, không thể phủ nhận được.

Nhưng sau đó giới y tế cho rằng việc chữa bệnh này là tự kỷ ám thị, người bệnh khỏi là do ngấm thuốc. Họ đòi hỏi cụ muốn chữa bệnh phải có giấy phép, mà không biết cơ quan nào đứng ra cấp cho cụ giấy phép này.

Ngày 18 tháng 5 năm 1974, Sở Y tế Hà Nội đã ra thông báo về việc chữa bệnh của cụ, và cho rằng phương pháp chữa bệnh đó là lừa bịp, mê tín dị đoan.

Cùng trong năm 1974, trung tướng Phạm Kiệt, thứ trưởng thứ nhất Bộ công an đã viết một bức thư gửi đến các cơ quan liên quan và một bức thư cảm ơn Cụ Nguyễn Đức Cẩn.

*Kính gửi Cụ Trưởng Cẩn*

*Trong thời gian cụ còn được chữa bệnh, tôi có đến với Cụ một vài lần tuy chưa được Cụ chữa bệnh chính thức, nhưng một số bệnh thần kinh như huyết áp được xuống, ngủ được, không phải dùng thuốc ngủ, đường ruột co bóp tốt hơn, còn bệnh chính thì thật là nan giải, nhưng sau đó Cụ bị cấm không chữa bệnh, từ đó tôi không được chữa bệnh nữa, nhưng mỗi khi đến với Cụ thì thấy trong người dễ chịu hơn. Bây giờ điều mà tôi mong muốn là Bộ Y tế, Sở Y tế Hà Nội, Cơ quan khoa học nhà nước với các đồng chí có chức trách nên nghiên cứu lại và để cho Cụ được chữa bệnh cho đồng bào*

*một số bệnh mà khả năng của Cụ đảm đương được. Đó là điều làm tốt không có gì trở ngại theo sự hiểu biết cá nhân của tôi.*

*Cuối thư chúc Cụ sức khỏe và mong sớm muộn có ngày Cụ sẽ được chữa bệnh cho nhân dân là điều tốt nhất.*

*Cảm ơn Cụ.*

*Ký tên – Phạm Kiệt.*

Cụ nghỉ chữa bệnh và treo một chiếc biển trước cổng nhà “Không chữa bệnh, miễn vào”.

Cụ đi chơi, đến thăm nhà các bệnh nhân. Gia đình mời cụ đến thăm đầu tiên là gia đình Cụ Khuất Duy Tiến, nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến thành phố Hà Nội. Vào năm 1961-1962 cụ Tiến bị rối loạn thần kinh, hoàn toàn không thể làm việc được nữa. Đến năm 1973 thì gia đình biết Cụ Nguyễn Đức Cẩn và lên Cụ để chữa và từ đó cụ Tiến tỉnh táo và bắt đầu hiểu biết những người chung quanh. Sau đó, cụ Khuất Duy Tiến lại bị năm cái gai đôi mọc ở gáy làm cho mất ngủ, đau đớn. Gia đình lại đưa cụ Tiến lên Đại Yên xin chữa bệnh và khi về thì chỉ năm ngày sau hoàn toàn năm gai đôi biến đi, Cụ Tiến đã ngủ được và khỏi bệnh.

#### XIV.

Từ đầu tháng 4 năm 1975, quân dân ta tiến công trong mùa xuân lịch sử với khí thế thần tốc, bất ngờ, táo bạo và chắc thắng. Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 các hướng tấn công của đại quân ta đều nhắm tới Sài Gòn nơi tập trung các cơ quan đầu não của ngụy quyền. Giờ phút lịch sử của dân tộc ta đang bước vào một trang mới: Kỷ nguyên của đất nước độc lập thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong buổi sáng lịch sử đó, cụ đã bảo anh Lê Quang, một bệnh nhân đang có mặt tại nhà cụ: “Chú hãy treo cờ Tổ quốc lên, mừng cho non sông liền một dải”. Nhìn lá cờ đỏ sao vàng tung bay trong rực rỡ nắng vàng, nét mặt cụ rạng ngời xúc động. Có lẽ đây là một trong những lá cờ Tổ quốc được treo lên sớm nhất trên mảnh đất Hà Nội, trong niềm vui chiến thắng của dân tộc ta, kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ Quốc (1945 – 1975).

Từ những năm 1980 trở đi, công việc chữa bệnh giúp dân của Cụ có nhiều thuận lợi hơn. Người đến xin cụ chữa bệnh có cả những cán bộ cao cấp trong trung ương, các tướng tá trong quân đội, công an, các văn nghệ sỹ, các bậc lão thành cách mạng và đông đảo bà con nhân dân lao động.

Ngày 27 tháng 6 năm 1982, phóng viên Minh Đăng Khánh, báo Sài Gòn giải phóng, phỏng vấn Cụ Nguyễn Đức Cẩn tại Đại Yên.

Trong buổi phỏng vấn cụ đã nhấn mạnh: “Đức là gốc của con người. Nếu anh sửa mình được thì dù nghèo cũng không khổ. Giàu mà cái gốc không còn, đức hết, anh khổ cũng là tại anh”.

Cuối cuộc phỏng vấn cụ nói: “Tôi chữa bệnh không lấy tiền, như vậy tôi đã làm lợi cho dân. Đó là điều làm tôi sung sướng. Tôi chỉ muốn mọi người có cơm no, áo ấm, không bị ốm đau, thế thôi”.

Cụ Nguyễn Đức Cần đã từng nói rằng: Chính tu là cái đức của mình, biết thương người, mình chịu khổ thì mới thương người, còn mình sướng thì biết thương ai. Nói đức mà chỉ nói cái mồm, thì ai chả nói được. Cho nên thương thật thì ít lắm.

Nhạc sỹ Tu My Đỗ Mạnh Cường khi viết xong bài hát Giọt nước mắt để tặng Cụ đã kể lại rằng: khi lên cụ, ông đã chứng kiến bao câu chuyện cảm động về tình thương của Cụ đối với những người bệnh, những người nghèo khổ đã trải qua bao tháng năm ốm đau hoạn nạn, nay được cụ chữa khỏi những căn bệnh nan y, không biết lấy gì tạ ơn, đành dùm được ít tiền mua được chút quà nhỏ để mang lên biếu cụ, có khi chỉ là miếng ăn hàng ngày như một vài bìa đậu phụ hay một miếng chả, nhưng cụ nhất quyết không nhận. Cụ bảo: Ông nhận rồi, thôi mang về cho các con ăn. Chúng nó đang mong ở nhà.

Lại một người nghèo khác, khi được cụ chữa khỏi bệnh, chỉ mang lên biếu cụ một khúc sắn giây luộc, lần đó thì cụ nhận, nhưng bảo cắt ra chia cho mỗi người đang có mặt tại đó, mỗi người một miếng. Cụ bảo: Đây là cả tấm lòng của người ta.

Những giọt nước mắt đã tuôn rơi, tuôn rơi trên những khuôn mặt dịu hiền trước tình thương của cụ. Cuộc đời của họ đã nhờ cụ cứu giúp, đã vượt qua những cơn hiểm nguy.

## XV.

Ông Đinh Văn Hợp ở Phúc Tân, Hà Nội kể: Tôi có người con bị ung thư, đầu năm 1972 cháu điều trị ở bệnh viện K, về nhà sáu tháng lại bị đau ở cạnh sườn.

Cháu bị chướng bụng khó thở, ăn không tiêu và bụng ngày càng to thêm. Bệnh viện bảo cháu bị di căn chạy vào gan không chữa được nữa, chỉ chờ ngày một, ngày hai chứ không lâu, thềm gì cứ cho cháu ăn. Khi viện cho về nhà, gia đình họ hàng đều chán ngán, người khóc om sòm. Lúc ấy bà con hàng xóm đến thăm mạch bảo lên cửa cụ, gia đình tôi lập tức lên ngay. Tối hôm đó bảy người anh em, bố mẹ họ hàng thuê một xe xích lô khiêng cháu vào tận nhà cụ. Không may trời tối hôm đó trời mưa như tầm như tã, mọi

người đều ướm sưng. Còn cháu thì mê man không biết gì nữa. Thấy cảnh tượng như thế cụ rất thương và đã nhận cứu cháu. Từ đó cháu về dần dần tỉnh, mấy hôm sau bụng cháu dẹp hẳn đi, chân tay nhẹ nhõm, rồi cháu đã ăn được hai, ba lưng cơm. Nay cháu đã khỏe mạnh là nhờ lòng thương nhân đạo của cụ.

Lệ tục là ngày rằm và ngày mùng một đầu tháng là ngày lễ Giời, lễ Phật, nên gia đình không biết lấy gì đền đáp công lao của cụ. Nhưng cụ không cho mang lễ bái gì cả. Vậy vợ tôi nghĩ, lòng thành mua thẻ hương rồi nhét 20 đồng vào thẻ hương. Đến sáng ngày 16, cụ thấy trong thẻ hương có tiền, cụ đi ra chỗ Cột đồng hồ (phố Trần Nhật Duật) đón tôi đi làm để cụ giao trả. Cụ đã mất công đi như thế mà không gặp. Cụ phải nhờ một người ở phố Mã Mây đem xuống tận nhà trả lại, cụ viết thư bảo: Nhà nghèo tiền ấy để mua thêm thức ăn bồi dưỡng cho cháu, cụ thương những người nghèo, cụ chữa giúp, nhưng cốt phải có đạo đức.

Một gia đình ở phố Hàng Trống, khu phố Hoàn Kiếm, Hà Nội kể: Hồi tháng 8 năm 1979, cháu trai lớn của gia đình tôi da bị vàng úa, sau dần da cháu bị bạc trắng, môi nhợt, cháu chuyển từ bệnh viện Hai Bà Trưng đến bệnh viện Xanh Pôn bệnh tình không đỡ mà ngày thêm nặng, chân tay bị phù, mắt nặng, bụng to rắn như đá, gia đình khóc lóc van xin các bác sỹ cứu chữa cho cháu. Các bác sỹ chuyên khoa cho biết là cháu bị bệnh máu trắng, rất ít hy vọng.

Gần Tết Nguyên Đán gia đình đưa cháu lên Đại Yên, ăn mỳ của cụ. Cụ dặn:

Cứ về đi, cụ thương, cụ sẽ giúp. Sau khi cháu về nhà mấy tiếng đồng hồ, chân tay cháu đeo cả lại, mặt đã bớt nặng. Hôm sau gia đình lại lên xin cụ, cụ bảo rằng: “Cứ về đi, tôi sẽ cho cháu khỏi hẳn”. Quả nhiên đến Tết thì cháu khỏi hẳn phù, bụng mềm lại, da dẻ mặt mỳ hồng hào. Cụ chữa bệnh thật như thần thoại, không cúng bái, tiền nong.

Có bài thơ ca ngợi rằng: “*Quất tỉnh trùng lâm thế  
Nam thiên xuất Dị nhân  
Huyền công tham tạo hóa  
Trước thủ tiện thành xuân*”

Dịch nghĩa: *Thầy hay cùng xuống ở đời  
Trời Nam nay mới sinh thời Dị nhân  
Huyền công Tạo hóa dự phần  
Động tay tức khắc bệnh lành phút giây.*”

**XVI.**

Ngày 13 tháng 8 năm 1982, nhạc sỹ Tu My – Đỗ Mạnh Cường, sáng tác bài hát “Sao rực sáng làng hoa” kính tặng cụ. Sự nghiệp của nhạc sỹ Tu My gồm có một số nhạc tình lãng mạn, một thời đã được công chúng biết đến và yêu thích như Nhạc Lòng, Chia Ly, Hận Tình hay Tan Tác (trước năm 1954)... cùng một vài bài ca quê hương và xã hội như Hà Nội 55, Uống Nước Nhớ Nguồn, Thư Gửi Miền Nam, Nhắn Bạn Phương Nam. Có thêm những bài về một nhân vật nào đó như Phạm Ngọc Đa, Nguyễn Đỗ Hùng, Sao Rực Sáng Làng Hoa (tặng cụ Nguyễn Đức Cẩn)... Nhưng vì ông là người giảng dạy nhiều năm tại nhiều trường phổ thông và còn là người dàn dựng các chương trình biểu diễn âm nhạc trong các sinh hoạt học sinh cho nên ông có nhiều ca khúc thiếu nhi như: Bài Ca Gia Đình, Ông Thân Yêu, Học Vì Ngày Mai, Bông Sen Trắng...

Là một nhạc công tài hoa, biết xử dụng nhiều nhạc cụ như accordeon, piano, guitare, violon, saxo alto, flute... ông đóng góp rất nhiều vào phong trào âm nhạc quần chúng tại Hà Nội.

Gia đình ông Tu My trước đây ở tại số 20 phố Nguyễn Văn Tố, Hà Nội. Ông Tu My bị bệnh tim (rối loạn nhịp tim), ông lên Đại Yên xin cụ Nguyễn Đức Cẩn chữa bệnh. Ông thường “khoe” với mọi người về tờ giấy (đạo) của cụ cho mà ông luôn đeo ở trong ngực áo. Từ ngày gặp cụ, trái tim ông đã trở lại khỏe mạnh với nhịp đập bình thường. Rung cảm trước tài năng và đức độ của cụ, nhạc sỹ Tu My – Đỗ Mạnh Cường đã sáng tác khoảng 16 bài hát để kính tặng cụ, như: Sao rực sáng làng hoa, Ông thân yêu, Du Xuân, Vườn ngọc nở hoa, Giơ tay lên, Giọt nước mắt ...

Ngày 2 tháng 9 năm 1982, luật sư Đỗ Xuân Sảng, một trí thức có tiếng ở Hà Nội cùng một số phóng viên Thông tấn xã lên Đại Yên thăm cụ. Họ rất ngạc nhiên khi thấy vào đúng ngày rằm tháng bảy, mà trên nhà cụ không thấy làm lễ cúng bái gì cả. Sau khi tiếp chuyện cụ, các vị khách ngỏ lời xin được chụp ảnh chung cùng với cụ. Lúc đầu cụ cảm ơn và nhẹ nhàng từ chối, sau mọi người cứ năn nỉ mãi. Cụ bảo: Thôi được tùy các ông thôi. Thế là hai phóng viên thi nhau trở tài chụp lia lịa. Mấy ngày sau, có một người trong đoàn khách lên thưa chuyện với cụ là lại quá, không hiểu sao cả hai cuộn phim chụp cùng cụ hôm ấy, khi rửa thì lại trắng phớ, chẳng được ảnh nào. Cụ cười nói rằng: Hóa ra máy cũng bị mù à.

**XVII.**

Đêm 30 Tết Quý Hợi năm 1983, như thường lệ, trên nhà cụ không khí đón Tết thật hân hoan náo nức. Cụ cho trồng trước nhà một cột pháo cao

khoảng 4-5 m, trong hai bồn hoa dưới tán hai cây vạn tuế trước sân nhà cụ, nổi bật hai dòng chữ “Hạnh Phúc” được cắm bằng hàng trăm bông hoa cúc vàng tươi.

Những bệnh nhân, người từ bốn phương nhưng yêu thương nhau như con cùng một mẹ, tụ họp về đây, chung quanh cụ và nghe cụ chúc Tết.

Những đêm 30 Tết trước đó, đến đây có các bệnh nhân ở Hà Nội, rồi ở các tỉnh về, thậm chí có những người ở miền Nam ra, có những người ở nước ngoài về, có những người theo đạo Thiên Chúa, những người theo Phật giáo, những nhà sư quân áo nâu sòng, có những sỹ quan quân đội, những văn nghệ sỹ... tất cả anh chị em bệnh nhân, những người chịu ơn cụ nhìn nhau với ánh mắt trìu mến và tất cả ngược mắt lên cụ và chờ đợi lời chúc Tết của cụ.

Nhạc sỹ Tu My – Đỗ Mạnh Cường đã sáng tác nhiều bài hát để kính tặng cụ và các nghệ sỹ, những bệnh nhân cất cao tiếng hát chúc mừng cụ trong thời khắc thiêng liêng của giao thừa sắp đến.

Có thể nói là ở Việt Nam mình, cũng như ở trên khắp thế giới không có một nơi nào có một phong tục đẹp, đặc biệt như thế. Nó biểu hiện lòng biết ơn của bệnh nhân, tình thương yêu nhau giữa những người bệnh, lòng biết ơn đối với vị Thầy đã cứu, chữa bệnh cho mình, cho gia đình mình.

Ngày mừng 8 Tết Quý Hợi, Cụ tổ chức đi du xuân Đền Và - Sơn Tây, đi theo cụ có khoảng 500 bệnh nhân, những người chịu ơn. Đền Và là nơi hàng năm cụ hay đến thăm và là ngôi đền thiêng liêng với cư dân Việt cổ đã hàng ngàn năm nay.

Đầu hè, đại tá không quân Lưu Huy Chao, anh hùng lực lượng vũ trang lần thứ hai đến xin cụ chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, anh hùng Lưu Huy Chao xin được chụp ảnh cùng cụ, trong bộ quân phục đại lễ. Đây là bức ảnh cuối cùng cụ đã chụp với bệnh nhân. Anh hùng Chao, nguyên là phi công MIC 17, đã bắn rơi 6 máy bay của không lực Hoa Kỳ.

## **XVIII.**

Ngày 21 tháng 6 năm 1983, sau một cơn giông nhỏ, cây trứng gà trong sân nhà cụ bị đổ nghiêng. Cụ nói “Thế là hết, đạo này trong người tôi khác lắm”.

Tối ngày 23 tháng 6, khi nằm nghỉ ở ngoài sân cụ hỏi ông Tiên, con rể lớn của cụ:

- Chú có thấy ngôi sao kia không?

Ông Tiên trả lời:

- Có, con thấy ngôi sao đó, mọi khi sáng lắm, sao mấy hôm nay trông không sáng mà lại có quầng bố ả, thế là thế nào hả bố?

Cụ bảo:

- Biết vậy, nó sẽ mất, đấy rồi chú xem.

Cụ hỏi:

- Hồi ở Việt Bắc, chú có đi nhiều đền chùa không?

Ông Tiến trả lời:

-Con công tác ở miền núi 34 năm, tất cả các đền chùa của 13 tỉnh miền núi, con đều vào lễ và thắp hương, có những ngôi đền ở sâu trong rừng, không ai dám vào, mà con vẫn vào lễ, có khi dấu chân hổ còn mới, mà con chẳng sợ gì.

Cụ cười, rồi cụ nói:

- Anh này làm cách mạng mà cũng đi lễ, cũng lạ thật. Chú đi lễ thế là tốt.

Cụ hỏi:

- Chú đã nghiên cứu nhiều sách, chú thấy đạo nào là tốt?

Ông Tiến trả lời:

-Con đã xem nhiều sách và nhiều quyển sử nói về các đạo, nhưng phần nhiều họ nói một đằng nhưng lại làm một nẻo. Sách thì con cho là hay, nhưng thực tế con lại thấy nó khác, mà ở nước ta không có môn đạo nào cả, mà toàn du nhập ở nước ngoài vào.

Cụ nói:

- Phải, ở nước ta thì không có đạo nào cả, toàn ở nước ngoài vào, như thế mà người đời tin. Đạo là đứng đắn, nhưng chủ yếu là cái tâm, cái đức của mình, tức là cái đầu mình không tham, không thù ghét ai, biết thương người.

Ông Tiến hỏi:

-Bố ơi, với pháp đạo của bố, tại sao lại không trị những người thất đức, mà cứ để nó làm nhục mãi thế?

Cụ nói:

- Không được, khi tôi xuống núi, thầy tôi có dạy là không được thù ghét ai, nếu thù ghét người ta thì nguy hại lắm, lúc còn trẻ tôi có phi đạo một hai trường hợp, họ bị hại ghê gớm lắm, mà tôi đã phi đạo phạt họ, thì lại không cứu được họ. Cho nên mình làm việc công đức thì không được hại ai, mình phải chịu nhục thì mới tu được, mới cứu đời được. Đời tôi sống hơn 70 năm

trời, chịu bao đau khổ, cay đắng đủ mọi thứ mà tôi vẫn chịu được để cứu đời.

Vào 14 giờ chiều ngày 24 tháng 6 năm 1983, một trận động đất mạnh 6,7 độ Richter, trung tâm tại Tuần Giáo, làm rung chuyển cả thủ đô Hà Nội.

Mấy ngày sau, cụ nói với mọi người: “Tôi sẽ đi xa, tôi sẽ về một nơi có cánh đồng rộng rãi, xung quanh có nhiều cây cối và không xa (Hà Nội), ai vào cũng được”.

Mọi người không biết đó là những lời dặn xa xôi, nên ai cũng xin được đi theo cụ.

Tối ngày 2 tháng 7 năm 1983, Cụ nói với ông Tiến:

- Đạo này tôi yếu lắm, người khác đi nhiều, có lẽ Thầy sẽ đi xa.

Rồi cụ hỏi:

- Chú có thấy ngôi sao đâu không?

Ông Tiến trả lời:

- Con có thấy, nhưng mờ hơn hôm qua, quảng lại sáng hơn, bố ạ.

Cụ nói:

-Tôi yếu rồi, đừng nói với ai làm cho người ta hoang mang... Tôi nếu qua ngày mùng 4 tháng 6 (âm lịch) thì tốt, nếu không thì đi thôi.

Ông Tiến khóc và hỏi cụ:

- Bố ơi thế thì con đau khổ quá, bây giờ làm thế nào hờ bố? Có cách gì không hờ bố?

Cụ nói:

- Đó là mệnh trời, không sao tránh khỏi. Phải bình tĩnh con ạ.

Ngày 3 tháng 7 năm 1983, cụ bắt đầu mệt, gia đình và một số bệnh nhân họp bàn phân công nhau chăm sóc cụ.

Ngày 6 tháng 7, những ngày hè năm đó nắng như đổ lửa, trời trong xanh không một gợn mây. Ban ngày thủ đô Hà Nội nhiều nơi bị cắt điện, cái nóng hầm hập làm ai cũng như cảm thấy đang sốt. Mỗi ngày hàng trăm bệnh nhân, những người chịu ơn cụ, nghe tin cụ bị mệt nặng đến thăm, ngôi nhà rộng rãi của cụ bỗng trở nên chật chội. Mọi người đứng bên hiên nhà cụ, lặng lẽ hỏi thăm nhau, trên nét mặt ai cũng thấy sự lo lắng cho sức khỏe của cụ. Ban đêm những người ở lại nằm la liệt trên sân, trong vườn nhà cụ. Cảnh gôi đất nằm sương trông thật cảm động. Ai cũng mong ngóng cho cụ sớm khỏe trở lại.

Sáng 11 tháng 7 năm 1983, cụ bỗng trở dậy như lúc bình thường. Mọi người có mặt lúc đó rất ngạc nhiên và mừng rỡ. Cụ ký hai tờ đạo cho hai gia

đình, Cụ nói: Việc tôi giúp cho mọi người đến đây là xong, mọi việc từ nay sẽ khác.

Sáng ngày 13 tháng 7 năm 1983 (mùng 4 tháng 6 năm Quý Hợi), cụ khó thở. Đến 19 giờ 4 phút cụ lịm đi một lát, sau lại tỉnh, tim mạch bình thường. Đến 23 giờ 30 tim mạch cụ yếu hẳn và đến 23 giờ 58 phút, Cụ đã trở về cõi trường sinh.

Thật đúng là:

*Việc đời cứu giúp đã xong*

*Gôi mây, nhẹ bước thong dong cõi trời*

Sáng ngày 16 tháng 7 năm 1983 tại số nhà 86 làng Đại Yên - Hà Nội, gia đình cùng đông đảo bệnh nhân đã trang trọng tổ chức lễ tang cụ Nguyễn Đức Cẩn. Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải đọc lời diếu nói về thân thể và sự nghiệp của cụ và nhấn mạnh: Cụ đã cống hiến suốt đời mình cho sức khỏe và hạnh phúc của nhiều người.

Nhà giáo Vũ Văn Ngọc thay mặt những người chịu ơn ca ngợi công lao trời bể của cụ, bày tỏ niềm tiếc thương vô hạn của những người bệnh, trước sự ra đi của cụ. Hàng ngàn người bệnh đã chịu tang cụ, chít khăn tang trắng trên đầu đến dự lễ truy điệu và đưa cụ đến nơi an nghỉ cuối cùng tại cánh đồng làng Thanh Mai, huyện Thanh Oai - Hà Tây (cũ).

Từ ngày đó đến nay, thấm thoát đã hơn 26 năm trôi qua, nơi cụ an nghỉ đã trở thành một khuôn viên với những hàng cau tươi tốt. Cụ về đây an nghỉ giữa đồng quê thanh bình. Những người chịu ơn cụ, những người biết đến danh cụ thường vẫn về nơi đây, thấp những nén hương thơm ngát để tưởng nhớ, để tri ân cụ - một con người đã suốt đời vì nước vì dân phục vụ.

*(Hết phần I – Mùa thu năm 2009)*

## Phần II: Cứu nhân độ thế

*Lời dẫn : Trong một lần đến thăm Thiếu tướng - Ts Nguyễn Chu Phác, ông đã gợi mở và động viên tôi viết tiếp cho cuốn sách "Nguyễn Đức Cần - Nhà văn hóa tâm linh". Vì vậy tôi lục tìm lại tư liệu viết bổ xung thêm bài "Cứu nhân độ thế " trong đó có phần chuyên sâu về Quyền năng và phương pháp chữa bệnh của cụ. Xin trân trọng giới thiệu.*

### Ra đời sớm



Cụ Nguyễn Đức Cần ra đời vào đêm 30 Tết Kỷ Dậu 1909 và mất ngày 13 tháng 7 năm 1983 (ngày 4 tháng 6 năm Quý Hợi). Theo lời kể lại của cụ Trương Thị Đào và cụ Trương Thị Mận (vợ cụ Nguyễn Đức Yêm, bác ruột cụ Nguyễn Đức Cần) thì khi cụ Hoàng Thị Khế (thân mẫu cụ Nguyễn Đức Cần) sinh người con trai này vào đêm 30 Tết Kỷ Dậu, thì chỉ còn một canh giờ nữa là đến giao thừa. Một điều kỳ lạ là đêm giao thừa năm ấy, khi cậu bé Nguyễn Đức Cần ra đời thì trời lại sáng trưng như có trăng rằm.

Chúng ta biết rằng Mặt Trăng là vệ tinh tự nhiên duy nhất của Trái Đất và là vệ tinh tự nhiên lớn thứ năm trong Hệ Mặt Trời. Mặt Trăng chuyển động quanh Trái Đất trên quỹ đạo hình elíp gần tròn. Tháng giao hội của nó khoảng 29,53 ngày. Tháng âm lịch hình thành trên cơ sở tuần trăng, trăng tròn vào đêm rằm (15) và những ngày có trăng thì trời đêm được ánh trăng chiếu sáng, còn vào đêm 30 là đêm không trăng nên trời tối. Ngạn ngữ có câu: Tối như đêm ba mươi tết.

Cụ Nguyễn Đức Cần nói rằng: Tôi phải ra đời sớm. Thời điểm cụ ra đời chỉ còn một canh giờ nữa là đến giao thừa, thời khắc thiêng liêng liêng giao hòa của trời đất và theo Phật lịch ngày Mừng 1 Tết (âm lịch) là ngày đản sinh Đức Phật Di Lặc, một vị Phật của tương lai (Future Buddha).

Cụ Nguyễn Đức Cần còn nói rõ rằng: Tôi phải ra đời sớm, nếu không máu sẽ chảy thành sông và con người sẽ còn ăn thịt nhau.

Thế kỷ thứ 20 nền khoa học kỹ thuật của thế giới đã có những tiên bộ vượt bậc, con người đã chế tạo được những con tàu vũ trụ bay vào không

gian. Nhưng con người chúng ta cũng tự tàn sát lẫn nhau một cách đẫm máu qua hai cuộc đại chiến.

Thế chiến thứ nhất, diễn ra từ tháng 8 năm 1914 đến tháng 11 năm 1918, là một trong những cuộc chiến tranh quyết liệt. Đây là cuộc chiến tranh có chiến trường chính bao trùm khắp châu Âu và ảnh hưởng ra toàn thế giới, lôi kéo tất cả các cường quốc châu Âu và Bắc Mỹ vào vòng chiến với số người chết trên 20 triệu người, với sức tàn phá và ảnh hưởng về vật chất tinh thần cho nhân loại rất sâu sắc và lâu dài.

Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh thế giới thảm khốc bắt đầu từ năm 1937, 1939 và chấm dứt vào năm 1945 giữa các lực lượng Đồng Minh và Trục theo chủ nghĩa phát xít. Hầu hết mọi lục địa trên thế giới đều bị ảnh hưởng của cuộc chiến này, ngoại trừ châu Nam Cực. Nó là cuộc chiến rộng lớn và tai hại nhất trong lịch sử nhân loại. Khoảng 62 triệu người đã bị chết do cuộc chiến này, kể cả các hành động tàn sát diệt chủng của Đức Quốc Xã (Holocaust), 60% người chết là thường dân, chết vì bệnh dịch, nạn đói, nạn diệt chủng và bom đạn. Thiệt hại nặng nhất là Liên Xô (cũ) với 23 triệu người chết, Trung Quốc với 10 triệu người...

Đất nước Việt Nam chúng ta cũng trải qua các cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ, chiến tranh biên giới bảo vệ phía bắc và tây nam.

Nhưng trong thế kỷ thứ 20 này, con người ta còn đối xử với nhau dã man, ăn thịt nhau như thời Trung cổ hay không? Như lời cụ nói.

Tình cờ vào khoảng những năm 1980, chúng tôi có được nghe một câu chuyện kể lại của anh Đỗ Văn Nhân, một anh bộ đội đã tham gia cuộc chiến tranh biên giới Tây nam. Chiến dịch phản công biên giới Tây-Nam là một loạt các chiến dịch quân sự do Việt Nam tiến hành nhằm ngăn chặn các hoạt động quân sự của quân Khmer Đỏ tấn công vào lãnh thổ Việt Nam, giết chóc người dân và đốt phá làng mạc Việt Nam trong những năm 1975-1978.

Anh Đỗ Văn Nhân kể lại: Trong một lần đơn vị anh hành quân truy đuổi tàn quân Khmer đỏ, thì bắt được một tên lính trẻ, ăn mặc rách rưới, đáng vẻ tiều tụy. Khi khám xét chiếc ba lô của nó thì thấy có miếng thịt sống và một quả tim. Nó khai rằng : Nó và một đứa anh cùng là lính Khmer đỏ, bị lạc trong rừng nhiều ngày, nên thằng anh đã bị chết đói, còn nó vì đói quá nên đã ăn thịt thằng anh để sống, nay chỉ còn lại quả tim này.

Anh Đỗ Văn Nhân nói rằng: Thật là khủng khiếp, mấy ngày sau đó tôi không thể nào ngủ được, rồi sau đó tôi bị một cơn sốt rét ác tính và được chuyển ra bắc. Anh Đỗ Văn Nhân kết luận: Lòng tham vô đáy của con người thật là một điều kinh khủng, và con người đã trở thành dã thú.

Ngày nay, chúng ta đã bước sang một thiên niên kỷ mới, nhưng các cuộc khủng bố đẫm máu vẫn xảy ra ở Ấn Độ (2008), tại Baghdad, tại Pakistan, tại Domedovo-Nga (2011)...

Cụ Nguyễn Đức Cần sinh ra tại làng Đại Yên, Hà Nội và cụ nói rằng: Tôi chỉ vì hai chữ (Đại Yên) mà tôi về đây. Đại Yên xưa viết theo chữ Hán còn có một nghĩa nữa là Đại An.

### **Quyền Năng siêu phàm**

Cụ Nguyễn Đức Cần có một quyền năng siêu phàm. Sau buổi quay phim hai ca chữa bệnh của cụ ngày 30 tháng 4 năm 1974 tại Đại Yên - Hà Nội, Ông Nguyễn Hoàng Phương đã phát biểu: Cụ Nguyễn Đức Cần có một khả năng kỳ diệu và phương pháp chữa bệnh hoàn toàn mới và rất thần tình.

Sau này qua nhiều năm nghiên cứu khoa học về ngoại cảm và tâm linh, Giáo sư Nguyễn Hoàng Phương cho rằng: Trên thế giới hàng ngàn năm mới xuất hiện một con người có quyền năng siêu phàm như cụ Nguyễn Đức Cần.

Vậy cụ đã sử dụng quyền năng siêu phàm và phương pháp chữa bệnh như thế nào?

### **Phương pháp chữa bệnh**

Cụ Nguyễn Đức Cần có thể chữa bệnh cho người khác không cần dùng thuốc và không động chạm vào cơ thể họ. Người bệnh trực tiếp đến gặp cụ, trình bày bệnh tật của mình, nếu cụ nhận lời hoặc cụ cho một mảnh giấy có chữ ký của cụ, bệnh có thể khỏi mà không cần thuốc. Có trường hợp người bệnh nằm ở nhà hay đang điều trị tại bệnh viện, người nhà bệnh nhân đến gặp cụ xin chữa, nếu cụ nhận lời, bệnh nhân cũng có thể khỏi. Cụ có thể chữa bệnh từ xa hàng trăm km, thậm chí hàng ngàn km. Qua những năm tìm hiểu và theo dõi kết quả việc chữa bệnh của cụ, thì có 3 phương pháp chữa bệnh mà cụ thường sử dụng:

*1- Lời nói*

*2- Tờ Đạo*

*3- Điều khiển bằng tay*

Cụ Nguyễn Đức Cần đã dùng kết hợp cả 3 phương pháp trên một cách tài tình và đạt được nhiều kết quả trong việc cứu đời, trị bệnh. Cách chữa của cụ có thể so sánh với Ấn – Phù – Chú trong Mật tông tâm pháp.

*1 – Chữa bệnh bằng Lời nói (chú – mật chú – mật ngữ trong Mật tông)*

Mật ngữ là gì? Mật ngữ nghĩa là lời nói bí mật, lời nói kín, còn gọi là chân ngôn, tức là lời nói chân thật. Lời nói bí mật vì nó không được giải

nghĩa, vì chỉ có Chư Phật thì mới hiểu trọn vẹn. Mật ngữ được truyền đạt giữa người nói ra chân ngôn với các cõi giới khác. Mật ngữ còn gọi là chú. “Chú” là từ Hán Việt, có nghĩa là niệm, rót sức vào, những lời tốt đẹp tha thiết nhất để đạt được một cái gì đó hoặc tống một cái gì đi. Những lời chú chứa đựng rất nhiều và rất mật. Mật ngữ có khi được dùng cùng Ấn, gọi là Ấn – Chú.

Lúc đầu khi chữa trị bệnh, cụ Nguyễn Đức Cần dùng phương pháp Mật ngữ.

Bà An Thị Phú, sinh năm 1924, ở tại làng Hữu Tiệp, Hà Nội kể lại: Lúc tôi độ 15, 16 tuổi (khoảng năm 1939 – 1940), thì tôi bị một trận sốt thương hàn hơn hai mươi ngày, người gầy và mệt lắm, cụ đến chữa bệnh cho tôi, không thấy cụ cho thuốc gì cả, chỉ thấy ông cụ nói thứ tiếng gì đó, lạ lắm, rồi sau đó tôi khỏi bệnh. Đó là, cụ đã sử dụng mật ngữ để chữa bệnh.

Cụ Phạm Thị Chút, sinh năm 1920, ở tại làng Đại Yên, Hà Nội kể lại: Tôi là em họ cụ Nguyễn Đức Cần, trước đây có thời gian tôi nấu cơm giúp đỡ ông cụ. Một hôm, khi tôi bê mâm cơm từ dưới bếp lên nhà, thì tôi nhìn thấy cụ đang ngồi nói chuyện bằng thứ tiếng gì đó với các vị thiên quan, người nào cũng đội mũ cánh chuồn, mặt hồng tươi đẹp đẽ, tôi sợ người sợ quá làm rơi mâm bát đến xoảng một cái. Thế rồi cảnh tượng trên bỗng biến mất. Chờ tôi, thu dọn xong chỗ bát vỡ, cụ ôn tồn bảo tôi: Tôi quên mất không dặn, lần sau cô có trông thấy thì đừng có sợ. Đó là cụ dùng mật ngữ để giao tiếp với các cõi giới mà chúng ta gọi là vô hình. Thỉnh thoảng về sau này, vào những lúc vắng khách, những người gần gũi cụ vẫn thấy cụ ngồi nói chuyện một mình bằng mật ngữ với các Ngài, các Vị trong các cõi giới vô hình.

Sau này, khi chữa trị bệnh cho người khác cụ Nguyễn Đức Cần ít khi sử dụng đến mật ngữ nữa. Do quá trình đạo pháp của cụ ngày càng cao lên, Mật ngữ đã chuyển hóa thành Việt ngữ. Đó là một việc chưa từng có trong sử dụng Mật ngữ để chữa trị bệnh.

Chúng tôi xin dẫn chứng một số trường hợp cụ đã chữa bệnh bằng Việt ngữ:

Ông Vũ Như Lộc, một giáo viên ở Hà Nội, bị viêm bàng quang, mỗi khi đi tiểu tiện thì bị đau buốt. Khi đến xin cụ chữa bệnh, cụ nhận lời và nói: 7 giờ tối mai sẽ khỏi. Thì đúng 7 giờ tối hôm sau, ông Lộc đi tiểu, một viên sỏi to như một hạt ngô bắn ra và ông khỏi luôn bệnh viêm bàng quang.

Một trường hợp khác là bà Sâm, vợ đại sứ Nguyễn Tiến Thông ở Tiệp Khắc (cũ) bị bệnh mất ngủ, đã được các giáo sư, bác sỹ Tiệp chữa nhưng không khỏi. Trong 9 tháng, bà Sâm đã uống hơn 2000 viên thuốc ngủ. Khi

lên cụ xin chữa bệnh, bà nói: “Chín tháng nay con không biết giấc ngủ là gì, hoàn toàn ngủ là do thuốc”. Cụ nói: À, nếu vậy tôi sẽ chữa cho bà biết là Việt Nam còn giỏi hơn cả Tiệp Khắc. Tôi nay, tôi sẽ cho bà ngủ.

Bà Sâm kể lại đúng 7 giờ tối hôm đó, bà ngáp lên ngáp xuống, rồi tự nhiên lên giường ngủ một lèo tới sáng. Bà nói: Ba năm nay, tôi mới có một giấc ngủ ngon như vậy, cũng từ đó bà Sâm khỏi bệnh mất ngủ.

Chúng ta biết rằng ngôn ngữ hàng ngày mà chúng ta sử dụng là một dạng của sóng thông tin. Người Việt Nam nói tiếng Việt thì người Anh nghe thấy nhưng không hiểu ý nghĩa, muốn hiểu thì phải học tiếng Việt. Mật ngữ cũng vậy, muốn sử dụng mật ngữ phải có quá trình tu học lâu dài, thậm chí phải học trong nhiều kiếp và không phải ai cũng học được.

Lời cụ nói: Tôi sẽ cho bà ngủ, là một dạng mật ngữ đã chuyển hóa thành Việt ngữ, sóng thông tin này được chuyển đến nơi cần đến như một mật lệnh. Tất nhiên, chỉ có cụ mới có phép sử dụng như vậy. Chúng ta biết rằng bản chất của ngôn ngữ tạo nên những "xung động", những "trường" di chuyển theo dạng sóng với những bước sóng khác nhau. Những lời cụ nói khi chữa bệnh là một dạng sóng thông tin đã được mã hóa. Như vậy chúng ta nhận thấy rằng: âm thanh trong thế giới tự nhiên chứa đựng trong nó một sự truyền cảm vô cùng to lớn và huyền diệu.



*Gia đình cụ Nguyễn Đức Cẩn*

## *2 – Chữa bệnh bằng từ đạo – (Phù - linh thần phù trong Mật tông)*

Linh thần Phù, thần Phù, Phù, trong dân gian còn gọi là Bùa. Bùa là một từ Việt cổ, người Việt dùng từ Bùa thay cho “Phù” là âm Hán Việt. Bùa

diễn đạt tác dụng của khí để dùng trong chữa bệnh, phong thủy, hộ mệnh, trừ tà... Những ký hiệu mà chúng ta thấy trong Bùa (phù) có chức năng truyền tải thông tin và năng lượng. Với những Phù sử dụng trong chữa bệnh, nó tác động tới thể xác và tinh thần nên có thể chữa thân bệnh và tâm bệnh. Một điều quan trọng nữa là Phù chỉ có tác dụng khi được trì chú bởi các vị cao tăng, đạo sỹ, những bậc chân tu đạo hạnh. Nếu không nó chỉ như một tờ giấy trắng mà thôi. Trở lại việc chữa trị bệnh của cụ, khi cụ nhận lời chữa bệnh, thì cụ thường cho những bệnh nhân một tờ giấy mà những người bệnh gọi là tờ đạo.



Tờ đạo đó như thế nào? Đó là một tờ giấy trắng, được cắt ra mỗi chiều khoảng 4cm (kích thước gần giống như một bao diêm). Khi cụ nhận chữa bệnh thì cụ dùng bút bi ghi những ký tự vào tờ giấy đó và cụ dán đặt vào chỗ đau của người bệnh. Những ký tự mà cụ đã viết vào tờ giấy đó như thế nào? Có tờ cụ chỉ ghi chữ “Sốt” hay “Hen”, đó là những căn bệnh mà người bệnh mắc phải... có những tờ đạo thì

những ký tự trông như mây cuộn, sóng dồn, có tờ thì lại như chữ khoa đầu thời thượng cổ... rất lạ. Thật ra những ký tự trên có tính quy luật (được đúc kết qua nhiều đời), mỗi hình đều có ý nghĩa riêng, ứng với một quy luật vận hành của năng lượng. Người vẽ bùa phải là người có công phu tu luyện thực sự, có khả năng phát ra năng lượng để nạp vào bùa. Khi vẽ bùa, người vẽ phải đạt được trạng thái xuất thần, để năng lượng đi vào hình vẽ một cách tự nhiên, và vận hành theo những quy luật đặc biệt mà người xưa đã đúc kết thông qua những nét vẽ, những đường uốn lượn kỳ lạ. Một điều đặc biệt là Tờ Đạo mà cụ cho người bệnh, không hề có trì chú như dùng Linh Phù. Chúng tôi xin dẫn chứng những tác dụng của tờ đạo của cụ khi cho người bệnh.

Ông Lý Hữu Thành, một bệnh nhân ở Thanh Hóa, viết thư kể lại: Trước năm 1980, năm nào tôi cũng bị sung mụn ở lưng gần ngay cột sống, tây y gọi là hậu bối, tôi đã chữa ở bệnh viện Việt – Xô thuốc men tốn kém hàng tháng trời, nhưng chỉ đỡ chút ít chứ không khỏi. Tháng 9 năm 1980, mụn bối lại tái phát, sung rất to làm tôi vô cùng đau đớn, cụ đã nhận chữa cho tôi và cho tôi tờ giấy (tờ đạo), hàng ngày trước khi đi ngủ, tôi đặt tờ giấy đó một phút lên chỗ đau, theo lời cụ dặn. Chỉ trong một tuần là mụn đó đã hết, tôi đã khỏi hẳn bệnh. Đến nay đã 3 năm không thấy còn tái phát nữa.

Ông Minh Đăng Khánh, phóng viên Báo Sài Gòn giải phóng, viết thư kể lại một chuyện lạ kỳ qua bức thư sau :

*Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 8 năm 1982*

“Kính thưa cụ,

*Trước hết, con xin thưa với cụ, một chuyện kỳ lạ mà con vẫn chưa hết bàng hoàng, xúc động. Nếu không được cụ cứu vớt thì chắc hẳn giờ này con không còn có thể ngồi viết thư được.*

*Đêm 19 tháng 8 vừa qua, lúc gần về sáng, con đang ngủ ngon giấc thì bỗng choàng dậy, con thấy người lạnh toát, miệng không nói được, chân tay nặng trĩu, vợ con nằm ngay ở bên cạnh mà con không sao gọi nổi. Con có một cảm giác rất rõ rệt là mình sắp chết. May thay cho con, trước khi ngủ, con để cái đạo cụ cho, ở ngay bên gối. Con vừa nghĩ tới cụ, vừa thu hết tàn lực, nhấc tay cầm cái đạo đặt lên đầu. Vài phút sau, người con ấm dần, chân tay bắt đầu nhẹ và nói được. Thế là con đã được cụ cứu sống một cách vô cùng kỳ diệu”.*

Trong các tờ đạo mà cụ cho bệnh nhân, có một tờ đạo mà bệnh nhân gọi là tờ đạo sức khỏe. Những người đi công tác xa, đi nước ngoài, những người thấy trong mình không được khỏe hoặc ngay cả người đang khỏe mạnh nhưng vẫn xin cụ để dự phòng. Đối với trường hợp của Ông Minh Đăng Khánh, trước khi ông rời Hà Nội trở lại thành phố Hồ Chí Minh, nơi ông đang sinh sống, thì cụ cho ông Tờ đạo sức khỏe đó, nhưng ở trường hợp này tờ đạo đó có tác dụng như một Đạo hộ mệnh (bùa hộ mệnh).

Chúng tôi xin trích dẫn một bức thư của Ông Trần Năng Luận, một chiến sỹ lái xe, tại tuyến lửa Quảng Bình, trong những giai đoạn ác liệt của cuộc chiến tranh chống Mỹ:

*Quảng Bình ngày 8 tháng 7 năm 1972*

“Kính lạy Thầy

*Thầy cho phép con được kính lạy Thầy - “Bhagavatta” Ba-ga-vat. Đó là danh từ Ấn Độ để chỉ Người Thầy đạo đức tôn quý nhất đời.*

*Kính thưa Thầy,*

*Sau khi con vô vùng may mắn được dự ba ngày Tết, đón xuân Nhâm Tý tại cố hương, được Thầy cho tờ đạo hộ mệnh, ngày mừng 4 Tết con lên đường vào Quảng Bình phục vụ công tác tiền tuyến. Trong lá thư này, con xin báo với Thầy được rõ những nguy hiểm mà con đã trải qua, trong những chuyến xe trên các nẻo đường chiến tranh ác liệt, xe con đã bị 10 trận bom bao trùm.*

*Ngày 17, 18 và 19 tháng 6 năm 1972, đơn vị con bị máy bay giặc Mỹ 8 lần oanh kích, hàng trăm quả bom bị mẹ tung ra hàng vạn quả bom nhỏ*

xuống nơi đóng quân, xe ô tô bị cháy 17 chiếc, nhà cửa, trại chăn nuôi, kho xăng dầu bị sập và cháy hoàn toàn, ngay cả một con chim bồ câu, biết bay cũng còn bị 5 viên bi vào mình, một quả bom sát thương 25 cân đã rơi cách thùng xe con nửa thước, xe bị vỡ kính, thùng hai lớp và đầy mảnh bom... trong những lúc hiểm nguy như vậy con đã thấy rõ Thầy đã cứu con và con đã được an toàn, mạnh khỏe.

Một lần khác, lúc con đang lái xe trong đêm đi qua một trọng điểm, chợt con thấy những tia ánh sáng màu hồng đỏ, như một ngôi sao băng, nổ tung ngay giữa đường và bắn ra một cục lửa đỏ ra ven đường, con hốt hoảng phanh xe đứng dừng lại. Con tưởng rằng chiếc xe trước bị bom bi, nhưng lại không nghe thấy tiếng nổ gì cả. Điều đó làm con ngạc nhiên, con đi chậm đến điểm đỏ, thì xuống xem, thì ra đấy chỉ là một chiếc đèn có kính màu đỏ. Con thấy bàng hoàng và con tự kiểm tra lại thần kinh của mình, con thấy mình vẫn hoàn toàn tỉnh táo. Bỗng một trận bom bi rơi nổ ngay vào giữa đường cách chỗ con khoảng 1000m (ở phía sau), tiếp theo một trận bom lân tinh trắng ở trước mặt và 5 quả dù pháo sáng bùng ra giữa hai trọng điểm ấy. Đó là một chiến thuật đánh tiêu diệt xe của giặc Mỹ. Nếu con không phanh xe dừng lại lúc trước, thì con đã bị chết cháy trong trận bom lân tinh ấy rồi. Nhờ ơn từ Đạo Thầy cho mà con đã thoát chết trong gang tấc”.

Việc sử dụng tờ đạo của cụ Nguyễn Đức Cần cũng có nhiều cách :

+ Dùng tờ đạo đặt vào chỗ đau của người bệnh: Người bệnh đặt trên chỗ đau, đeo trong người...

Nhạc sỹ Tu My – Đỗ Mạnh Cường ở số nhà 20 phố Nguyễn Văn Tố, Hà Nội bị bệnh tim (loạn nhịp tim), ông lên gặp cụ để xin chữa bệnh và ông được cụ cho một tờ đạo. Ông đã may một cái túi nhỏ, đeo tờ đạo đó ngay cạnh trái tim. Ông kể rằng: từ ngày có tờ đạo của cụ, trái tim ông đã đập ổn định và ông thấy mình đã trở lại khỏe mạnh như một người bình thường.

+ Hóa tờ đạo tại nơi người bệnh nằm

Những trường hợp bệnh rất nặng đã chết lâm sàng hoặc khi cụ chữa bệnh cho gia súc (bò, lợn...)

Ông Nguyễn Quang Chiêu, Giám đốc Nhà máy cơ khí Nông nghiệp bị ung thư, sau khi mổ, đã chết lâm sàng, chuẩn bị khâm liệm, gia đình lên cầu xin cụ cứu giúp. Cụ cho tờ giấy có chữ ký của cụ, gia đình đã hóa tờ giấy đó ngay trước phòng hồi sức của bệnh viện Bạch Mai. Khi hóa xong tờ giấy đó, thì người bệnh hé được mắt và người ấm dần lên. Sau đó ít ngày ông Nguyễn Quang Chiêu đã hồi phục sức khỏe và trở lại công tác.

Ông Vũ Văn Ngọc, một nhà giáo ở phố Thụy Khuê, Hà Nội kể: Thời kỳ bao cấp, gia đình tôi nuôi một con lợn lai khoảng trên một tạ, đến kỳ nó mang thai được khoảng hai tháng thì nó ốm bỏ ăn. Chúng tôi rất lo lắng, vì nó là một nguồn thu nhập thêm của gia đình tôi. Tôi có sang nhà thừa với cụ, xin cụ cứu nó. Cụ cười bảo: Chữa cho người, chữa cả cho lợn. Rồi cụ cho tôi tờ đạo, dẫn về hóa ở trước cửa chuồng nó, rồi đổ cháo cho nó ăn. Tôi về làm theo lời cụ dạy, sau khi hóa tờ đạo, con lợn nhồm dậy ra ăn cháo, rồi nó khỏi ốm, về sau nó đẻ được 11 con.

+ Hóa tờ Đạo trên cốc nước

Bệnh nhân uống nước hoặc dùng nước đó lau cơ thể.

Bà Chu Thị Bài ở thôn Thạch Bàn, ngoại thành Hà Nội kể lại : Tôi bị thấp khớp rất nặng, đi chữa ở nhiều bệnh viện không khỏi, khi tôi lên cụ xin chữa bệnh, cụ cho tôi một mảnh giấy bằng bàn tay, có nhiều chữ ký của cụ. Cụ dặn : Mỗi ngày uống một chữ thôi. Tôi về hóa tờ đạo có chữ ký của cụ trên cốc nước, vừa uống chữ của cụ vừa đi làm, cứ thế là khỏe dần lên, bệnh khỏi lúc nào cũng không biết.

Thiếu tá Vũ Huy Hậu, bị bệnh vẩy nến (Psoriasis) từ năm 1961 đã chữa nhiều lần ở Liên Xô (cũ), bệnh viện 108, bệnh viện Đường Sắt... nhưng không khỏi. Đến tháng 3 năm 1974, đến xin cụ chữa bệnh, cụ cho một tờ đạo về nhà hóa trên chậu nước, rồi lấy nước đó lau rửa chỗ chân bị vẩy nến. Ông Hậu cho biết : Sau ba tuần, các nốt vẩy dày cộm đã giảm rất nhanh, đã thấy giảm ngứa rõ rệt, ngủ rất ngon giấc ngay từ ngày thứ hai sau khi lên gặp cụ, khi trước đó mất ngủ nhiều.

### 3 - Chữa bệnh bằng đôi tay (Ấn quyết trong Mật tông –Mudra)

Mudra người Trung Quốc gọi là yin, người Nhật gọi là in-zô, ta dùng chữ ấn hay thành ngữ ấn quyết, tiêu biểu cho quyền lực và hiện hình thần thánh. Mudra thường được dùng với mantra (mật ngữ), một thể thức cầu khẩn. Trong khuôn khổ một nghi lễ, người giáo sĩ vừa đọc một mantra vừa xác định một vị trí cho bàn tay, vị trí có thể thay đổi tùy theo chữ, theo câu hay âm vang của giọng đọc. Chúng ta thấy tượng các đức Phật thường được trình bày với một kiểu tay đặc biệt, vừa là một cử chỉ tự nhiên, vừa là một dấu hiệu của tính chất Phật (Phật tính). Trong Đại thừa, các Thủ ấn chỉ các ấn nơi tay, đều tương ứng với các ý nghĩa đặc biệt, đối lập với Khế ấn là những tư thế khác như cầm ngọc, tọa thiền... Ấn là phần rất quan trọng trong các lễ nghi tôn giáo, các nghi thức Ấn giáo và Phật giáo. Bàn tay còn biểu hiện bản ngã của chúng ta nữa. Bắt ấn có thể làm với một hay hai tay cùng một lúc. Tay phải tượng trưng cho ngoại ngã, tay trái cho nội ngã. Mỗi ngón tay lại có ngôn ngữ riêng. Trong trị bệnh, ấn quyết dùng hai bàn tay để điều khiển khí lực. Bàn tay trái gọi là Thiện niệm thủ hay còn gọi là Chỉ thủ. Bàn

tay phải gọi là Bì niệm thủ hay còn gọi là Quán thủ. Mười đầu ngón tay gọi là Thập Ba la mật phong (mười đỉnh của mười ngọn núi cao). Bàn tay trái ngón cái là Trí, ngón trỏ là Lực, ngón giữa là Nguyên, ngón đeo nhẫn là Phương, ngón út là Huệ. Bàn tay phải, ngón cái là Thiên, ngón trỏ là Tiến, ngón giữa là Nhân, ngón áp út là Giới, ngón út là Thí. Có nhiều cách bắt ấn tùy theo công dụng như Phục Ma ấn là bắt ấn trừ tà ma. Tâm ấn là truyền đạt năng lực tư duy giác ngộ... Khi chữa một số bệnh như liệt chân, liệt tay... cụ Nguyễn Đức Cần đã dùng đôi bàn tay điều khiển khí lực để chữa bệnh.

Ông Lê Ngọc Vân, cán bộ quân đội, công tác tại Bộ tổng tham mưu kể lại: “Vào khoảng tháng 5 năm 1973, trong dịp đến thăm, tôi đã được chứng kiến một trường hợp chữa bệnh của cụ. Đó là một bà cụ ở Hải Phòng lên, không đi lại được, người nhà phải dìu vào nhà. Sau khi gia đình bệnh nhân trình bày, cụ hỏi: “Bây giờ, cần chữa gì trước”. Gia đình người bệnh đề nghị: Xin cụ chữa cho bà cụ đi lại được. Cụ chỉ tay, mỉm cười nói: “Bà cụ đứng lên, đi lại bình thường đi”. Trong vòng vài giây, khi cụ dứt lời thì người bệnh (bà cụ) đứng ngay dậy đi lại khá nhanh nhẹn như người bình thường. Ông Lê Ngọc Vân kể tiếp: Trường hợp thứ hai là cháu Bùi Thị Hạnh 18 tuổi, con gái ông Bùi Thế Vinh, nhà ở phố Khâm Thiên, Hà Nội. Cháu Hạnh bị thấp khớp rất nặng, tay bị co quắp, chân rất đau đi phải có người dắt, cháu Hạnh nằm ở bệnh viện đã hai năm nhưng không khỏi. Ngày 15 tháng 7 năm 1973, bố con cháu Hạnh lên xin cụ chữa bệnh. Khi thấy cháu đau quá, không đứng dậy được. Cụ ôn tồn nói: Cháu đứng dậy đi xem nào. Cụ vừa dứt lời thì cháu Hạnh vụt đứng dậy, mắt mở to, nét mặt cháu vừa vui sướng, vừa kinh ngạc, cháu đi lại bình thường trước sự chứng kiến của nhiều người có mặt hôm đó. Một điều diệu kỳ nữa là hai tay co quắp của cháu cũng đã trở lại hoạt động, cháu cứ nắm ra nắm vào như tìm lại vật quý. Khi trở về nhà cháu vẫn chưa hết bàng hoàng và nói rằng: “Tuồng như cháu đang nằm mơ trong chuyện thần thoại”.



Như đã nói ở trên, các vị thiền sư khi chữa bệnh dùng ấn quyết thì phối hợp giữa ấn và mật ngữ (Matra), nhưng cụ Nguyễn Đức Cần khi chữa một số bệnh, cụ dùng Ấn và Mật ngữ đã chuyển đổi thành ngôn ngữ tiếng Việt và hiệu quả của việc chữa trị thấy ngay tức thì.

Trong bức ảnh bên, cụ Nguyễn Đức Cần đang điều khiển chữa bệnh liệt tay cho trung tá Vũ Hữu Hiếu (viện Quân y 108) Trung tá Vũ Hữu Hiếu lúc đó công

tác tại Viện quân y 108, bị bệnh nhũn não, một bên cánh tay bị liệt, đã đi chữa tại Liên Xô (cũ) nhưng không khỏi.



Khi ông Hiếu lên gặp Cụ Nguyễn Đức Cẩn xin chữa bệnh cụ đã điều khiển ngay tại chỗ cho ông Vũ Hữu Hiếu giơ bên tay bị liệt lên. Chúng ta thấy bàn tay trái của cụ, ngón chỏ là Lực đang hướng về phía người bệnh, bàn tay phải của cụ giơ cao, ngón trỏ là Tiến đang điều khiển người bệnh giơ tay lên.

### **Quyền Năng siêu phàm của cụ Nguyễn Đức Cẩn có từ đâu?**

Cụ Nguyễn Đức Cẩn là “Nhà ngoại cảm” đầu tiên của nước ta được Ủy ban Khoa học Nhà nước, tiến hành nghiên cứu khoa học từ năm 1974.

Những người có những khả năng đặc biệt vượt ra ngoài giới hạn của năm giác quan thông thường thì người đó gọi là Nhà ngoại cảm.

Có 5 lý do để trở thành Nhà ngoại cảm:

- Bẩm sinh: Tức là sinh ra đã có khả năng ngoại cảm.
- Hình thành sau khi phải trải qua một biến cố như bệnh lý hiểm nghèo hoặc phải trải qua một chấn động nào đó.
- Các thiên sư tu hành đắc đạo.
- Được đào tạo mà thành.
- Nhiều người được một vong linh nào đó trợ giúp.

Cụ Nguyễn Đức Cẩn là người đã biết Thiên mệnh của mình. Cụ nói: Ta phải ra đời sớm và cụ chọn đất nước Việt Nam. Cụ nói: Tôi chỉ vì hai chữ Đại Yên mà tôi về đây (làng Đại Yên - Hà Nội – Việt Nam)

Cụ từng nói rằng: Nếu tôi về các nước văn minh, người ta hiểu tôi, thì tôi được sung sướng mọi thứ. Nhưng không, tôi về Việt Nam.

Trong tướng pháp, cụ có “thân tướng uy nghiêm, ngũ nhạc đầy đặn, má đầy như má sư tử” đó là những tướng vô cùng tôn quý.

Cụ nói rằng: Ta có đôi mắt hai tròng. Những người đã từng gặp cụ đều nhận thấy rằng cụ có đôi mắt rất sáng. “Đôi mắt Người với ánh sáng kỳ diệu, lấp lánh, tươi vui dọi đến làm rạng rỡ mọi tâm hồn của chúng ta” - Nhà giáo Vũ Văn Ngọc đã ca ngợi cụ như vậy. Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải kể lại: Ấn tượng đầu tiên của tôi khi gặp cụ, thứ nhất lời ông cụ nói, cụ

chữa bệnh bằng cái đầu. Đó là điều tôi chú ý và rất logic. Thứ hai, cụ phải là một người có cái gì đặc biệt. Tôi nhận thấy là cụ có một đôi mắt rất sáng, nó loáng một cái, một đôi mắt có ánh quang.

Thật vậy, cái nhìn của cụ như là máy chụp quyết scanner trong đầu cụ, cho nên khi tiếp xúc với người bệnh, cụ đọc được mọi thông tin của người bệnh.

Bà An Thị Phú, sinh năm 1924, ở làng hoa Hữu Tiệp, Hà Nội kể lại: Ông cụ nói với tôi, ai vào cổng nhà cụ, ai có đạo đức hay không có đạo đức là cụ biết hết.

Ngay từ khi còn trẻ tuổi cụ Nguyễn Đức Cần đã có duyên may gặp được những vị Thầy tâm linh, cụ đã đi nhiều nơi trong các miền núi cao rừng thẳm, mà một trong những nơi đó là đỉnh Mẫu trong dãy núi Ba Vì “nơi linh khí thiêng liêng của nước Việt”. Cụ đã được vị Thầy của mình truyền dạy cách thu nhận linh khí của trời đất (trường năng lượng của vũ trụ). Đó là cách hấp thụ khí dương quang (Thái Dương) và Tuệ Quang (Thái Âm).

Qua những tháng năm tu đạo vô cùng gian khổ và trải qua bao quãng đường đời lao động vất vả, ném bao vị đắng cay thử thách, cụ đã đạt được một tri giác cao cấp, khai mở Thiên nhãn, Thiên Nhĩ, nghe nhìn thấu các cõi giới, nhìn thấy tương lai, quá khứ (soi kiếp). Cụ Nguyễn Đức Cần đã thu nhận được những nguồn năng lượng vũ trụ vô cùng to lớn và những năng lượng tâm linh đó đi qua trái tim đầy lòng yêu thương của cụ, truyền cho cụ một sức mạnh vô cùng lớn lao để cụ giúp đời.

### **Năng lượng tâm linh – Năng lượng vũ trụ**

Năng lượng vũ trụ gọi là Prana. Năng lượng vũ trụ được coi như thành phần cơ bản và nguồn gốc của mọi sự sống. Prana, hơi thở của sự sống, chuyển dịch qua mọi hình thái và mang sự sống đến cho chúng ta. Mọi vật chất, sống hoặc vô tri, đều gồm có và toả ra năng lượng vũ trụ này, trường năng lượng vũ trụ thấm nhuần toàn bộ khoảng không, động vật và bất động vật, và liên kết mọi vật với nhau; trường năng lượng vũ trụ chảy từ vật nọ sang vật kia. Đường như nó luôn tiếp tục tạo ra nhiều năng lượng hơn, lúc nào nó cũng vẫn đầy, dù có lấy đi bao nhiêu. Chúng ta sống giữa đại dương năng lượng, năng lượng ấy truyền sức mạnh cho chúng ta, nuôi dưỡng chúng ta, cho chúng ta cuộc sống, trường năng lượng vũ trụ kết hợp mật thiết với sức khỏe và hạnh phúc của con người.

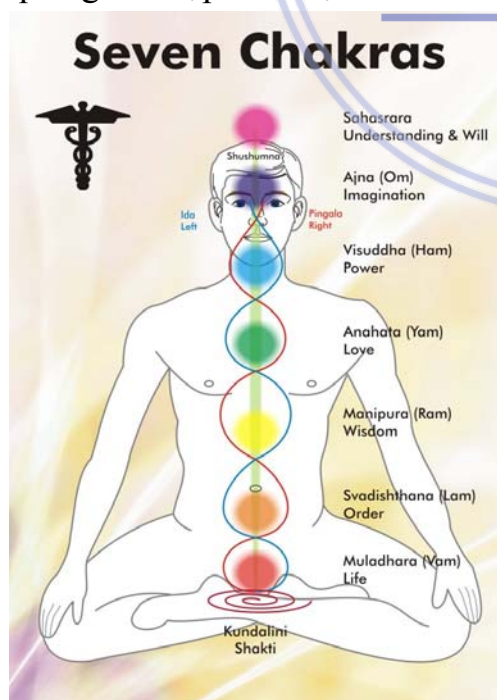
Trường năng lượng vũ trụ đã được biết đến và được quan sát, nghiên cứu từ xa xưa trong lịch sử, người Trung Hoa, ba ngàn năm trước công nguyên, thừa nhận sự tồn tại của một năng lượng sống mà họ gọi là Khí.

Trong hơn 70 năm sống trong cõi đời, qua bao năm tháng khổ luyện trong núi cao rừng thẳm cùng bao nỗi đắng cay, gian khổ trong cuộc sống lao động thường ngày, với sự rèn luyện tâm đức không ngơi nghỉ, cụ Nguyễn Đức Cần đã thu nhận và tích lũy được một nguồn năng lượng vũ trụ - năng lượng tâm linh vô cùng to lớn.

Một nhà ngoại cảm, có khả năng thấu thị lúc bấy giờ là anh Lê M., khi gặp được cụ đã nhận xét: Hào quang của cụ sáng vô lượng, ánh sáng tràn ngập ngôi nhà.

*Hào quang là gì ?*

Trường năng lượng con người là biểu hiệu của năng lượng vũ trụ có liên quan mật thiết với đời sống con người. Nó có thể được mô tả như là một cơ thể sáng rực bao quanh và thâm nhập vào thân thể, phát ra các bức xạ đặc thù của riêng nó và thường được gọi là “hào quang”. Hào quang là cái phần của vũ trụ kết hợp với các đối tượng. Hào quang con người hay trường năng lượng con người là cái phần của năng lượng vũ trụ kết hợp với thân thể. Các vầng này đôi khi được gọi là cơ thể, chúng thâm nhập và bao quanh thành từng vầng liên tục. Mỗi cơ thể kế tiếp gồm những chất tinh khiết và có “rung động” cao hơn của cơ thể mà nó bao quanh và thâm nhập. Mỗi vầng hào quang kết hợp với một luân xa.



Vầng thứ nhất của trường hào quang (cơ thể etheric) và luân xa 1 (nền) kết hợp với hoạt động thể chất và cảm xúc-cảm tính thể chất, sự đau đớn thể chất hay niềm vui. Vầng thứ nhất kết hợp với hoạt động tự động và tự quản của thân thể.

Vầng thứ hai (cơ thể cảm xúc) và luân xa 2 (xương còng) thường kết hợp với dạng cảm xúc của con người. Chúng là những cỗ xe, qua đó ta có đời sống cảm xúc và các cảm nghĩ.

Vầng thứ ba (cơ thể tâm thần) và luân xa 3 (Đám rối thái dương) kết hợp với đời sống tâm thần, với tư duy tuyến tính.

Vầng thứ tư (cơ thể tinh tú) kết hợp

với luân xa tim 4, là cỗ xe qua đó ta có yêu thương, không chỉ có vợ chồng, mà có cả nhân loại nói chung. Luân xa bốn là luân xa chuyển hóa năng lượng yêu thương.

Vàng thứ năm (Etheric mẫu ) kết hợp với luân xa 5 (họng) là mức kết hợp với một ý chí cao cấp có quan hệ chặt chẽ hơn với ý chí siêu phàm. Luân xa năm kết hợp với sức mạnh của lời nói, sự phát biểu, lắng nghe và chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Vàng thứ sáu (cơ thể thượng giới) và luân xa 6 (trán) kết hợp với yêu thương thượng giới. Nó là yêu thương vượt ra khỏi giới hạn yêu thương của con người và ôm lấy mọi cuộc đời. Nó tạo nên sự bày tỏ quan tâm và ủng hộ việc bảo vệ và dinh dưỡng mọi cuộc đời. Nó giữ cho mọi hình thái cuộc đời như là những biểu hiện quý giá nhất của Thượng đế.

Vàng thứ bảy (cơ thể Ketheric) và luân xa 7 (đỉnh đầu) kết hợp với trí tuệ bậc cao, hiểu biết và sự hợp nhất bản chất tâm linh và thể chất.

Ai cũng có một trường năng lượng hay là hào quang bao quanh và thâm nhập vào thân thể. Trường năng lượng này kết hợp chặt chẽ với sức khỏe.

Nếu một người không được khỏe thì điều đó biểu hiện rõ trong trường năng lượng bằng một dòng chảy năng lượng mất cân bằng hoặc năng lượng ứ trệ ngừng chảy .

Hai nhà thông thái Boirac và Liebeault đầu thế kỷ 12 thấy rằng con người có một năng lượng có thể gây tương tác từ xa giữa các cá thể. Họ kể rằng có người chỉ bằng sự có mặt của mình cũng làm cho người khác khỏe mạnh

Cụ Nguyễn Đức Cẩn nói rằng : Những người bị những bệnh nhẹ như cảm nắng đau đầu..., chỉ cần vào đến sân nhà cụ là đã khỏi bệnh . Thật vậy, có nhiều người bị ốm sốt, vào nhà cụ xin chữa, thì khi vừa ra khỏi nhà, lại thấy chạy vào, báo tin là đã khỏi bệnh.

Anh Nguyễn Đình Phi, ở phố Đào Duy Từ, Hà Nội cho biết : anh bị viêm xoang rất nặng, nước mũi lúc nào cũng chảy , rất là khó chịu . Khi anh lên cụ xin chữa bệnh , thì lúc còn ở ngoài cổng nhà cụ , nước mũi vẫn còn liên tục giọt giọt , nhưng khi vào đến trong sân nhà cụ, thì lạ quá, nước mũi không còn chảy nữa và sau đó thì anh đã được cụ chữa khỏi bệnh viêm xoang . Vậy điều đó giải thích như thế nào ?

Theo các nhà chữa trị tâm linh thì bệnh tật, ốm đau là hậu quả của sự mất cân bằng năng lượng, từ sự tắc nghẽn năng lượng trong cơ thể ( các vàng hào quang ). Nhưng như đã nói ở trên, năng lượng của con người có thể gây tương tác từ xa , trong trường hợp của cụ Nguyễn Đức Cẩn, cụ đã nhận được một nguồn năng lượng vũ trụ vô cùng to lớn và với lòng yêu

thương đối với người bệnh , cụ đã truyền vào họ những năng lượng tâm linh, điều chỉnh nó , làm nó tuôn chảy, không còn bị tắc nghẽn nữa và cơ thể của người bệnh trở lại khỏe mạnh .



## Cụ chỉ làm phúc cứu dân

*Sơn Tây ngày 15 tháng 7 năm 2010*

Tôi là Nguyễn Văn Dự, 77 tuổi trước đây công tác tại Ủy ban nhân dân Thị xã Sơn Tây, quê quán thôn Tiền Huân, phường Viên Sơn, Thị xã Sơn Tây, xin kể lại việc cụ Nguyễn Đức Cẩn ở số nhà 86 làng Đại Yên, Hà Nội đã chữa khỏi bệnh cho con gái tôi là Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Cháu Tuyền, con gái tôi sinh năm 1969, đến cuối năm 1971, khi cháu gần 3 tuổi đang ăn chơi đi lại bình thường như bao đứa trẻ khác, nhưng không may cháu bị một cơn sốt cao co giật, sau đó cháu bị liệt cả hai chân không đi lại được, cứ phải chống hai tay để lê đi trông thật thương cảm.

Gia đình chúng tôi đưa cháu đi chữa ở bệnh viện đa khoa Sơn Tây, bệnh viện đông y Sơn Tây, bệnh viện tỉnh Hà Tây (tại Hà Đông) nhưng cháu vẫn không khỏi bệnh. Sau đó cháu đi chữa bệnh ở bệnh viện Bạch Mai, điều trị 5 tháng, rồi lại sang bệnh viện Việt Đức chữa cũng không khỏi. Các bác sỹ ở bệnh viện Việt Đức giới thiệu sang Bắc Ninh để làm nẹp chỉnh hình, nhưng do nhiều điều kiện khó khăn nên gia đình chúng tôi không đưa cháu đi và xin ra viện, về chữa thuốc nam. Chúng tôi nghe ai mách ông lang nào hay thì lại đưa cháu đi chữa hoặc đón về chữa, nhưng chữa cũng không khỏi.

Thật rất may và phúc đức cho gia đình chúng tôi được nghe tin ở Đại Yên, Hà Nội có cụ Nguyễn Đức Cẩn chữa bệnh cho nhân dân làm phúc không lấy tiền mà nhiều người đã khỏi bệnh.

Tôi liền đưa cháu đến gặp cụ, tôi trình bày với cụ về bệnh tình của cháu và cháu đã đi nhiều bệnh viện để chữa mà cháu không khỏi bệnh, vậy xin cụ làm phúc cứu cháu. Cụ nhận lời ngay và nói với cháu: “ Ông chữa cho cháu chỉ trong ba tuần là cháu đi lại bình thường được”. Cụ cho tôi một mảnh giấy có chữ ký của cụ mang về và dặn tôi để lên đầu. Tôi đưa cháu về và làm theo lời cụ dặn. Độ hai tuần thì một hôm cháu thoát đứng lên tênh tênh, sau rồi cháu bước đi được như bình thường, thế là chưa đầy ba tuần cháu đã khỏi hẳn bệnh, đi lại bình thường như mọi đứa trẻ khỏe mạnh khác. Gia đình chúng tôi vô cùng vui mừng và ngay đầu tuần thứ ba, tôi đưa cháu về thăm cụ và báo cáo là cụ cứu cháu Tuyền đã khỏi bệnh. Chúng tôi là bố mẹ cháu xin cảm ơn cụ, nhưng cụ không nhận một đồng tiền nào, cụ bảo cụ chỉ làm phúc, các bệnh nhân khỏi bệnh là cụ mừng.

Vào khoảng năm 1974, Sở y tế Hà Nội cử hai cán bộ lên gặp chúng tôi để điều tra, rồi ra bệnh viện Sơn Tây xem bệnh án của cháu Tuyền. Gia đình chúng tôi đã trình bày cụ thể từ lúc cháu bị bệnh rồi đưa cháu đi điều trị ở

nhều bệnh viện mà cháu không khỏi bệnh và cuối cùng cụ đã chữa khỏi bệnh cho cháu.

Tôi là một đảng viên, một cán bộ của nhà nước, tôi không mê tín, nhưng tôi thấy cụ chữa bệnh không dùng thuốc, không lấy tiền của nhân dân mà nhiều bệnh khỏi. Thật là một trường hợp đặc biệt, một biệt tài có một không hai, tôi đề nghị với nhà nước nên để cụ chữa bệnh cho nhân dân, đó là điều có lợi cho nước cho dân.

Năm 1983 cụ Nguyễn Đức Cần đã qua đời, tính đến nay đã 27 năm trôi qua, nhưng đối với gia đình chúng tôi cụ vẫn mãi mãi là vị ân nhân. Hiện nay con gái chúng tôi đã lập gia đình riêng, ở tại phố Bạch Đằng, Hà Nội. Cháu ngoại của tôi đã là một chàng thanh niên tuổi hai mươi đang học ngành công an. Có được ngày hôm nay, chúng tôi luôn ghi nhớ và dâng lên cụ những nén hương thơm ngát để tưởng nhớ đến công lao và đức độ của cụ – một người Thầy làm phúc chữa bệnh giúp dân.

*Bài viết Nhân dịp kỷ niệm 27 năm ngày mất của cụ*  
**Nguyễn Văn Dự**

## **Người Thầy đức rộng tài cao**

Kính thưa Thầy,

Con là Chu Thị Bài, trước đây làm việc tại Trường Đại học nông nghiệp I, nay con đã nghỉ hưu, ở tại tổ 8 phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Hà Nội.

Năm 1971 con bị thấp khớp rất nặng, cơ quan cho đi chữa ở bệnh viện Bạch Mai, bệnh viện Việt Trung, rồi bệnh viện Xanh Pôn nhưng vẫn không khỏi. Hoàn cảnh gia đình con lúc đó có nhiều khó khăn, lại còn đông con, nếu cứ ốm đau bệnh tật không khỏi như thế thì rồi không biết sẽ còn cơ cực như thế nào.

May sao có anh Nguyễn Văn Tuấn lúc đó là Quản đốc, kiêm bí thư của ngành chăn nuôi trong trường Đại học nông nghiệp I, mách con sang cụ Nguyễn Đức Cần, may ra thì khỏi, thế là con vội sang ngay nhà để mong gặp cụ.

Con còn nhớ rõ, khi lần đầu tiên con đến nhà cụ ở 86 làng Đại Yên, Hà Nội.

Cụ hỏi con: “ Cô đến có việc gì?”

Con nói: “Thưa cụ, con mắc bệnh thấp khớp đã lâu, đi các bệnh viện không chữa được, cơ quan con định cho về mất sức, nhưng con không thể về được (vì nhà đông các cháu). Xin cụ cứu con”.

Cụ hỏi nguyện vọng cô thế nào?. Con nói: Xin cụ cứu giúp con khỏi bệnh, để con còn đi làm tiếp, lấy tiền nuôi các cháu, khi nào đủ 25 năm thì con mới xin về.

Cụ nói: Thôi được, tôi sẽ trông nom cho cô, rồi cô sẽ đẹp.

Thế rồi cụ cho con một mảnh giấy bằng bàn tay có nhiều chữ ký của cụ. Cụ dặn mỗi ngày uống một chữ thôi. Vừa uống vừa đi làm việc, cứ thế là khỏe dần lên và khỏi bệnh lúc nào cũng không biết nữa. Sau ngày đó, con thường sang thăm cụ để được nghe những lời dạy đạo đức của cụ.

Năm 1981, sau khi mẹ con mất, con xin nghỉ không ăn lương, nhưng cơ quan xét thấy con có nhiều cố gắng, đóng góp nên đã thu xếp cho con được nghỉ theo chế độ hưu trí.

Mùa hè năm 1983, Thầy qua đời, chúng con thấy hụt hẫng như đứa trẻ bơ vơ mất mẹ mất cha, không còn biết bầu vú vào đâu. Chỉ còn biết vào trong mộ Thầy để tìm sự chở che an ủi.

Con thấy mình phải làm một việc gì đó để đền ơn công đức của Thầy, thế là con đi tìm những đồng chí lãnh đạo và bà con xã viên của thôn My Hạ để xin đất mở rộng thêm chỗ Thầy nằm an nghỉ và làm con đường từ ngoài đi vào. Ý nguyện của con đã được nhiều người đồng tâm giúp đỡ, đóng góp sức người sức của.

Ngày 23 tháng 11 năm 1993 (tức ngày 10 tháng 10 năm Quý Dậu) lần đầu tiên lát gạch chung quanh ngôi lăng mộ của Thầy, mỗi chiều đo được là 7 m.

Ngày 21 tháng 6 năm 1994 (tức ngày 13 tháng 5 năm Giáp Tuất) bắt đầu làm con đường lát gạch từ khu lăng mộ Thầy đi ra.

Thầy ơi !

Con là cô gái chăn trâu

Ai bảo chăn trâu là khổ

Không, chăn trâu sướng lắm chứ

Muốn nhanh con lại quất roi cho thêm nhanh.

Muốn thư nhàn thì cứ cho trâu thông thả bước.

Cuộc đời con đã có Thầy chăm lo che chở.

Bây giờ cuộc đời con không còn khổ nữa, các cháu đã lớn khôn trưởng thành, gia đình no ấm.

Ồn này, chúng con xin mãi ghi nhớ trong lòng.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhật của Thầy (1909-2009) con viết vài dòng chí thành, chí kính, mong Thầy chứng giám.

*Thạch Bàn ngày 25 tháng 7 năm 2009*

*Con kính tạ Thầy*

**Chu Thị Bài**

## **Bức thư của một vị lão thành cách mạng**

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bức thư của một vị lão thành cách mạng, cụ Phan Văn Tinh, Phó Bí thư khu ủy, kiêm chủ tịch Việt Bắc gửi cho Giáo sư Vũ Khiêu.

*Kính gửi: Đồng chí Vũ Khiêu kính mến*

*Giáo sư khoa triết Mác – Lê Nin, phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học kỹ thuật nhà nước*

Từ sau khi được gặp lại trong lớp học tại chức đại học kinh tế của tỉnh ủy Bắc Thái, tôi vẫn được tin đồng chí còn khỏe, đang công tác và giúp được nhiều việc to lớn thiết thực cho Trung ương, trong lòng rất mừng rằng chúng ta, loại kinh điển vẫn dùng, mặc dù cách mạng đã chuyển rất nhanh sang giai đoạn mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ tổ quốc, nâng cao mức sống vật chất văn hóa cho người lao động và bảo vệ tổ quốc.

Hiện nay tôi đang có một số mắc mứu trong tâm trí, chưa giải quyết được, tôi sẽ nói, mong đồng chí giải đáp. Có thể người khác chưa biết, họ lại cho tôi thiên lệch gì chăng.

Tôi ở vùng dân tộc được biết rằng đồng bào biết cách chữa bọ dòi ở trâu rất lạ. Khi nhà nào đó, trâu có bọ dòi, chỉ dặn bảo trẻ, rút nắm rạ mái chuồng trâu đem lên nhà bà lang trong bản.. nhờ bà chữa cho. Bà lang cầm nắm rạ vút vào chuồng trâu nhà bà ấy và bảo trẻ cứ về đi, được rồi. Khi trẻ về đến nhà thì bọ rơi, nơi chỗ đau của con trâu không còn con nào nữa và trâu ra đồng cây rồi.

Nghe nói xã Xuân Biên, Hiệp Hòa, Hà Bắc cũng có một cụ ông biết cách chữa này.

Vấn đề trên, với chúng ta đơn giản, nhưng ta lại không đơn giản như vậy. Ta phải lo tìm mọi cách mới nhằm nâng cao khoa học kỹ thuật phục vụ đồng bào.

Tại sao lại chỉ chữa được cho trâu, có thể chữa cho bò, cho ngựa được không và cho người nữa chứ?

Tôi sinh ra từ làng Hữu Tiệp, xã Ngọc Hà làng hoa,nơi có pháo đài bay B52 mà quân dân thủ đô Hà Nội bắn hạ trong trận Điện Biên Phủ trên không năm 1972.

Làng tôi có cụ lang Cần chữa bệnh cho nhiều người khỏi rất lạ, ông ta không có thuốc, không lấy tiền, cũng không phải lễ bái hương hoa bùa chú gì cả. Người đến chữa, ông lang không ghi chép, kể bệnh cũng chẳng có, ông ta chỉ có nghe không. Ông ta có một yêu cầu đối với người bệnh, đã lên chữa bệnh nhà tôi, chỉ cần có một niềm tin là tôi cho khỏi bệnh. Đơn giản vậy thôi.

Bệnh viện lao Bắc Thái có một cô bác sỹ xuống xin chữa vì bị điên, đã chữa 3 năm ở Bệnh viện Bắc Thái và một số bệnh viện khác ở Hà Nội không khỏi.

Xuống nhờ ông lang Cần chữa khỏi hết điên đã đi làm 3 năm nay rồi. Lần đầu cô này xuống mang mấy lạng chè búp Tân Cương biếu. Ông lang nói: chè Bắc Thái ngon và đắt đấy, cô mang ra chợ bán lấy tiền tàu xe và mua quà về cho cháu.

Lần sau xuống, cô bác sỹ Diệp mang 5 kg sắn củ, mấy cây mía ngọt. Ông lang bảo bóc vỏ sắn luộc, dộc mía mời mọi người có mặt cùng ăn.

Vì cô Diệp là người từ Bắc Thái xuống, nên ông lang bảo: Tôi cũng có người làng ở đó,ông Tỉnh ấy mà, cô có gặp thì bảo ông Tỉnh về tôi giúp.Tôi có biết ông lang Cần, nhà tôi cách nhà ông ta độ 1200m, sau lưng nhà cũ của tôi (làng Hữu Tiệp – Hà Nội) là nhà bố vợ ông lang Cần. Tôi khi thì bận, khi lại không khỏe, nên chẳng về được.

Khi ông lang Cần có nhiều người đến chữa, một số cán bộ chúng ta lại cho rằng ông lang là phù thủy. Trong cán bộ có giáo sư dạy đại học tổng hợp Hà Nội là ông Hoàng Phương nói rằng: Đây là cách chữa bệnh rất mới.

Cụ lang Cần đã chết nhưng sự việc của cụ ấy, ta không để cho chết đi một cách đơn giản nữa.Ở nhiều nước trên thế giới đã có những phát minh khoa học kỹ thuật rất lạ, rất mới đưa công dụng vào cuộc sống của con người.

Đồng chí Vũ Khiêu kính mến

Tôi năm nay đã bước sang năm thứ 75 của cuộc đời mình, tôi tuy không được khỏe lắm, nhưng còn sức xem được sách triết học, khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật. Tôi đang muốn xem lại cuốn nội chiến ở Pháp, cuốn tuyển tập Mác – Ăngghen tập II, tập đã mượn và xem rồi.

Biên thư cho đồng chí, mong đồng chí hiểu, giải đáp những thắc mắc và đáp mong được một số đề nghị của tôi.

Mong đồng chí mạnh khỏe và hạnh phúc.

Tôi vẫn ở văn phòng tỉnh ủy Bắc Thái, thành phố Thái Nguyên.

*Bắc Thái ngày 31 tháng 1 năm 1984*

*Kính thư*

**Phan Văn Tỉnh**

(Bức thư trên do giáo sư Vũ Khiêu chuyển cho Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải, ngày 1 tháng 4 năm 2004)

## Văn hóa Tâm linh

*Trước tiên chúng ta tìm hiểu định nghĩa Văn hóa là gì?*

Năm 2002, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin. Như vậy Văn hóa là tất cả những giá trị vật thể do con người sáng tạo ra trên nền của thế giới tự nhiên.

*Văn hóa tâm linh có từ bao giờ?*

Từ khi loài người xuất hiện trên quả đất, những hiện tượng tâm linh đã bắt đầu hình thành và phát triển. Các nhà khảo cổ, các nhà sử học và nhân chủng học đã khám phá ra nhiều bằng chứng về các dấu tích về các vật dụng để thờ cúng, từ đá và xương cốt hay các hình vẽ trên các vách đá, trong các hoạt động, cho thấy sinh hoạt vào thời hỗn mang của loài người, đã có những nghi lễ tôn vinh thần linh. Theo những nghiên cứu khoa học, thì lúc đó cũng đã phát sinh các pháp sư, thầy phù thủy đầy uy quyền. Một số nhà khảo cổ và nhân chủng học, cho giống người Neanderdale là văn minh nhất. Nhưng các khám phá sau đó lại cho thấy, giống người Cromangnon có nhiều đặc điểm tiến hóa cao về lĩnh vực đời sống tâm linh, qua các bằng chứng cổ xưa từ các hình vẽ trên vách đá, các buổi lễ thờ cúng và các hình ảnh về ma thuật đầy màu sắc. Đặc biệt là người chết được đem chôn theo các nghi lễ đầy vẻ huyền bí. Lý luận của một số nhà nghiên cứu về nhân chủng học, dân tộc học cho rằng, khi con người còn man dã chưa tìm ra được lửa, thì mỗi khi màn đêm xuống, nỗi lo sợ đã đổ ập xuống họ, rồi khi sống trong các hang động và tìm được lửa, thì những hình ảnh chập chờn ma quái lại càng khiến họ sợ sệt. Mặt khác những hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên như: sấm sét,

núi lửa, động đất là những nguyên nhân làm họ tin tưởng đến sức mạnh vô hình nào đó, sức mạnh của các bậc thần linh.

Ngày nay xã hội loài người đã có cuộc sống văn minh hơn rất nhiều. Tuy vậy, vẫn còn một số vùng hoang vắng, được xem như tận cùng của trái đất, mà ở đó có những bộ lạc còn sống cuộc đời hoang sơ, giống như thời đại đồ đá của loài người trước đây. Điều kỳ lạ là nhiều nhà thám hiểm đã len lỏi đến tận cùng các vùng xa xôi hẻo lánh ấy, để tiếp xúc với những thổ dân được xem là sơ khai, thì họ bắt gặp được nhiều điều kỳ diệu, mà các phù thủy ở đó đã thực hiện.

Nhóm nhà báo của Paris Match nổi tiếng của Pháp, đã lặn lội tiến vào một nơi được xem là sống biệt lập với thế giới loài người, tại một hoang đảo xa xôi tận Thái Bình Dương. Trên đường đi khi đi qua một con suối, có một ký giả bị té ngã và bị gãy chân phải khiêng cáng. Khi đoàn nhà báo này tới thì thấy một người đàn ông ngồi yên lặng, trên người chỉ một miếng da thú quấn ngang người mà thôi. Người đàn ông đó ra dấu đặt người ký giả bị gãy xương nằm xuống trên một miếng da gấu, hai bên đặt hai bó đuốc bằng gỗ thông, xong đầu gối, ông đưa tay lên trời hươu hươu mấy cái, vừa hươu tay vừa đọc một tràng thổ ngữ kỳ lạ, rồi bất ngờ chỉ vào người bị gãy xương và ra hiệu ngồi dậy. Lạ lùng thay, người ký giả này tự nhiên không còn đau đớn nữa và đứng dậy một cách tự nhiên. Rồi sau đó ông ta lặng lẽ đi vào một cái hang sâu đầy rêu và rễ cây che phủ. Cùng lúc đó mọi người nhìn thấy các thổ dân trong bộ lạc đứng nhìn từ xa trên các gộp đá, cũng thoăn thoắt chạy vào hang động. Các hang động này đều đóng kín bởi các khối đá lớn.

Các ký giả Pháp suy đoán rằng người đàn ông ngồi chờ họ, là trưởng bộ lạc hoặc nhà phù thủy. Điều kỳ lạ là không hiểu nhờ đâu, mà ông ta biết được đoàn ký giả này sẽ đến, và trong đoàn có người bị tai nạn gãy chân, để chuẩn bị trước mọi thứ cần thiết. Ngoài ra phương cách trị gãy xương như vậy, rõ ràng vượt khỏi tính cách khoa học của ngành Y khoa hiện đại, nhưng kết quả lại hoàn toàn thành công. Phải chăng cư dân ở đây chữa trị chỉ bằng hiện tượng siêu linh huyền bí? William Hals River một nhà nghiên cứu nổi tiếng về văn minh của các bộ tộc, đặc biệt là các vùng hoang đảo thuộc các Châu Đại Dương, đã cho rằng nhiều nơi tuy cư dân thừa thớt với cuộc sống còn rất hoang sơ nhưng đời sống tâm linh lại rất cao.

Theo Giáo sư Tiên sĩ Nguyễn Hoàng Phương 1989, thì có những thổ dân chữa bệnh không cần thuốc như tại Phi Lip Phin, nhiều nhà phẫu thuật đã dùng loại năng lực thuộc lĩnh vực tâm linh, đã giải quyết thành công các ca phẫu thuật, có người cho rằng họ là con cháu của những người thuộc bộ lạc Kahyna đã mai một.

Theo Rives thì nhiều bộ tộc có lắm người truyền cho nhau tư tưởng qua không gian, như hiện tượng telepathic (thần giao cách cảm). Những bộ tộc với lối sống còn hoang sơ đó, có lẽ thiên nhiên quá gần gũi với họ, và họ đã hòa tâm hồn vào cùng với núi rừng, biển cả bao la, cuộc sống của họ lại không bị vật chất ràng buộc, cho nên trí óc họ trong sáng và họ dễ dàng thu nhận những năng lượng huyền diệu, những năng lượng tâm linh chan hòa trong vũ trụ. Phải chăng điều nhận xét của nhà nghiên cứu lỗi lạc Rivers, đã chứng minh rõ ràng qua chuyến thám hiểm, của đoàn ký giả Pháp vừa kể trên.

Như vậy, chúng ta nhận thấy rằng Văn hóa tâm linh là một nền văn hóa đặc biệt, nó đặc biệt ở chỗ trong nó chứa đựng biết bao điều bí ẩn và cao cả, mà con người muốn tìm hiểu khám phá. Có thể nói từ khi có xã hội loài người thì đã có xuất hiện nền văn hóa tâm linh. Nền văn hóa đó tồn tại song song với nền văn hóa đời thường. Văn hóa tâm linh là mạch ngầm chảy trong lòng nhân loại, nó là chiếc cầu nối giữa con người và thế giới tự nhiên và ngày nay cùng với sự tiến bộ của loài người trong lĩnh vực khoa học, văn hóa tâm linh được nhìn nhận dưới góc độ của ánh sáng khoa học và nền tảng của nó là đạo đức của con người.

*(Trích từ cuốn sách "Nguyễn Đức Căn - Nhà văn hóa tâm linh" tái bản lần thứ 3)*

## **Năng lượng vũ trụ - Năng lượng tâm linh**

Năng lượng vũ trụ gọi là Prana. Năng lượng vũ trụ được coi như thành phần cơ bản và nguồn gốc của mọi sự sống. Prana, hơi thở của sự sống, chuyển dịch qua mọi hình thái và mang sự sống đến cho chúng ta. Mọi vật chất, sống hoặc vô tri, đều gồm có và toả ra năng lượng vũ trụ này,, trường năng lượng vũ trụ thấm nhuần toàn bộ khoảng không, động vật và bất động vật, và liên kết mọi vật với nhau; trường năng lượng vũ trụ chảy từ vật nọ sang vật kia. Đường như nó luôn tiếp tục tạo ra nhiều năng lượng hơn, lúc nào nó cũng vẫn đầy, dù có lấy đi bao nhiêu.

Chúng ta sống giữa đại dương năng lượng, năng lượng ấy truyền sức mạnh cho chúng ta, nuôi dưỡng chúng ta, cho chúng ta cuộc sống, trường năng lượng vũ trụ kết hợp mật thiết với sức khỏe và hạnh phúc của con người. Trường năng lượng vũ trụ đã được biết đến và được quan sát, nghiên cứu từ xa xưa trong lịch sử, người Trung Hoa, ba ngàn năm trước công nguyên, thừa nhận sự tồn tại của một năng lượng sống mà họ gọi là Khí.

Trong hơn 70 năm sống trong cõi đời, qua bao năm tháng khổ luyện trong núi cao rừng thẳm cùng bao nỗi đắng cay, gian khổ trong cuộc sống

lao động thường ngày, với sự rèn luyện tâm đức không ngơi nghỉ, cụ Nguyễn Đức Cẩn đã thu nhận và tích lũy được một nguồn năng lượng vũ trụ - năng lượng tâm linh vô cùng to lớn. Một nhà ngoại cảm, có khả năng thấu thị lúc bấy giờ là anh Lê M., khi gặp được cụ đã nhận xét: Hào quang của cụ sáng vô lượng, ánh sáng tràn ngập ngôi nhà.

Hào quang là gì?

Trường năng lượng con người là biểu hiệu của năng lượng vũ trụ có liên quan mật thiết với đời sống con người. Nó có thể được mô tả như là một cơ thể sáng rực bao quanh và thâm nhập vào thân thể, phát ra các bức xạ đặc thù của riêng nó và thường được gọi là “hào quang”. Hào quang là cái phần của vũ trụ kết hợp với các đối tượng. Hào quang con người hay trường năng lượng con người là cái phần của năng lượng vũ trụ kết hợp với thân thể. Các vầng này đôi khi được gọi là cơ thể, chúng thâm nhập và bao quanh thành từng vầng liên tục. Mỗi cơ thể kế tiếp gồm những chất tinh khiết và có “rung động” cao hơn của cơ thể mà nó bao quanh và thâm nhập. Mỗi vầng hào quang kết hợp với một luân xa.

Vầng thứ nhất của trường hào quang (cơ thể etheric) và luân xa 1 (nền) kết hợp với hoạt động thể chất và cảm xúc-cảm tính thể chất, sự đau đớn thể chất hay niềm vui. Vầng thứ nhất kết hợp với hoạt động tự động và tự quản của thân thể.

Vầng thứ hai (cơ thể cảm xúc) và luân xa 2 (xương cù) thường kết hợp với dạng cảm xúc của con người. Chúng là những cỗ xe qua đó ta có đời sống cảm xúc và các cảm nghĩ.

Vầng thứ ba (cơ thể tâm thần) và luân xa 3 (Đám rối thái dương) kết hợp với đời sống tâm thần, với tư duy tuyến tính.

Vầng thứ tư (cơ thể tinh tú) kết hợp với luân xa tim 4, là cỗ xe qua đó ta có yêu thương, không chỉ có vợ chồng mà có cả nhân loại nói chung. Luân xa bốn là luân xa chuyển hóa năng lượng yêu thương.

Vầng thứ năm (Etheric mẫu) kết hợp với luân xa 5 (họng) là mức kết hợp với một ý chí cao cấp có quan hệ chặt chẽ hơn với ý chí siêu phàm. Luân xa năm kết hợp với sức mạnh của lời nói, sự phát biểu mọi điều vào trong tồn tại, lắng nghe và chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Vầng thứ sáu (cơ thể thượng giới) và luân xa 6 (trán) kết hợp với yêu thương thượng giới. Nó là yêu thương vượt ra khỏi giới hạn yêu thương của con người và ôm lấy mọi cuộc đời. Nó tạo nên sự bày tỏ quan tâm và ủng hộ việc bảo vệ và dinh dưỡng mọi cuộc đời. Nó giữ cho mọi hình thái cuộc đời như là những biểu hiện quý giá nhất của Thượng đế.

Vàng thứ bảy (cơ thể Ketheric) và luân xa 7 (đỉnh đầu) kết hợp với trí tuệ bậc cao, hiểu biết và sự hợp nhất bản chất tâm linh và thể chất. Ai cũng có một trường năng lượng hay là hào quang bao quanh và thâm nhập vào thân thể. Trường năng lượng này kết hợp chặt chẽ với sức khỏe.

Nếu một người không được khỏe thì điều đó biểu hiện rõ trong trường năng lượng bằng một dòng chảy năng lượng mất cân bằng hoặc năng lượng ứ trệ ngừng chảy.

Hai nhà thông thái Boirac và Liebeault đầu thế kỷ 12 thấy rằng con người có một năng lượng có thể gây tương tác từ xa giữa các cá thể. Họ kể rằng có người chỉ bằng sự có mặt của mình cũng làm cho người khác khỏe mạnh

Cụ Nguyễn Đức Cẩn nói rằng: Những người bị những bệnh nhẹ như cảm nắng đau đầu..., chỉ cần vào đến sân nhà cụ là đã khỏi bệnh. Thật vậy, có nhiều người bị ốm sốt, vào nhà cụ xin chữa, thì khi vừa ra khỏi nhà, lại thấy chạy vào, báo tin là đã khỏi bệnh.

Anh Nguyễn Đình Phi, ở phố Đào Duy Từ, Hà Nội cho biết: anh bị viêm xoang rất nặng, nước mũi lúc nào cũng chảy, rất là khó chịu. Khi anh lên cụ xin chữa bệnh, thì lúc còn ở ngoài cổng nhà cụ, nước mũi vẫn còn liên tục giỏ giọt, nhưng khi vào đến trong sân nhà cụ, thì lạ quá, nước mũi không còn chảy nữa và sau đó thì anh đã được cụ chữa khỏi bệnh viêm xoang.

Vậy điều đó giải thích như thế nào?

Theo các nhà chữa trị tâm linh thì bệnh tật, ốm đau là hậu quả của sự mất cân bằng năng lượng, từ sự tắc nghẽn năng lượng trong cơ thể (các vàng hào quang). Nhưng như đã nói ở trên, năng lượng của con người có thể gây tương tác từ xa, trong trường hợp của cụ Nguyễn Đức Cẩn, cụ đã nhận được một nguồn năng lượng vũ trụ vô cùng to lớn và với lòng yêu thương đối với người bệnh, cụ đã truyền vào họ những năng lượng tâm linh, điều chỉnh nó, làm nó tuôn chảy, không còn bị tắc nghẽn nữa và cơ thể của người bệnh trở lại khỏe mạnh.

## Cụ Lang Cẩn: Thần y hay dị nhân?

*Báo Người cao tuổi - số 957 ngày 10/9/2011*

Hàng trăm cử tọa nhiệt liệt vỗ tay đồng tình với đề xuất tôn danh Nhà văn hóa tâm linh Nguyễn Đức Cẩn là Thần y, là Dị nhân trong cuộc Tọa đàm khoa học lần thứ Hai về cụ, tại Hội trường Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 27-8-2011...

Cuộc tọa đàm lần thứ nhất tổ chức ngày 22-11-2009 tại Hội trường Học viện Hành chính Quốc gia nhân kỉ niệm 100 năm sinh của cụ. Cuộc họp mặt lần đầu chủ yếu là con cháu của các ông bà, cha mẹ mang ơn cụ trong, ngoài nước và các nhà nghiên cứu còn ít thông tin nên nội dung bàn thảo chỉ xoay quanh tài danh chữa bệnh của cụ. Lần này, 2 năm sau, có nhiều kiến giải, như Giáo sư, Anh hùng Lao động Vũ Khiêu nhận định: Cụ Nguyễn Đức Cần không chỉ để lại những ân tình sâu sắc trong lòng đông đảo người bệnh được cụ cứu sống mà quan trọng hơn là cụ đã để lại cho dân tộc ta sự nhận thức về sức mạnh kì lạ của tâm linh. Thành công của cụ, nếu được đi sâu tìm hiểu, có thể khẳng định tiềm năng vô tận của con người Việt Nam trước mọi thử thách của thiên tai địch họa, trước mọi sự khủng hoảng và rối ren của cả xã hội và thiên nhiên trong thời đại ngày nay.

### *Các dẫn liệu*

Lão tướng Chu Phác (người ban đầu không tin cách chữa bệnh của cụ, cho là mê tín, sau khi nghiên cứu về cụ, càng ngày càng bị chinh phục, cuốn hút, đến nỗi có lần ông đã bị GS Vũ Khiêu phê bình dùng quá nhiều thời gian vào chuyện "mê tín". Trong hội thảo này, dưới ảnh hưởng của cụ Nguyễn Đức Cần, một lần nữa ông đã xin rút những nhận xét vội vàng ngày xưa, dẫn ra nhiều chuyện thật sự là những bài học nóng bỏng cho hôm nay. Đó là, chuyện quả báo. Một "cậu ấm" con "quan cách mạng" chơi bời nghiện hút, xin tiền mãi, bố mẹ không cho, vác dao dọa chém. Công an đến, "máu con quan" càng hung. Anh công an rút súng dọa, chẳng may cướp cò... Tay chân quan xúi kiện. Em quan lên hỏi, cụ bảo: - "Gia đình bị quả báo nặng lắm, đáng lẽ phải đi mấy mạng người. Nay nó gánh cho rồi. Thôi...". Cả nhà nghe theo. Chuyện nữa, bà vợ trẻ ốm liệt giường, chồng ngày đêm bên vợ chăm sóc. Nhờ cụ chữa khỏi bệnh. Đến lượt chồng ốm, vợ kêu bản, khó tính, bỏ mặc và còn muốn chồng "đi" cho nhẹ gánh. Cụ biết, gọi lên nói: - Nghĩ, mong thế là tội ác, quả báo đấy! Quả nhiên sau đó, chồng khỏe, vợ lại ốm, không dám lên xin cụ chữa. Cụ bảo: - Không biết sám hối, chết thôi...

Ông Nguyễn Quang Chiêu - Giám đốc Nhà máy cơ khí nông nghiệp nằm Bệnh viện Bạch Mai cắt 3/4 dạ dày, mổ mật, u ác di căn lên não, xin về lo hậu sự. Có người mách: còn nước còn tát, lên nhờ chữa cụ. Bệnh khỏi. Ông Giám đốc chở lên nhà biểu cụ chiếc máy phát điện. Cụ dứt khoát từ chối, cảm ơn, rồi nói với mọi người: - Mình ngồi quạt mát mà dân chịu nóng thì cứu được ai? Một bà bị ung thư lưỡi được cụ chữa khỏi, biểu cụ máy bơm, cụ bảo: - Cả làng gánh nước, tôi dùng máy bơm sao đành. Có khổ mới biết thương người khổ, dân nghèo...

Giáo sư Tiến sĩ y khoa Đoàn Xuân Mượu từng đi nhiều nước nghiên cứu về các hiện tượng lạ chữa bệnh không dùng thuốc. Theo GS, "sự tồn tại

trên đời này một số những nhà ngoại cảm chữa bệnh không dùng thuốc là ý của Trời". Giáo sư mượn tứ thơ của một Ân sĩ muốn cùng mọi người tưởng thưởng công đức cụ: Bốn phương độ thể âm vô lượng/ Ngàn dặm thành tâm khách hữu duyên/ San sẻ cho đời khang phúc thọ/ Trời Nam lưu mãi tiếng Chân Tiên.

Thiếu tướng - nhà văn Hồ Phương dùng đủ lời cao đẹp để kính trọng tri ân vị ân nhân đã cứu nạn con gái yêu 4 tuổi của mình mà điều rất lạ là ân nhân không hề tiếp cận cháu, chỉ bảo: - Dăm hôm nữa cháu sẽ khỏi cái u thôi. Cứ về đi!...Nhà văn "vẽ" chân dung cụ: Một lão nông hiền hậu. Vị Thiền sư cao minh. Một con người cởi mở và mến khách. Một nhà ngoại cảm tài cao, đức lớn. Một nhà đạo đức đáng quý. Một Dị nhân ân đức...

Nhà khoa học Nguyễn Phúc Giác Hải trung thực, đầy dũng khí thà chịu kỉ luật (15 năm ra khỏi biên chế) chứ không chịu thừa nhận ý kiến cấp trên cho việc chữa bệnh của cụ Lang Cẩn là "mê tín dị đoan" hoặc dùng phép thôi miên phù thủy mà cơ quan y tế ngày ấy ầu ơ ra lệnh cấm. Cả hội trường nhiệt liệt vỗ tay hoan nghênh "đáp nghĩa" ông. Sau ông Giác Hải, là Thiếu tướng Chu Phác, người nhiều năm dày công sức nghiên cứu, tôn vinh nhà ngoại cảm siêu phàm Nguyễn Đức Cẩn cũng được nhiệt liệt hoan nghênh. Các phim, ảnh được nhà nghiên cứu Giác Hải sưu tập trình chiếu và thuyết minh là những tư liệu quý hiếm rất có sức thuyết phục. Đặc biệt, như có sự phù trợ của ân nhân, ông được một "quý nhân" trao tặng tập sách "Trung Quốc nhị thiên niên di dự ngôn". Trong đó, "Sấm" đã tiên tri nhiều sự kiện xảy ra, nào Khải du thần khí chung vô dụng, tức là chiếc B52 rơi, trong bụng còn đầy bom, chưa có tên lửa, đạn pháo nào chạm đến máy bay mà tên giặc lái đã bật dù nhảy ra vì khi đến tọa độ Ba Đình thì đầu óc bị rối loạn. Hắn bị bắt đã khai vậy, nhà văn Hữu Mai có mặt ghi được, sau viết truyện. Cả Thủy biên hữu nữ... tức cô gái Ngọc Hà tươi hoa bên bờ hồ Hữu Tiệp, cạnh xác pháo đài bay B52. Nào Tam thập niên trung tử tôn kết. Nghĩa là 30 năm sau con cháu trung kiên sẽ tôn vinh thành tựu: - Là bây giờ đây (1983-2011) con cháu chúng ta tôn danh Người. Nào Bất tín kì tài sản Ngô Việt... Rằng khó tin ở đất Ngô đất Việt lại sản sinh được người kì tài? Kì tài dùng vũ khí tâm linh như cụ Trương Cẩn hạ pháo đài bay Mỹ. "Hạ" thế nào, ông Hải bồi rồi hỏi cụ. Cụ nở nụ cười thông cảm: - Ông Hải, tôi có thể chữa cái đầu đang điên thành lành thì tôi càng dễ hơn làm cái đầu đang lành hóa điên chứ?

Cái thứ vũ khí lợi hại này Viện sĩ Liên Xô Kaznatchep đã nói tới trong cuộc chiến tranh tương lai và giới khoa học Âu Mỹ thì gọi là "siêu vũ khí" - Super Weapon. Bộ óc quân sự thiên tài - Đại danh tướng Võ Nguyên Giáp

kính yêu đã từng nói với Thiếu tướng Chu Phác rằng "biết đâu lĩnh vực ngoại cảm sẽ là khoa học tương lai, ai nắm được thì sẽ có sức mạnh đó sao"?

*Thần y hay dị nhân?*

Chúng tôi đã mấy chục năm học hỏi, tập luyện, thực hành, có dăm bảy năm đi hướng dẫn dưỡng sinh chữa bệnh và viết bài về các môn pháp khí công, yoga, năng lượng sinh học, cảm xạ học... mới ngộ ra một điều, các sư phụ chỉ nêu rõ, rằng khả năng mở thiên nhãn, thiên nhĩ... cần một trong 4 điều kiện: bẩm sinh, tai nạn, tọa thiền và tập luyện. Không, như thế giỏi lắm mới đạt công năng có thể phóng chiếu công, chỉ công, miêu công, thần công, linh công, chứ chưa đạt quyền năng, là điều kiện "đủ" phải được yếu tố "thần linh" hỗ trợ. Trong thiên cổ kì thư "Thái Ất Kim Hoa Tông chỉ" của tác giả thuộc "Bát tiên quá hải" ngay ở Chương Một đã viết: con người trong "Tam tài" Thiên Địa Nhân, ai cũng có "Thiên tâm". Song do "lục căn", "lục trần" tham dục, tâm không thanh thì Thiên tâm không khai mở, có chút thiên huệ chẳng cũng chỉ nhất thời, đơn năng.

Cụ Nguyễn Đức Cần 13 năm tâm sư học đạo, khổ luyện nơi núi cao rừng thẳm, giữ trọn đời tâm nguyên cứu nhân độ thế, không tơ hào của ai một cái kim sợi chỉ mà nên "thần" như Phật. Nhưng cụ cười bảo với ông Hải: - Tôi không phải thánh hay chúa gì - sợ "câu rút" lắm... Chúng ta chỉ có một Đại đạo là Tổ quốc Việt Nam". Thật là một siêu nhân đất Việt! Chỉ có điều nhân chưa hòa vì thời thế khi ấy, chúng ta không biết được: Cụ Lang Cần là ai trong tâm linh. Chúng tôi đôi chiều, thương các "dị nhân" hay "thần y" cổ kim Đông Tây chỉ được "thần" giúp có mức độ, có thời gian và quyền năng về một mặt nào đó. Cụ Lang Cần khác hẳn: y đạo, y đức, y thuật xưa nay chưa có thần y nào tài đức thiên thần, thánh thiện như cụ.

Năm 2004, chúng tôi được mời lên Chùa Đồng Yên Tử (ông Nguyễn Mạnh Can trưởng đoàn) làm lễ triệt tiêu tác động ác xạ từ xa thì nhà ngoại cảm (xin giấu tên) cho hay, chỉ có Nhị Tổ Huyền Quang và nhà văn hóa Ngô Thì Nhậm biết rõ Vua Phật Trần Nhân Tông lui về Yên Tử để lo việc đời, vì Ngài nắm rõ bọn bành trướng Nguyên Mông rất sợ hồn thiêng sông núi và anh linh Tổ quốc Việt Nam. Điều này cụ Lang Cần đã nói rõ: bọn ngoại bang đe nẹt thôi, không dám đánh Hà Nội đâu (năm 1979). Do vậy, cử tọa cuộc tọa đàm đều nhiệt liệt vỗ tay khi chúng tôi đề nghị tôn danh cụ Nguyễn Đức Cần là Thần y - Nhà tâm linh tinh thông việc Đất- Trời. (Sự vinh danh này thuộc tín ngưỡng dân gian, nhiều dân tộc có thần y riêng của mình). Mọi người tham gia tọa đàm nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương sẽ tôn tạo mở rộng Lăng mộ cụ có biển đề: Thần y - nhà tâm linh Nguyễn Đức Cần mãi mãi ở bên cạnh chúng ta (1909 - 1983)

Ngoài ra, cuộc hội thảo còn vạch ra thực trạng vàng thau lẫn lộn giữa những người thực sự có khả năng công tâm chân chính với một số cá nhân, tổ chức tâm linh, ngoại cảm giả danh, biến chất; thậm chí, cả những tên tay sai quá khích phục vụ nhu cầu chính trị cản trở công việc vì lợi ích chung...

*Trịnh Tố Long*

## Thông báo

Sáng ngày 27 tháng 8 năm 2011, Bộ môn thông tin dự báo và Bộ môn Cận tâm lý, tổ chức buổi Tọa đàm " Nhà chữa bệnh Nguyễn Đức Cần và những bước đi đầu tiên của khoa học ngoại cảm ở nước ta "

Địa điểm: Bộ tư lệnh Lãng CTHCM. số 1 Ông Ích Khiêm, Hà Nội

Nội dung

1- Giới thiệu thân thế và cuộc đời Nhà ngoại cảm Nguyễn Đức Cần: ô. Nguyễn Tài Đức

2- Người chữa bệnh đặc biệt: NNC Nguyễn Phúc Giác Hải

3-Đạo đức Nhà ngoại cảm chân chính: Thiếu tướng Nguyễn Chu Phác  
Tham luận

1- Gs vũ khiêu [downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

2- Gs-Ts Đoàn Xuân Mượu

3- Thiếu tướng -Nhà văn Hồ Phương

4- Nhà báo Trịnh Tố Long

Báo cáo của Nhà ngoại cảm Phạm Thị Phú (sông Công, Thái Nguyên)

## Tọa đàm

Sáng ngày 27 tháng 8 năm 2011, tại Hội trường lớn Bộ Tư lệnh Lãng CT Hồ Chí Minh, Bộ Môn Thông tin dự báo và Bộ môn Cận tâm lý TTNCTNCN đã tổ chức buổi tọa đàm chuyên đề " Nhà chữa bệnh Nguyễn Đức Cần và những bước đi đầu tiên của khoa học ngoại cảm ở nước ta "

Đến dự buổi Tọa đàm có nhiều nhà khoa học, những người quan tâm đến lĩnh vực ngoại cảm, tâm linh.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu một bài phát biểu trong buổi tọa đàm

Thân thế và cuộc đời Nhà ngoại cảm chữa bệnh Nguyễn Đức Cần

Nhà ngoại cảm chữa bệnh Nguyễn Đức Cần ra đời vào đêm 30 Tết Kỷ Dậu 1909 tại làng Đại Yên, Hà Nội và mất ngày 13 tháng 7 năm 1983 (mùng 4 tháng 6 năm Quý Hợi).

Truyền thống gia đình và tình yêu đất nước

Nhà ngoại cảm chữa bệnh Nguyễn Đức Cẩn sinh trưởng trong một gia đình nhà nho có truyền thống yêu nước nồng nàn. Ông nội của cụ, cụ cố Nguyễn Đức Toàn (tự Phúc Toàn) là một nhà nho đã tham gia hoạt động trong phong trào Đông kinh nghĩa thực, sau khi thực dân Pháp đàn áp và đóng cửa trường tháng 12 năm 1907, cụ Toàn đã lên Yên Thế tham gia cuộc khởi nghĩa chống Pháp do lãnh tụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo và khi cuộc khởi nghĩa Yên Thế bị thất bại năm 1913, cụ Nguyễn Đức Toàn đã anh dũng hy sinh.

Ông thân sinh của cụ Nguyễn Đức Cẩn, là cụ Nguyễn Đức Nhuận cũng bị giặc Pháp giết hại ngày 17 tháng 12 năm 1946 trong vụ phố Hàng Bún, Hà Nội, mở đầu cho cuộc toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Bản thân cụ Nguyễn Đức Cẩn cũng là một chiến sỹ cách mạng. Trong cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945 tại Hà Nội, cụ là đại đội trưởng đại đội Lam Sơn và cụ là một trong những người đầu tiên vượt qua hàng rào vào chiếm Bắc bộ phủ trong ngày cách mạng 19 tháng 8 năm 1945. Sau đó, từ những ngày cuối năm 1946, trong cuộc chiến đấu suốt 60 ngày đêm bảo vệ Hà Nội, cụ Nguyễn Đức Cẩn đã ở lại trong thành và đã cùng những chiến sỹ Quyết tử của thủ đô, chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược bảo vệ Hà Nội. Đêm 17 tháng 2 năm 1947, cụ đã cùng đồng đội vượt qua sông Hồng trở về chiến khu Việt Bắc để thực hiện cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

Ngay từ khi còn trẻ tuổi cụ Nguyễn Đức Cẩn đã có duyên may gặp được một vị Thầy tâm linh, cụ đã theo Thầy đi rất nhiều nơi trong các miền núi cao rừng thẳm, mà một trong những nơi đó là đỉnh Mẫu trong dãy núi Ba Vì “nơi linh khí thiêng liêng của nước Việt”.

Cụ đã được vị Thầy của mình truyền dạy cách thu nhận linh khí của trời đất (trường năng lượng của vũ trụ). Qua những tháng năm tu đạo vô cùng gian khổ và trải qua bao quãng đường đời lao động vất vả, nếm bao vị đắng cay thử thách, cụ Nguyễn Đức Cẩn đã đạt được một tri giác cao cấp, nghe nhìn thấy các cõi giới. Trong khi đang tham gia cách mạng, Cụ Nguyễn Đức Cẩn đã nhận thấy rằng: Nước nhà tuy đã giành được độc lập, nhưng người dân còn chưa được hạnh phúc, muốn có hạnh phúc, trước hết phải có sức khỏe, không ốm đau. Có sức khỏe là có tất cả, có sức khỏe mới bảo vệ và xây dựng được Tổ quốc, mới có hạnh phúc gia đình. Cụ nói: Ta đi tìm con đường khác, con đường mang lại sức khỏe cho nhân dân và trong những tháng ngày tại vùng chiến khu Việt Bắc, cụ đã có cơ duyên may mắn gặp được một Vị Thầy tâm linh nữa, và Thầy đã truyền cho cụ những phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc để về giúp dân.

Chữa bệnh bằng phương pháp ngoại cảm

Cụ Nguyễn Đức Cẩn là Nhà ngoại cảm chữa bệnh đầu tiên của nước ta được Ủy ban Khoa học Nhà nước, tiến hành nghiên cứu khoa học từ năm 1974. Cụ Nguyễn Đức Cẩn có thể chữa bệnh cho người khác không cần dùng thuốc và không động chạm vào cơ thể họ. Người bệnh trực tiếp đến gặp cụ, trình bày bệnh tật của mình, nếu cụ nhận lời hoặc cụ cho một mảnh giấy có chữ ký của cụ, bệnh có thể khỏi mà không cần dùng thuốc. Có trường hợp người bệnh nằm ở nhà hay đang điều trị tại bệnh viện, người nhà bệnh nhân đến gặp cụ xin chữa, nếu cụ nhận lời, bệnh nhân cũng có thể khỏi. Cụ chữa bệnh mà không lấy tiền của bệnh nhân. Cụ có thể chữa bệnh từ xa hàng trăm Km.

Có 3 phương pháp chữa bệnh mà cụ thường sử dụng:

- 1- Lời nói
- 2- Tờ Đạo
- 3- Điều khiển bằng tay

Cụ Nguyễn Đức Cẩn đã dùng kết hợp cả 3 phương pháp trên một cách tài tình và đạt được nhiều kết quả trong việc cứu đời, trị bệnh.

Trong hơn 70 năm sống trong cõi đời, cụ Nguyễn Đức Cẩn đã chữa bệnh cho hàng vạn bệnh nhân. Thời gian cao điểm thứ nhất là vào quãng từ năm 1950 đến 1954 và thời kỳ thứ hai từ năm 1970 đến 1974. Chỉ tính trong những tháng đầu năm 1974, đã có hàng ngàn người bệnh đến Đại Yên xin cụ chữa bệnh. Bệnh nhân đến, có những người ở những nơi xa xôi như đảo Cát Bà, có những người từ vùng rừng núi Việt Bắc, có những người com đùm com nắm, chỉ mong được gặp cụ. Có ngày cao điểm cụ tiếp khoảng hơn 200 người bệnh, có nhiều người chưa đến lượt, đêm phải ngủ ở ngoài đường làng, ngõ xóm Đại Yên. Số lượng thư cảm ơn và xin cụ chữa bệnh có thể lên đến hàng chục ngàn lá thư. Hàng năm cụ lại cho đốt đi hàng ngàn lá thư như vậy. (Thật là đáng tiếc). Hiện nay, tại nhà cụ chỉ còn lưu giữ được hơn 1000 bức thư của bệnh nhân, trong đó có nhiều bức thư có dán ảnh để làm chứng. Chúng tôi xin liệt kê một số bệnh mà cụ đã chữa cho nhân dân, theo vần A, B, C ... (không theo chuyên môn của ngành y tế)

- Áp huyết cao
- Bazedo
- Dạ dày
- Đại tràng, Đau cột sống, Đau đầu, Động kinh, Đường Ruột, Đẻ ngược
- Gai cột sống, Gan (ung thư gan, sơ gan cổ chướng)
- Hậu bối, Hạch cổ, Hen
- Lao hạch, Lao phổi, Liệt dây thần kinh, Liệt tay, Liệt chân

- Máu trắng, Mất mồ, Mất ngủ
- Nôn ra máu
- Suy tủy
- Tâm thần, Thấp khớp, Thận (suy thận, phù thận), Tim (hở van tim, tim loạn nhịp), Tóc kết
- Ung thư vú, Ung thư họng, Uốn ván
- Vảy nến, Viêm não, Viêm mũi, Viêm Tiết niệu, Viêm Xoang....

Có nhiều trường hợp bệnh nặng, bệnh nhân chết lâm sàng nhờ cụ cứu giúp, bệnh nhân đã khỏi bệnh (Ông Nguyễn Quang Chiêu-Giám đốc nhà máy cơ khí nông nghiệp, Ông Nguyễn Hữu Thái-Trung đoàn phó Trung đoàn 151, QK3 ...). Đặc biệt bệnh Tâm thần là một loại bệnh nan giải đối với y học hiện đại, cụ đã chữa khỏi nhiều ca bệnh nặng, lâu năm (Ông Trương Văn Ngô, Chị Ngô Bích Hạnh, Chị Phó Thị Ngà, Chị Ngọc Lan, Chị Lưu Thị Chung, Ông Đào Quang Vĩnh, Chị Vũ Thị Chò, Chị Nguyễn Thị Chám...) Không những thế cụ còn giải trừ mê tín, đồng bóng, thờ cúng linh tinh. Cụ nói: Làm người phải ăn ở có đức thì mới được tốt đẹp, sinh sống hàng ngày phải lao động cần cù, phong tục tập quán thì nước nào cũng có, còn mê tín dị đoan thì nên bỏ.

#### Cuộc đời đạo đức của cụ Nguyễn Đức Cẩn

Cụ Nguyễn Đức Cẩn kể lại: Khi học đạo, vị Thầy dạy muốn thành đạo cứu đời, phải chịu ba điều: nhất bần, nhị yếu, tam vô tự. Nhất bần, là phải chịu cảnh nghèo khó, phải rèn luyện, phải chịu khổ, có khổ cực thì mới biết thương đến người dân nghèo. Nhị yếu là gì? Yếu là đoản mệnh, chết non, chết bất đắc kỳ tử. Đó là một việc kinh hãi trong tu đạo. Vì phạm làm người ai cũng cầu sống lâu. Nhưng Tạo hóa chẳng cho ai không điều gì. Muốn giúp người bệnh khỏi đau đớn, thì người giúp phải gánh thay những đau đớn đó. Trong quá trình tu đạo để cứu người, cụ Nguyễn Đức Cẩn đã phải trải qua biết bao đau đớn của những căn bệnh, để tìm ra căn nguyên của bệnh, và từ đó có phương pháp trị bệnh. Đó là một việc vô cùng nguy hiểm, có thể đánh đổi cả mạng sống của mình. Tam vô tự là gì? Vô tự là trong gia đình không có người kế tự, hương khói. Đó cũng là một việc vô cùng đau đớn. Người ta nói tu là việc để phúc cho con cháu. Nhưng muốn cứu đời là phải xả thân, phải hy sinh bản thân và gia đình. Cái Phúc ở đây là Phúc lớn của nhân dân, của mọi người, chứ không phải cái phúc của riêng gia đình mình.

Đau đớn thay những gì mà cụ đã xả thân hy sinh để cứu đời và thật lớn lao thay cụ là tấm gương sáng chói trong cõi đời này !. Cụ Nguyễn Đức Cẩn đã thực hiện một nguyên tắc sống cao đẹp: Cẩn, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Suốt cuộc đời của cụ là cả một quá trình lao động cần mẫn, chịu đựng

bao khó khăn gian khổ “ mồ hôi ướt đầm tấm áo nâu sòng ”, từ lúc còn trai trẻ cho đến khi mái đầu đã điểm bạc, cụ đã đi rất nhiều nơi trên đất nước, làm nhiều công việc khác nhau, nếm trải bao cay đắng thử thách. Chính vì vậy cụ đã cảm thông sâu sắc với những nỗi khổ đau của quần chúng lao động, thiếu cơm ăn áo mặc, ốm đau bệnh tật không thuốc thang.

Cụ đã khổ luyện để có được một Quyền năng siêu phàm để chữa bệnh giúp đỡ nhân dân. Trước năng lực diệu kỳ của cụ, nhiều người đã suy tôn cụ lên ngôi thần, thánh, nhưng cụ nói rằng: Tôi chỉ là người, cũng ăn uống sống chết như mọi người khác. Cụ nói: Nuôi tôi dễ quá, dạ dày tôi chỉ bé bằng quả quýt thì ăn gì cho nhiều. Bữa cơm thường ngày của cụ, chỉ có một lưng cơm, mấy quả cà và đôi ba chén rượu. Cụ bảo rằng: Thế là đủ rồi, dân còn khổ, mình sống sung sướng sao đang. Cụ nói: Bệnh nhân của tôi ở khắp các tỉnh, nếu mỗi người chỉ cần cho tôi một nắm gạo là tôi cũng đủ thừa ăn. Nhưng cụ không cần sự “bồ thí” của người đời. Còn sức khỏe là cụ còn lao động, lao động ngoài ruộng vườn của Hợp tác, về nhà cụ trồng chuối ở vườn nhà. Trong nhà cụ, mọi thứ đồ vật không thấy có thứ gì đắt tiền, cũng giống như cuộc sống giản dị của cụ. “ Mỗi ngày cụ chữa cho hàng trăm người bệnh, nếu giống như ông thầy thuốc khác thì cụ đã giàu to, nhưng cụ không lấy tiền mà vẫn ân cần niềm nở ” một người bệnh đã viết thư nói như vậy. Cụ nói rằng: Người tu phải thực hiện ba điều là không tham, vì mọi người và không thù ghét ai. Người muốn tu phải chịu khổ, ngay cả ăn mặc cũng phải tằn tiện, đừng cậy mình có của mà hoang phí thì không tu được. “ Cụ đã giúp cho bao gia đình được hạnh phúc, chăm lo cuộc sống của nhân dân hơn cả cuộc sống của mình. Cụ sống thật giản dị, mặc bộ quần áo nâu, đi đôi guốc mộc, chẳng khác gì một ông già nông dân ”. Một bệnh nhân khác viết. Cụ Nguyễn Đức Cẩn nói rằng: “Người Việt Nam chỉ có một đạo là Tổ quốc Việt Nam và gia đình là chôn thiêng liêng nhất. Tại sao lại phải bỏ gia đình, tu thì tu ngay tại nhà”.

Một người bị bệnh hiểm nghèo được cụ chữa khỏi đã viết: Cụ là cha, là mẹ đã cứu con qua cơn bệnh hiểm nghèo, dù có tiền đầy rừng, có bạc đầy biển cũng không bằng lòng thương người vô hạn của cụ. Cụ thường nói với bệnh nhân: Đời người phải có thủy, có chung, có hiếu có nghĩa. Phải biết cái xấu, cái đẹp. Khi chữa bệnh, cũng là lúc cụ khuyên răn người bệnh sửa chữa những thiếu sót của bản thân với gia đình và xã hội, để sống tốt đẹp hơn. Cụ đã cảm hóa bao con người trở nên tốt đẹp bằng chính cuộc sống hàng ngày của cụ. Do vậy, những ai mỗi khi được gần cụ cũng cảm thấy tâm hồn mình thư thái, nhẹ nhàng như được cởi mở khỏi những khúc mắc, lo toan của cuộc sống hàng ngày và thấy lòng mình hướng về cái thiện.

Ngày 13 tháng 7 năm 1983 (tức ngày mùng 4 tháng 6 năm Quý Hợi) cụ Nguyễn Đức Cẩn đã từ biệt con cháu, họ hàng yêu quý, từ biệt những bệnh đáng thương, từ biệt tất cả mọi người để trở về cõi trường sinh. Từ ngày đó đến nay đã 28 năm trôi qua, nơi cụ an nghỉ tại Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội đã trở thành một khuôn viên với những hàng cau tươi tốt, giữa cánh đồng quê thanh bình và có rất nhiều người từ khắp mọi miền trong đất nước đã về đây thắp hương tưởng niệm và tri ân cụ - Người suốt đời đã vì nước, vì dân phục vụ.

Cuối cùng tôi xin gửi tới Quý vị đại biểu và gia đình lời chúc sức khỏe và hạnh phúc.

*Xin trân trọng cảm ơn !*

*Hà nội ngày 27 tháng 8 năm 2011*

*Nguyễn Tài Đức*

## **Biên bản cuộc Tọa đàm**

*“ Nhà chữa bệnh Nguyễn Đức Cẩn và những bước đi đầu tiên của khoa học ngoại cảm nước ta ”*

Hôm nay, 27-08-2011, tại phòng họp Bộ tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, số 1 phố Ông Ích Khiêm, Hà Nội, Bộ môn Thông tin dự báo & Bộ môn Cận tâm lý thuộc TTNCNTCN cùng con cháu cụ Nguyễn Đức Cẩn đã tổ chức buổi tọa đàm với tiêu đề: “ Nhà chữa bệnh Nguyễn Đức Cẩn và những bước đi đầu tiên của khoa học ngoại cảm nước ta ” nhằm thu thập thông tin, tư liệu, thảo luận cũng như tôn vinh nhà Ngoại cảm- Người chữa bệnh bằng Tâm linh đầu tiên dưới chế độ mới- Thời đại Hồ Chí Minh.

Sau hơn 4 giờ làm việc liên tục, với 8 bài phát biểu (đã được in và phát tới mỗi đại biểu dự tọa đàm) cùng với sự tiếp xúc trực tiếp một số bệnh nhân đã được cô Phạm Thị Phú-một nhà ngoại cảm kế tục cụ Nguyễn Đức Cẩn-chữa khỏi bệnh.

Chúng tôi-130 đại biểu dự tọa đàm gồm các nhà khoa học, các cán bộ nghiên cứu, đại diện gia đình, một số nhà ngoại cảm, một số nhân chứng đã nhất trí đi đến kết luận sau:

1.Trên thế giới đã và đang có một số người, một số địa danh có thể chữa bệnh không dùng thuốc. Ở Việt Nam, cụ Nguyễn Đức Cẩn là người đầu tiên, công khai-trong chế độ mới-làm được việc này, và cụ Nguyễn Đức Cẩn cũng là người đầu tiên được là đối tượng nghiên cứu một cách nghiêm túc của một cơ quan khoa học: Ủy ban Khoa học Nhà nước (VN) trong đó có nhà nghiên cứu đầy tâm huyết-Nguyễn Phúc Giác Hải.

2. Thông qua những tư liệu, những dẫn chứng đầy sức thuyết phục, việc chữa bệnh không dùng thuốc, không chạm vào cơ thể bệnh nhân là có thật.

Cụ Nguyễn Đức Cẩn đã có một khả năng kỳ diệu, một phương pháp chữa bệnh rất thần tình. Hàng vạn bệnh nhân, hàng chục căn bệnh nan y đã được cụ Nguyễn Đức Cẩn chữa khỏi.

3. Để làm được công việc nhân đạo và kỳ lạ này, bản thân cụ Nguyễn Đức Cẩn đã phải khổ luyện, phải hy sinh rất nhiều trong cuộc sống riêng. Bên cạnh một khả năng siêu phàm, Cụ còn là một tấm gương sáng về đạo đức, lòng vị tha và lối sống cần kiệm, hòa đồng.

Cụ chống mê tín, dị đoan. Cụ chỉ chữa cho những bệnh nhân mà cụ “nhìn” thấy họ có đức độ. Cách chữa kỳ lạ mà rất hiệu nghiệm.

4. Ngoài chữa bệnh, trong một số công trình nghiên cứu, sưu tầm, ta thấy rằng ở cụ Nguyễn Đức Cẩn còn có những khả năng kỳ lạ khác như tiên tri, đọc được ý nghĩ của người đối diện, bằng ý nghĩ cụ có thể điều khiển từ xa hành vi người khác.

5. Theo một số nhà nghiên cứu, việc chữa bệnh của cụ Nguyễn Đức Cẩn thực chất là việc truyền năng lượng. Nhưng, năng lượng dù mạnh đến mấy, sau một thời gian sử dụng phải tiêu hao, phải có cách “nạp”. Tuy nhiên, cả cụ Nguyễn Đức Cẩn, và cả cô Phạm Thị Phú (ở Sông Công, Thái Nguyên), năng lượng để chữa bệnh đó như một nguồn vô tận. Đây là một vấn đề cần nghiên cứu: Phải chăng đã có một sự trợ giúp nào đó từ Cõi Vô Hình? Nhiều cán bộ nghiên cứu với một số công cụ đo đạc hiện đại đã phát hiện nơi mộ phần của cụ có sóng năng lượng rất cao.

6. Có ý kiến cho rằng những khả năng đặc biệt của cụ Nguyễn Đức Cẩn nói riêng; của các nhà ngoại cảm-nói chung, một phần có được do trên đất nước Việt Nam nhiều vùng có Địa Linh-Nhân Kiệt, được hồn thiêng sông núi phù trợ.

7. Trong buổi tọa đàm, các đại biểu đã được nghe, được trực tiếp nhìn thấy khả năng chữa bệnh không dùng thuốc của cô Phạm Thị Phú rất kỳ diệu. Đây cũng là một người có khả năng đặc biệt, có tâm, có đức. Cô Phú đã chữa cho rất nhiều người thoát khỏi các căn bệnh hiểm nghèo. Sử dụng đôi bàn tay, bàn chân, cô Phú tác động lên bệnh nhân và chỉ có vậy, như là một phép lạ một số bệnh tật tan biến, người bại liệt đứng dậy đi, người câm cất tiếng nói. Bằng cách “Soi nghiệp” cô Phú chỉ ra nguyên nhân tâm linh của một số bệnh, đó là sự “gánh Quả” do “cái Nhân” mà gia tiên, dòng tộc hoặc bản thân gây ra. Từ đó, cô cùng gia đình tìm cách chữa tận gốc.

Những bài phát biểu trong buổi tọa đàm đều khẳng định: khả năng chữa bệnh bằng Tâm linh là có thật. Đây là một tiềm năng vô tận của con người, là di sản tinh thần vô giá của của dân tộc ta. Cụ Nguyễn Đức Cẩn-một nhân

tài, đức độ trọn vẹn xứng đáng là một danh nhân văn hóa tâm linh, là niềm tự hào của mỗi chúng ta.

Đề tôn vinh cụ Nguyễn Đức Cần, toàn thể các đại biểu dự tọa đàm đã thống nhất một số kiến nghị

1.Tái bản (có bổ sung) cuốn sách “ Nguyễn Đức Cần- Nhà văn hóa tâm linh”

2.Kêu gọi sự giúp đỡ, đóng góp của mọi người để tôn tạo khu Lăng mộ cụ Nguyễn Đức Cần

3.Đề nghị con cháu cụ Nguyễn Đức Cần làm hồ sơ, các cá nhân, và tổ chức có tâm huyết sẽ báo cáo với tổ chức Đảng, và chính quyền có sự công nhận, tôn vinh cụ.

4.Giúp đỡ và đề nghị lên các cơ quan chức năng có biện pháp bảo vệ những người đang là thế hệ tiếp của cụ Nguyễn Đức Cần để họ có điều kiện phát huy tài năng, mang đến nhiều lợi ích cho xã hội, nhất là với những bệnh nhân hiểm nghèo.

Thay mặt Ban tổ chức buổi Tọa đàm, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý vị đại biểu, lãnh đạo và chiến sĩ Bộ tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, các nhà tài trợ đã giúp đỡ để cuộc Tọa đàm đạt được kết quả tốt đẹp.

Biên bản này đã đọc và được thông qua lúc 12h5 ngày 27 tháng 8 năm 2011.

*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2011*

*Thư ký buổi tọa đàm*

*Nhà giáo Quan Lệ Lan*

## **Chiếc máy bay B52 rơi ở hồ Hữu Tiệp – Ngọc Hà, Hà Nội**

*Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài tham luận của Ông Nguyễn Phúc Giác Hải Chủ nhiệm Bộ môn Thông tin – Dự báo TTNCTNCN, trong buổi tọa đàm ngày 27/8/2011*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ thần thánh của nhân dân ta đã buộc phía Mỹ phải ký tắt với ta Hiệp định Paris. Tuy nhiên do phản ứng của Chính quyền miền Nam, Mỹ chưa chịu ký chính thức hiệp định này mà đòi ta phải nhượng bộ một số điều khoản, nếu không sẽ tấn công Hà Nội bằng B52. Cuộc “Điện Biên trên không” đã diễn ra trong 12 ngày đêm ở Hà Nội. Mỹ đã bị rơi hàng chục B52 bằng tên lửa phòng không của ta. Trong số những B52 bị rơi, có một chiếc rơi trên bầu trời Hà Nội. Phi công nhảy dù ra khỏi

máy bay. Chiếc B52 bị gãy và một phần của nó rơi xuống hồ Hữu Tiệp ở Ngọc Hà. Trong bụng máy bay còn chứa hàng chục quả bom chưa nổ.

Sự kiện chiếc máy bay B52 rơi ở hồ Ngọc Hà đã là một thành tích đóng góp vào chiến dịch “Điện Biên trên không” lấy lòng của quân dân ta. Nhà thơ Tố Hữu đã viết về sự kiện này:

“ Ngọc Hà em lộng lẫy hoa tươi  
Xin thơm khắp Miền Nam, Miền Bắc”

Ngày ấy tấm ảnh một cô gái làng hoa Ngọc Hà lấy nước ở hồ Hữu Tiệp với nét mặt tươi tắn, đằng sau cô gái là xác của chiếc B52, được đăng lên các trang báo và được đăng lên các bìa lịch đã là một hình ảnh đánh dấu thắng lợi của Điện Biên Phủ trên không, buộc Mỹ và chính quyền Miền Nam phải chính thức ký Hiệp nghị bốn bên ở Paris. Mỹ phải rút quân khỏi Miền Nam Việt Nam, dọn bước cho Đại thắng mùa Xuân thống nhất đất nước 30/4/1975. Trong tập Sấm của Trung Quốc “Trung Quốc Nhị thiên niên chi dự ngôn”, chúng tôi đã tìm thấy một lời sấm:

“ Thủy biên hữu nữ, đối nhật tị bái ”

Những lời dự báo kỳ lạ

Như chúng tôi đã có dịp nêu trong tập “Nguyễn Đức Cẩn – Nhà văn hóa tâm linh”. Cụ Nguyễn Đức Cẩn ngoài khả năng chữa bệnh không dùng thuốc và từ xa, còn có những dự báo kỳ lạ, cụ đã dự báo nhiều điều cho những bệnh nhân đến xin cụ chữa bệnh. Khi được phép của Ủy ban KH – KT Nhà nước và Bộ công an, chúng tôi đã tổ chức cuộc khảo sát quay phim việc cụ chữa hai ca bệnh đặc biệt: một bệnh nhân bị bại liệt và một bệnh nhân bị tóc kết. Chúng tôi dự kiến tổ chức vào ngày Chủ Nhật, 1/5/1974 là ngày nghỉ để tiện một số quan khách tới dự. Tuy nhiên cụ không đồng ý và nói tổ chức việc chữa bệnh vào ngày 30/4. Việc thay đổi chương trình sớm lên một ngày làm chúng tôi rất vất vả vì phải thống nhất lại với các đoàn quay phim, các bệnh nhân, các nhà khoa học, các cơ quan được mời tới dự. Phải làm lại giấy mời. Lúc ấy tôi cứ thắc mắc mãi tại sao không cho tổ chức vào ngày 1/5 cho gọn, mà cứ bắt tổ chức vào 30/4. Buổi quay phim, khảo sát thành công tốt đẹp. Sau buổi khảo sát tôi ngồi nói chuyện riêng với cụ, trong câu chuyện có một giây phút mặt cụ bừng sáng một cách kỳ lạ và cụ nói với tôi: “ông Hải, nếu tôi không bằng xương bằng thịt thì làm sao tôi có thể ngồi nói chuyện với ông được ! ”. Sở dĩ cụ nói câu đó là vì thường ngày tôi thỉnh thoảng vẫn hỏi cụ vì sao tét nào cụ cũng đưa mọi người lên Đền Và ở núi Tản Viên để du xuân. Hồi ấy có người nói đến tai tôi cụ là Hậu thân của Tản Viên Sơn Thần nên mới có khả năng chữa bệnh kỳ lạ không dùng thuốc và từ xa như vậy. Khi chúng tôi hỏi cụ về tương lai đất nước, Cụ nói: Rồi

chúng sẽ bỏ cả súng mà chạy, lúc đó không ai ngờ rằng chỉ sau một năm, ngày 30 tháng 4 năm 1975, đất nước ta đã thống nhất.

Cũng phải nhắc lại rằng trước khi tổ chức quay phim tổ chức cụ chữa bệnh ngày 30/4/1974, chúng tôi được Bộ công an mời sang chữa bệnh với chuyên đề “Nhà chữa bệnh Nguyễn Đức Cẩn và Hiện tượng ngoại cảm”, trong đó có nói về các khả năng đặc biệt này có liên quan đến quốc phòng và an ninh quốc gia. Buổi nói chuyện này được tổ chức tại phòng họp Đảng đoàn Bộ công an, tối ngày 26/4/1974. Trong buổi này có sự tham dự của Bộ trưởng Bộ công an Trần Quốc Hoàn và ông đã tuyên bố trong buổi họp này “đây là vấn đề khoa học cần nghiên cứu”.

Trong buổi nói chuyện tôi có liên hệ khả năng chữa bệnh không dùng thuốc từ xa của cụ Cẩn đến hiện tượng thần giao cách cảm (Telepathie) và hiện tượng điều khiển từ xa (Telekinesis). Tôi đã dẫn ra thí nghiệm truyền ý nghĩ từ xa của nhà du hành vũ trụ Mỹ Edgar Mitchel trên con tàu Apollo 14, truyền ý nghĩ về Trái đất. Tôi cũng dẫn ra trường hợp nhà ngoại cảm Do Thái Uri Geller có khả năng vặn công kim loại, làm ngừng hoạt động của máy tính và làm ngừng thang máy ở Minich. Uri Geller tuyên bố, nếu muốn, anh có thể làm ngừng một chiếc máy bay đang bay và thực tế sau này, theo yêu cầu của những nhà thực nghiệm Liên Xô, anh đã làm ngừng từ xa chiếc đồng hồ Big Ben nổi tiếng của London.

Giờ đây khi nói chuyện với Cụ Nguyễn Đức Cẩn, tôi có dẫn lại những hiện tượng này và hỏi cụ về sự xi xáo của dư luận liên quan đến chiếc B52 rơi một cách kỳ lạ xuống hồ Hữu Tiệp. Hết sức bình thường và đơn giản cụ kể lại câu chuyện như sau:

“Tôi hôm ấy tôi ra sân nhìn lên trời, rồi tôi nói: thôi chết rồi ngày mai nó đến ! rồi tôi bảo mọi người thắp hương xung quanh nhà, sáng hôm sau nó đến thật, tôi đứng ở sân chỉ tay lên trời thế là cái máy bay nó rơi xuống”.

Tôi ngạc nhiên và bối rối hỏi cụ:

- Thưa cụ như thế là thế nào ạ?

Ông cụ nghiêm sắc mặt nhìn tôi và nói:

- Ông Hải nếu tôi có thể làm một cái đầu đang điên hóa lành thì tôi cũng có thể làm một cái đầu đang lành hóa điên được chứ !

Rồi cụ không nói gì về chuyện này nữa. Khi tôi mang chuyện này hỏi nhà văn Hữu Mai, người đã tham dự cuộc phỏng vấn hỏi cung viên phi công đã nhảy dù ra khỏi chiếc máy bay rơi ở hồ Hữu Tiệp. Nhà văn Hữu Mai cho biết viên phi công này kể khi hắn đang bay đến bầu trời Hà Nội thì hắn bỗng hoa mắt hoa mũi không biết gì nữa. Hắn vội bấm nút cho ghế của hắn vọt ra khỏi máy bay, dù tự động mở ra. Hắn rơi xuống Hồ Tây và bị dân quân đón

bắt. Hần không biết gì về số phận của chiếc B52. Sau này đọc trong tập sấm “Trung Quốc nhị thiên niên chi dự ngôn” tôi tìm thấy câu sấm sau đây:

“Khải du thần khí chung vô dụng  
Dục dục tiểu tâm hữu thần chúng  
Chuyển nguy vi an kiến tiết nghĩa  
Vị tất sơn hà tự ngã tổng”

Có nghĩa:

“Rút cuộc thì cái vũ khí bay ấy cũng hóa ra vô dụng  
Vì có một người dân với một cái tấm lòng rất là cẩn trọng đã chuyển cái nguy thành cái an vì nghĩa lớn

Tại sao ta lại để cho đất nước của mình bị bỏ rơi”

Tôi cho rằng lời tiên tri này đã nói về vụ máy bay B52 rơi ở Ngọc Hà, vì các lời dự báo trong tập sấm còn nói đến tấm ảnh cô gái gánh nước bên hồ Hữu Tiệp:

“Thủy biên hữu nữ đôi nhật tự bãi”

Có nghĩa:

“Bên bờ nước có một cô gái (cô gái này gánh nước từ hồ Hữu Tiệp đi lên)” như đang cúi lạy trước vùng mặt trời ở Phương đông. (đôi nhật tự bãi).

Hơn thế nữa lời sấm còn cho biết đến sự kiện:

“Hắc thổ tẩu nhập thanh long huyết”

Dục tận bất tận bất khả thuyết

Duy hữu ngoại biên căn thụ thượng

Tam thập niên trung tử tôn kết”

Có nghĩa:

“Con thổ đen đuổi thẳng vào huyết con rồng xanh

Muốn giải quyết cho hết nhưng không giải quyết được rất khó mà nói

Duy có người lảng giềng tính từ gốc cây mà lên

Sau 30 năm con cháu sẽ đi đến kết quả”.

Lời sấm này được giải mã như sau:

“Con thổ đen là chỉ quân du kích ở Tây An tức giải phóng quân Trung Quốc, đánh thẳng vào Trung Nguyên. Muốn giải phóng toàn bộ Trung Hoa nhưng không được vì vẫn còn Đài Loan (Dục tận bất tận bất khả thuyết)”. Duy có người lảng giềng là Việt Nam tính từ gốc là Cách mạng tháng Tám. Sau 30 năm đã thống nhất được đất nước như lời của bài hát: “30 năm dân chủ cộng hòa kháng chiến đã thành công”.

Siêu vũ khí của tương lai?

Khi nói về năng lượng tinh thần, các nhà khoa học phương Tây đã gọi đó là siêu vũ khí (Super weapon). Viện sĩ Kaznatchep của Liên Xô đã nói đến một cuộc chiến tranh tương lai trong đó năng lượng sinh học điều khiển từ xa sẽ là một thứ vũ khí tâm linh. Tôi hoàn toàn tin tưởng ở khả năng này vì nó có cơ sở khoa học ngoại cảm và tâm linh. Tôi hình dung ra một kịch bản có một ngày nào đó đất nước ta bị tấn công bởi các tên lửa và máy bay tối tân. Nhưng chúng ta biết rằng hệ thống điều khiển những vũ khí này lại là những bộ óc vi tính, hết sức nhạy cảm. Chỉ cần một năng lượng nhỏ bé điều khiển từ xa của bộ óc con người cũng có thể làm lệch đường bay của nó như lời tiên tri đã viết:

“Khải du thần khí chung vô dụng !”.

Đất nước ta có những con người như vậy không? tôi tin là có như cũng tin ở sự rơi kỳ lạ của chiếc B52 rơi ở Ngọc Hà. Và cũng như dự báo trong tập “Trung Quốc nhị thiên niên chí dự ngôn”:

“Bất tín kỳ tài sản Ngô Việt

Trùng dương tông thử chấp binh sư”

Có nghĩa:

“Khó mà tin rằng con người tài ấy lại ra đời từ nước Ngô, nước Việt

Thế giới lúc bấy giờ mới thật sự chấp nhận việc giải trừ quân bị”.

Ngày nay, không còn nước Ngô, nước Việt ở Trung Quốc nữa, chữ Việt ở đây chỉ có thể hiểu là Việt Nam.

## **Đi theo tiếng gọi của Nhà văn hóa tâm linh đầu tiên của Việt Nam**

*Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài tham luận của GSTS YK- Đoàn Xuân Mượu, trong buổi tọa đàm ngày 27/8/2011*

Bộ môn Cận tâm lý và Bộ môn Thông tin dự báo thuộc Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người cùng gia đình cụ cố Nguyễn Đức Cần có sáng kiến tổ chức cuộc tọa đàm về Nhà văn hóa tâm linh đầu tiên ở nước ta vào dịp cả nước nô nức chuẩn bị lễ kỷ niệm cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi ngày 19 tháng 8 và ngày Quốc khánh 2-9 năm 1945. Sự trùng hợp này có ý nghĩa to lớn để chúc mừng đất nước và đề tạ ơn đất nước đã tạo điều kiện cho việc nghiên cứu một hiện tượng tâm linh, mà tuy kết quả có tính thuyết phục nhưng chưa được lý giải đầy đủ về mặt lý luận.

Đáng mừng thay từ năm 1993 đến nay những phát minh khoa học của Vật lý lượng tử và Cận tâm lý học đã cung cấp những luận cứ khoa học soi

rọi cho cơ chế của hiện tượng ngoại cảm và của khả năng chữa bệnh không dùng thuốc. Dù thiếu lý thuyết nhưng Nhà ngoại cảm Nguyễn Đức Cần đã cứu nhân độ thế từ năm 1940 cho đến khi cụ qua đời vào năm 1983, vượt qua bao khó khăn trở ngại.

Để tưởng thưởng công ơn Cụ, nhà thơ Long Thành Hoài Quang đã có mấy câu bộc lộ được thành ý của mọi người:

Bốn phương độ thế ân vô lượng  
Ngàn dặm thành tâm khách hữu duyên  
San sẻ cho đời khang phúc thọ  
Trời Nam lưu mãi tiếng chân tiên.

Nếu cứ theo logic thông thường hẳn có lý luận khoa học chứng minh mới được thừa nhận thì có nhiều việc quan trọng hơn mà chưa có lý luận chứng minh chặt chẽ, chẳng hạn vấn đề Thượng Đế là ai? Hay Thượng Đế là gì? Mặc dù vậy vẫn có người tin vào Thượng Đế, vì tuy không thấy Thượng đế nhưng thấy những việc Thượng Đế đã làm cho nhân loại. Cũng như vậy trong công việc chữa bệnh cứu người của cụ Trương Cần mấy chục năm qua không có lý thuyết giải thích, nhưng kết quả chữa bệnh rất thuyết phục của Cụ đã làm cho bệnh nhân tin cậy.

Từ năm 1990 khi Nhà Vật lý người Nga Sipov phát minh lý thuyết “Vật lý chân không” chứng minh Trường xoắn là cơ sở vật chất của thông tin trong thế giới tế vi và là đối tượng nghiên cứu của Vật lý lượng tử. Thế giới tế vi là thế giới ý thức vũ trụ, có khả năng tự phát triển, tự ý thức, có sáng kiến vô hạn. Siêu ý thức là kế hoạch tiên phát của tạo hóa. Vật chất là hình thức tiếp nhận năng lượng theo thông tin do ý thức đề ra. Các nhà khoa học ngày nay đều hiểu rằng: khoa học vật lý không thể thiếu một phần của vật lý siêu hình.

Cụ Trương Cần khi tiếp bệnh nhân thường phát cho mỗi người một mảnh giấy cầm tay và Cụ yêu cầu họ đốt đi, không giải thích vì sao. Tuy nhiên cụ Trương Cần có ý thức khi làm việc đó. Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải đã suy nghĩ về điều đó và đã đối chiếu với việc chữa bệnh bằng Trường sinh học. Cụ Trương Cần có lẽ đã hành động một cách vô thức theo linh cảm? Theo lý thuyết các Nhà chữa bệnh bằng Trường sinh học có thể phát năng lượng vào các vật dụng, ví dụ: vào cốc nước, mẫu giấy, quả cam rồi đưa cho bệnh nhân dùng để thông qua đó người bệnh tiếp nhận năng lượng trị bệnh.

Giáo sư Hoàng Phương đã nhận định: “Sự kiện cụ Nguyễn Đức Cần có một khả năng kỳ diệu và những phương pháp chữa bệnh hoàn toàn mới rất thần tình, mặc dù chưa giải thích được.” Đi xa hơn nữa, cụ Trương Cần nói

kết quả chữa bệnh còn tùy thuộc vào đạo đức người bệnh. Vốn tồn tại “thân bệnh” và “nghiep bệnh”. “Thân bệnh” có thể chữa khỏi, nhưng “Nghiep bệnh” thì không thể, nên Cụ thường không nhận trường hợp “nghiep bệnh”. Cụ tự tin nhìn người thì biết đạo đức của người ấy.

Sự tồn tại trên đời này một số những Nhà ngoại cảm chữa bệnh không dùng thuốc là ý của Trời. Cũng như trên quả đất mọc biết bao cây cỏ có thể dùng làm thuốc chữa bệnh, cũng là ý Trời. Từ thuở xa xưa con người đã sống nhờ vào cây thuốc trong rừng khi chưa có bác sĩ, hiệu thuốc, bệnh viện,...Ngoài ra biết bao nhiêu động vật hoang dã sống trong rừng cũng có khi ốm đau giống con người, chúng gặm lá cây rừng để chữa bệnh. Bằng cách nào chúng chọn đúng cây thuốc? Chỉ có Trời biết. Đó là linh cảm mà ở các loài sinh vật đều có, thậm chí không kém ở con người. Nhiều loại thức ăn bình thường chính là những vị thuốc quý, ai không biết thì thiệt. Trên trái đất có những vùng địa linh có khả năng chữa bệnh. Ở Pháp cách Thủ đô Paris 600km có vườn chữa bệnh Lourdes, mỗi năm thu hút hàng vạn người đến chữa bệnh hay đến du lịch sinh thái.

Hè năm 2004, tôi có dịp tham quan Hy Lạp – đất nước của thần thoại. Tôi được thăm khu vườn chữa bệnh Esclavios ở miền Nam Hy Lạp. “Esclavios” là tên của người đã tìm ra vùng địa linh để làm vườn này. Sau khi ông qua đời, người ta lấy tên ông đặt cho vườn chữa bệnh và đã thu hút người bệnh bốn phương về đây. Mộ ông đặt ở ngay trong vườn, mà ở đó thường xuyên có một con rắn to canh giữ. Con rắn thân thiện với khách du lịch. Bốn trăm năm sau ở Hy Lạp xuất hiện người thầy thuốc nổi tiếng Hypocrat và được coi là thủy tổ của nền Tây y. Người ta lấy hình chén thuốc và con rắn làm logo cho nền Tây y xuất phát từ đó. Ở Việt Nam có vườn chữa bệnh Long An nổi tiếng là linh khí của nước Việt mà không được tận dụng. Thật là hoài của và đáng phàn nàn biết bao! Nhà Đại văn hào Shakespear có nói: “Chỉ có những bậc thánh mới biết được những cái ngu của mình”. Chẳng lẽ chỉ có đất Long An mới có ít Thánh hay sao?

Quả đất cũng giống như thân thể con người, có những huyết mạch cứu trên người. Đó là những điểm gặp nhau của hệ thống luân xa chuyển tải năng lượng đi khắp thân thể. Đông y dùng châm cứu để chữa bệnh vì thế.

Theo cổ GS.Nguyễn Hoàng Phương, Việt Nam ta có nhiều vùng địa linh đặc biệt: dòng Cửu Long Giang xuất phát từ núi Vân Nam chảy dọc theo dãy Trường Sơn đã tiếp nhận những dòng năng lượng của Núi cao, vì vậy ở dòng cuối chín Đầu Rồng của nó có con Rồng Long An lâu nay “ngủ yên”, rất có thể có nhiều địa linh mà ngôi vườn kỳ diệu ở Đức Hòa là một trong số ấy. Nơi đây đã có một Long An đã thức dậy và tỏa ra khí thiêng cho con người Việt Nam.

Một sự thật nữa mà ông cha ta thường nói là “Âm phù dương trợ”, cho nên cần phải kết hợp Âm-Dương trong việc phòng và chữa bệnh. Cơ chế này theo lý thuyết vật lý lượng tử là dựa trên cơ sở Sóng và Trường. Cụ Trường Cần lúc sinh thời có đề cập đến Sóng trong thuật chữa bệnh thay cho thuốc. Ở thời điểm những năm 1940-1980 tại một vùng hẻo lánh ở Việt Nam, một nhà ngoại cảm đã biết động đến vai trò của Sóng, thật đáng khâm phục.

Chỉ từ khi ra đời thuyết lượng tử mới có khái niệm vật chất ở mức hạ nguyên tử tồn tại ở dạng sóng hoặc dạng hạt. Ở Liên Xô vào những năm 1980 của Thế kỷ trước bắt đầu xuất hiện lý thuyết và kỹ thuật Y học đa chiều của Putsko đặt trên cơ sở lý thuyết Sóng và dùng phương tiện con lắc để lựa chọn Sóng, để lấy Sóng trị Sóng. Mầm bệnh vô hình là những cấu trúc năng lượng thông tin tiêu cực tồn tại dưới hình thức Sóng Xoắn, gọi là Soliton. Chúng gây rối loạn trước tiên ở các thân thể tế vi. Việc điều trị loại bệnh này xuất phát từ mục tiêu xua đuổi cấu trúc sóng năng lượng thông tin xấu ra khỏi cơ thể theo phương pháp Y học đa chiều.

Nhờ sự nỗ lực và đam mê của các nhà khoa học như GS Hoàng Phương, TS -Thiếu tướng Chu Phác, Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải và các nhà khoa học khác của Trung tâm nghiên cứu Tiềm năng con người, đã mở đường rộng rãi cho hoạt động của của các nhà ngoại cảm thể hệ trẻ như: Đỗ Bá Hiệp, Phan Thị Bích Hằng, Phạm Thị Phú,... và những người khác ở trong Nam, ngoài Bắc như tìm mộ, chữa bệnh không thuốc...theo tiếng gọi của Nhà văn hóa tâm linh đầu tiên ở Việt Nam, Cô Nguyễn Đức Cần.

*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2011*

## **Cụ như một lão nông hiền hậu**

*Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài tham luận trong buổi Tọa đàm ngày 27/8/2011 của Thiếu tướng-Nhà văn Hồ Phương*

Thưa quý đồng chí và quý bạn

Tôi vẫn còn nhớ là vào mùa hè năm ấy, khi cô con gái thứ hai của tôi-cháu Ngọc, mới lên bốn, bỗng nhiên căng chân trái cháu bị sưng đỏ và to đùng. Cháu đau khóc suốt, dù cháu là đứa trẻ vốn hết sức ngoan. Chúng tôi đã cho cháu uống đủ các loại thuốc kháng sinh, nhưng bệnh của cháu cũng không hề lui. Đưa đi bệnh viện, người ta bảo có lẽ phải làm phẫu thuật. Thương cháu quá, vợ chồng tôi cứ dùng dằng mãi.

Bỗng nhiên, như có Trời bảo, một vị hàng xóm mách là nghe nói có cụ Trường Cần ở Đại Yên, chữa được các bệnh hiểm nghèo...Thế là tôi lấy xe đạp đèo cháu đi ngay. Tôi cũng không khỏi hồi hộp. Thế rồi cha con tôi đã

được gặp cụ, đúng lúc khách khứa vừa về hết. Cụ mời tôi cùng ngồi vào chiếc phản ở trong nhà, uống nước, hút thuốc và trò chuyện, còn cháu Ngọc tập tễnh chiếc chân đau chơi ở ngoài sân xem vườn hoa cây cảnh của cụ một cách rất thích thú.

Cụ ngồi đó, ung dung, hiền hậu với bộ tiện y màu nâu giản dị và mái tóc cắt ngắn đã bạc khá nhiều. Phong độ và dáng vẻ ấy đã ngay lập tức chiếm được cảm tình của tôi. Nhưng phải nói tới đôi mắt- Đôi mắt sáng lóng lẹ lòng của cụ...

Cụ ngồi đấy vừa như một lão nông, vừa như một vị Thiền sư cao minh. Đặc biệt là cụ cởi mở và mến khách, thể hiện ngay trong những câu chuyện cụ chủ động trao đổi về thời tiết, về gạo thóc hồi ấy và về sự xum họp Nam Bắc vừa mới được lập lại...

Dẫu sao, rồi tôi cũng đánh bạo đề chủ động thưa cụ về việc đưa cháu bé tới đây. Mím cười rất hiền hậu và đầy cảm thông, cụ nhìn ra sân, chỉ tay nói: “Cháu nó đang chơi kia kìa. Nó rất ngoan, đang vui đấy. Cứ để cháu nó chơi nữa đi”... Tôi lại phải quay về với những câu chuyện giao đãi. Nhưng rồi hẳn quá cảm thông nỗi sốt ruột của tôi, cụ bỗng đột ngột ngắt câu chuyện và nói: “Thôi, chẳng trưa rồi đấy! Hai cha con về đi thôi”.

Tôi không khỏi ngạc nhiên, vì tôi chưa thưa được với cụ điều gì quan trọng về cháu và cụ cũng chưa hỏi qua một lời về bệnh tật của cháu Ngọc, chứ chưa nói tới tận mắt xem xét chỗ đau của cháu... Chừng như hiểu nỗi băn khoăn của tôi, cụ mím cười như an ủi: “Đã bảo về đi ! Cứ yên tâm ! Cháu nó sẽ khỏi đấy mà. Vài hôm nữa thôi”. Tôi vẫn bối rối không hiểu ra sao nữa.

Hiểu ý tôi, cụ tươi cười tiếp: “Vậy muốn có thuốc hả? Thì đây, cầm cái giấy này, về nhà đốt đi ” Nói đoạn cụ lấy ra từ trong chiếc khay một mảnh giấy, trong mảnh giấy đó chỉ có một chữ ký của cụ. Tới lúc đó dẫu vốn là một người kém thông minh, tôi cũng có thể hiểu mang máng được rằng: Mọi việc có lẽ cụ đã giải quyết được rồi. Tôi chỉ còn biết đứng lên gọi con gái vào, và hai cha con cùng cung kính chào cảm ơn cụ. Cụ xoa đầu cháu: “Thôi cháu về nhé, mấy hôm nữa sẽ khỏi đấy ! ”.

Thế là về nhà, tôi đã làm đúng theo lời cụ, đốt mảnh giấy nọ đi... Và quả nhiên, chỉ một tuần sau, cháu hoàn toàn khỏi bệnh. Tôi chỉ còn thiếu reo lên và lại đèo ngay cháu về Đại Yên. Vợ tôi cũng xin đi theo để được yết kiến vị Dị nhân ân đức. Thế là “Zin 3 cầu ” tốc hành phóng cứ như bay...

Câu chuyện thứ hai: Tôi được báo đi xem cụ Trưởng Cần chữa cho một phụ nữ bị một bệnh lạ, cả mái tóc bị dính lại như có keo, chải không ra, gỡ cũng không được. Người bảo đó là ma làm, người lại khẳng định đó là quỷ

ám...Đã nghe tiếng cụ Trương Cần, nên gia đình nọ đã đưa chị lên Đại Yên, đúng dịp các cơ quan chức năng của nhà nước tiến hành quay phim về việc chữa bệnh của cụ.

Lúc đó, tôi thâm lo: Nói đại, hôm nay, không chịu nổi áp lực mà thất bại thì thật tiếc biết bao cho cụ và cho cả nhân dân.

Tuy nhiên, rồi mọi việc đã diễn ra khá xuôi sẻ. Vẫn bộ quần áo nâu cũ bạc, vẫn đôi mắt như Thần, cụ ung dung đến trước người phụ nữ bị kết tóc và cất tiếng nhẹ nhàng, nhưng như truyền lệnh: “ Mở ra, hãy mở ra!...” rồi cụ nhắc chị ngồi bên đã cầm sẵn một chiếc lược: “ Chải giúp đi !...” và cứ như thế nhiều lần, cuối cùng bộ tóc của thiếu phụ đã được gỡ ra và chải dài như xưa...

Như thế đấy, trong cuộc đời này đã có biết bao công việc to lớn nhưng thường cũng chỉ diễn ra rất nhẹ nhàng và giản dị; ngược lại cũng đã có không ít việc ý nghĩa có lẽ không quá một tầm với tay nhưng đã có biết bao cờ rong trống mở...

Sau đó, cụ Trương Cần đã trở về với cuộc sống bình thường làm phúc cho dân. Rồi cụ qua đời..tới nay đã gần 30 năm và bây giờ chúng ta mới có những hoạt động nghiên cứu sâu rộng hơn về cụ. Riêng tôi sau vụ gỡ tóc của cụ năm ấy, tôi lại lao vào văn học. Với tôi, không có gì cuốn hút mãnh liệt bằng văn học, cho nên tôi cũng không may mắn được biết gì thêm nữa về cụ. Đó cũng là một thiệt thòi cho tôi.

Tuy nhiên, trước sau, tôi vẫn vô cùng kính trọng và biết ơn cụ -một Nhà ngoại cảm có tài và có đức lớn lao./.

## **“Cụ lang Cần”: chuyện thật tưởng như huyền thoại**

*Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài tham luận của nhà báo Trịnh Tố Long, trong buổi Tọa đàm " Nhà chữa bệnh Nguyễn Đức Cần và những bước đi đầu tiên của khoa học ngoại cảm nước ta " tổ chức ngày 27 tháng 8 năm 2011, tại Hội trường Bộ tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh*

GS-TS Toán lý Nguyễn Hoàng Phương từng nhiều năm cùng với nhà khoa học Nguyễn Phúc Giác Hải nghiên cứu về "hiện tượng cụ Lang Cần" đã nhận định: Hàng ngàn năm nay nhân loại mới có một Nhà ngoại cảm (NNC) siêu phàm như cụ Nguyễn Đức Cần... Vâng, chuyện chữa bệnh như thần và tinh thông việc trời đất, chuyện như không có thật mà là sự thật.

Những năm nửa cuối thập niên chín mươi vừa qua tôi trong lãnh đạo CLB Nghiên cứu Ứng dụng Năng lượng Sinh học Hà Nội trực thuộc Liên hiệp các Hội KHKT Thành phố. Chúng tôi thường mời GS Hoàng Phương (1927 - 2004) đến hội trường Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam ở Ngã Tư Vọng nói chuyện. Lần đầu đến mời, GS còn hỏi: "Các vị đã xin phép chưa?". Nghe chuyện GS kể về cụ Lang Cẩn mới thấy (và rất tiếc) tài năng giúp ích cho đời của Cụ bị hạn chế rất nhiều, lại nhiều điều, nhiều việc cụ không nói, chỉ làm còn ít ai được biết do Gặp thời thế, thế thời phải thế...

Năm 2009, nhân kỷ niệm 100 năm sinh của Cụ (1909 - 2009) NXB Văn hóa - Thông tin in sách (đã tái bản) Nguyễn Đức Cẩn Nhà văn hóa tâm linh. Đồng tác giả là các ông Nguyễn Phúc Giác Hải và Nguyễn Tài Đức.

Ngày 4/6/2011 - giỗ cụ lần thứ 28, từ 1 - 2 giờ sáng tới tận đêm khuya, dòng người lúc đông khi thưa từ nhiều miền đất ở trong, ngoài nước về lăng mộ kính viếng Ân nhân tại cánh đồng Mai Chứa thôn My Hạ (nay thuộc xã Thanh Mai, Thanh Oai - Cách Hà Nội 25 cây số). Phần đông người về đây đã thuộc thế hệ con, cháu, chắt do ông bà, cha mẹ mang ơn Cụ cứu nạn, đã dẫn lại: uống nước phải nhớ nguồn. Thiếu tướng Nguyễn Chu Phác chủ nhiệm bộ môn Cận tâm lý thuộc Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người - một thành viên Ban tổ chức ngày Giỗ ngồi trên xe về Lăng mộ, đã kể nhiều chuyện, cho địa chỉ các nhân chứng và khuyên tôi nên tiếp cận “người thật việc thật” để làm rõ hơn khả năng siêu thường, một cách tri ân, niềm tự hào dân tộc - Không phải dân tộc nào cũng có được như NNC siêu phàm của dân tộc ta.

## NHỮNG NĂNG LỰC SIÊU NHIÊN

Xin ngoảnh lại đôi chút cội nguồn siêu thực trong con người và nhìn xa điểm mặt ít “siêu nhân” thời nay càng hiển hiện rõ nét NNC siêu việt của nước ta.

Chúng tôi tích hợp nghiên cứu từ một số nước đi đầu như: Mỹ, Liên Xô, Anh, Pháp, Trung Quốc... thì thấy khả năng khác thường trong một số người từng phát lộ từ thời xa xưa thuộc các dạng, các mức độ khác nhau... cấp siêu đẳng thì cảm thụ thông tin ngoài năm giác quan nghe, nhìn, ngửi, nếm, sờ thông thường, vượt không gian, thời gian, gọi cách khác là “tri giác” siêu cảm quan hay cảm ứng tâm linh, thần thức thuộc thế giới vô hình hoặc thế giới người âm, thần linh... Thời cụ Cẩn những biểu hiện này thật giả đều quy vào mê tín dị đoan, trò bịp, lừa đảo, bùa mê, thôi miên, ám thị, phù thủy... Cụ bị kỳ thị đánh đồng như các đối tượng khác cần đấu tranh, giáo dục nhằm xóa bỏ hoạt động của các thầy cúng, ông đồng, bà cốt, trấn yểm tà

ma, dẹp bỏ việc thờ cúng v.v... Đó là quan niệm vô thần hết sức ấu trĩ, tai hại.

Hiện tượng ngoại cảm (Extrasensory) là các khả năng dị thường như thần giao cách cảm (telepathy), chẳng hạn, Liên Xô có NNC Topich Đadasev, có thể “đọc” được ý nghĩ, điều khiển hành vi người khác, phi hành gia Mỹ E.Mitchell thí nghiệm truyền ý nghĩ của mình từ tàu Apollo 14 về trái đất cho NNC khác. Nhà tiên tri nổi tiếng Bungari bà Vanga mùa hè năm 1960 chúng tôi đã có dịp sang thăm. Thông thiên nhĩ, mở con mắt thứ ba. Nói chuyện với người âm (Claivoyance). Đặc biệt, trong lĩnh vực chữa bệnh thì nhiều. Nổi tiếng từ thời Liên Xô là bà Đduna được trao tặng bằng Tiến sĩ Y học Quốc tế, có cuốn sách “Hãy lắng nghe bàn tay mình”. Nhà khoa học vũ trụ Mỹ A.Barbara cũng nổi danh với tập sách “Bàn tay ánh sáng”...

Việc “phóng năng lượng” vào vùng bệnh thì mỗi NNC, mỗi căn bệnh có các cách khác nhau: qua bàn tay, bàn chân, cành lá, chén nước, chữa bệnh cách không, qua điện thoại v.v.... Riêng cụ Lang Càn thì nói cụ chữa bệnh bằng cái đầu, tức là cụ chỉ nhờ người siêu hình chữa thôi. Còn siêu hơn cả Triển Chiêu trong phim Bao Công xử án. Anh ta phát công từ Bách hội là Thần công, từ Ấn đường là miếu công, từ Lao cung là Chương công, ngón tay là Chỉ công.

Vậy các công năng ấy lấy đâu ra?

Lâu nay các sách mang tính kinh điển đều viết là có thể từ 1 trong 4 nguồn: 1, Bẩm sinh; 2, Tai nạn nặng; 3, Nhà sư, cha cố... ngồi tu thiền lâu năm... Và 4, Kiên tâm tập luyện. Nhưng theo tôi, nói đến lực siêu nhiên, cần điều kiện “đủ” quyết định là yếu tố thứ 5 phải có “nhân duyên” thuộc lĩnh vực tâm linh, quyền năng mang đặc điểm có đầy rồi cũng mất đầy nếu NNC tha hóa biến chất.... Mà thói đời "lắm tài thì nhiều tật"... Cụ Lang Càn tâm đức, tài năng thật trọn vẹn.

Chuyện kể rằng năm cậu Cả - Trưởng Càn 14 tuổi học xong trường Tây Albert Sarraut Hà Nội thì cũng là thời gian ông Tổng Nhuận thân sinh bị một thứ bệnh lạ lùng: một cục gì to, cứng nổi cộm trong bụng, nắn chỗ này nó chạy chỗ kia. Thuốc Tây, thuốc Bắc, thuốc ta đủ cả, người bệnh càng gầy ốm thêm. Bỗng đâu có một thầy lang đến nhận chữa bệnh khỏi.

Bà Cả Khế nhận thấy con cũng ham thích nghề thuốc, để tri ân thầy cứu mạng chồng, bà xin cho con được theo hầu thầy. Từ đây cậu Cả vốn được cơm bưng nước rót bắt đầu cuộc sống cơm niêu nước lọ trong rừng sâu trên núi cao, từ Ba Vì, Hòa Bình, lên Tây Bắc, sang Thượng Lào... chỉ để tầm sư học đạo. Sau này cụ Lang dạy lại mọi người: Người Việt Nam chỉ có một Đạo, là Đạo Tổ quốc Việt Nam.

Năm 27 tuổi (1934), cậu Cả trở về làng thuốc Nam Đại Yên nay là làng hoa Ngọc Hà. Ông làm thuốc từ năm 1940. Tham gia Việt Minh, dạy võ nghệ cho các đội vũ trang khởi nghĩa. Là một trong mấy người đầu tiên vượt qua hàng rào sắt đánh chiếm phủ Khâm sai ngày 19/8/1945. Đại đội trưởng Đại đội Lam Sơn của Trung đoàn Thủ đô, rút khỏi Hà Nội ngày 17/2/1947, lên chiến khu Việt Bắc đến năm 1950 thì xin về quê tiếp tục làm nghề cứu nhân độ thế, bí mật giúp đỡ, nuôi cán bộ hoạt động nội thành. Nhưng rồi, năm 1955 - 1956, cải cách ruộng đất, lại chính những cán bộ được cù che giấu trong nhà khỏi bị lính Tây lùng sục, đứng ra tố giác cù là phần tử phản động theo Tây. Cù bị kết án 7 năm tù, khi sửa sai đi lao động cải tạo 7 tháng... Hết hạn về nhà làm xã viên HTX gánh phân kéo xe bò nắng mưa, đói rách, Cù vẫn xung phong gương mẫu mọi việc, được bầu lao động xuất sắc....

Vợ con khuyên ngăn, trách móc sao không báo cáo, khai rõ đời ông tham gia nghĩa quân Đề Thám, đời bố đã ủng hộ cách mạng cả chiếc Chương Mỹ bội tinh đúc bằng vàng, bản thân Cù tham gia tự vệ Việt Minh từ năm 1943 v.v.... Cù cười, động viên: Các con chưa hiểu được chữ “Nghiep”. Có thể mới làm được việc cứu người, giúp đời...

#### THẦY THUỐC NHƯ CỤ XƯA NAY HIẾM

Sau hôm tổ chức Giỗ biệt nhau tại Lăng mộ Cù, ông Nguyễn Tài Đức gặp tôi. Theo ông, Y đạo, Y đức, Y thuật như Thầy thuốc Nguyễn Đức Càn xưa nay mới có một.

- Đúng như vậy, - tôi cũng kể lại với ông rằng mình đã gặp nhiều nhân chứng - người bệnh và tranh thủ nhiều lần vào lăng mộ Cù, không lúc nào thấy vắng người, hương khói, hoa quả tươi, nhiều người đứng ngồi bên mộ cạnh tượng Cù, bảo rằng “đến xin Cù chữa bệnh cho”. Bà Nguyễn Thị Sinh con gái và ông con rể CCB Nguyễn Văn Ảnh thì luôn có mặt chăm nom đèn nhang, quét dọn, tiếp đón mọi người.

Chúng tôi rút ra nhận định:

Một là, cù là một "người mẹ hiền" mẫu mực. Theo các nhân chứng, cù phân chia hai loại bệnh căn: thân bệnh và nghiệp bệnh. Thân bệnh - bệnh gì cũng chữa được, cả ung thư, máu trắng. Còn nghiệp bệnh thì trong dân gian từng có câu: “Chữa được bệnh, không chữa được mệnh”. Cù giải thích: Có thể hiểu như Tây y nó là Gen! đã lập trình sẵn. Cù chỉ giúp kéo dài thêm ngày nào hay ngày ấy, và tốt là bớt đau đớn, “đi” thanh thản.

Bà con bên làng Hữu Tiệp cho biết, cù An Thị Phú bị thương hàn, sốt rất cao, lưỡi đen, cù Lang sang nhà không thuốc thang gì cả, cù chỉ nói thứ tiếng gì đó mà khỏi bệnh. Cù tuyệt đối không lấy tiền của ai, dù chỉ vài xu,

quà cáp cũng thế. Mà quà là gì? Vài bìa đậu, cân gạo nếp, đầu đỗ, ít củ sắn, cút rượu... Cụ luôn từ chối rằng: Ông nhận rồi! Hoặc: Chỗ này đưa về cho các cháu, chỗ này chia ở đây “lộc bất tận hưởng”. Bệnh nhân nào lòng thành quá cứ nài nỉ, cụ nhẹ nhàng hỏi:

- Tôi không lấy tiền, nhận quà thì mới còn khả năng cứu giúp được bà con. Lương y như từ mẫu. Mẹ hiền nữ nào cầm tiền, quà cáp của con cháu?

Hai là, chữa bệnh - chữa Đức trước. Cụ Phú còn nhớ rõ lời cụ: Ai vào đến cổng nhà tôi, có đạo đức hay không tôi biết hết. Cho nên, khi gặp ai mà Cụ khuyên nhủ trước đại ý như: Làm người phải ăn ở có đức, biết sửa mình thì mọi việc đều tốt cả. Bệnh khỏi hay không là ở mình. Ấy là người đó có vấn đề gì đó không phải trong ăn ở. Nên bệnh từ tâm đức, tâm lý cũng nhiều.

Ngày 27/6/1982, nhà báo Minh Đăng Khánh báo Sài Gòn Giải phóng phỏng vấn, cụ nói: Đức là cái gốc của con người. Anh sửa được mình thì nghèo cũng không khổ. Giàu mà cái gốc không còn, đức hết, anh khổ là tại anh... Tôi chữa bệnh không lấy tiền, có lợi cho dân. Điều đó làm tôi sung sướng. Tôi chỉ muốn mọi người có cơm no, áo ấm, không đau ốm, thế thôi... Chính tu là ở cái đức của mình. Mình chịu khổ thì mới thương người, còn mình sướng thì biết thương ai. Nói Đức mà chỉ nói cái mồm thì ai chả nói được. Cho nên người thật sự thương bệnh nhân thì ít lắm...

Ba là, Mê tín dị đoan dễ mắc thân bệnh. Ông Nguyễn Văn Dốc ở 378 Bạch Mai - Hà Nội kể, vợ ông - bà Nguyễn Thị Lũng bị ung thư lưỡi, đã chạy chữa khắp nơi, đến Bệnh viện Việt Đức BS. Tôn Thất Tùng trông coi việc chữa trị không khỏi. Nhà nghe mách đi cúng bái khắp nơi, bốc bát hương về thờ: 2 bát, rồi 6 bát, thêm 1 bát ngoài sân. Ngày ngày sửa lễ 7 con gà, thầy cúng phán thần linh “đòi” tiền mặt, đồng cân vàng nữa mới khỏi bệnh. Nhưng tiền mất tật vẫn mang. Lên Đại Yên nhờ chữa Cụ. Vợ khỏi ung thư, chồng bị suy gan, loét dạ dày và phổi dính vào lá lách rất khó thở, BV 103 không xử lý được, Cụ cứu cũng khỏi, hết các bệnh. Cụ bảo hạ hết các bát hương đem lên nhà cụ bày ngoài sân “triển lãm” cho bà con xem. Sau ông Dốc, hơn 400 bát hương ở các gia đình mắc các ca bệnh tâm tưởng, Cụ đề nghị cũng được đưa về sân nhà Cụ.

Bốn là, chữa bệnh không cần "Tứ chẩn" (vọng văn vấn thiết)

Cụ Lang Cẩn thường có hai cách chữa bệnh: một là, người nhà đến không cần kê khai gì về bệnh nhân, Cụ đã biết ai thế nào, bệnh gì, nên chỉ cần Cụ nhận lời: Được rồi, cứ về đi! Hai là, Cụ cho mảnh giấy nhỏ bằng nửa dọc bao diêm có ghi ký tự của Cụ, cầm về đặt lên vùng bệnh hoặc đốt lấy tro hòa vào nước uống là khỏi. Trường hợp 1 chúng tôi gọi chữa bệnh “cách không”. Hiện nay chúng tôi được thấy NNC Phạm Thị Phú cũng dùng điện thoại làm sủi cốc nước cho người bệnh uống tác dụng rất rõ. Trường hợp 2

là “nước thánh” hay mảnh giấy đã được truyền “năng lượng”, hoặc “quyền năng phép tiên” thì khoa học chưa giải thích được. Người bệnh từ nước ngoài gửi thư về, cụ chữa cũng khỏi, Cụ giải thích: Từ khi còn ít tuổi tôi đã bỏ nhà ra đi, mặc dù nhà rất giàu. Tôi phải chịu khổ lên rừng học mới có thầy dạy, học khó lắm. Bà Sâm vợ Đại sứ Nguyễn Tiến Thông 9 tháng liền mất ngủ. Lên nhà, cụ bảo: Tôi nay tôi sẽ cho bà ngủ. Bà sẽ biết là Việt Nam ta còn giỏi hơn Tiệp Khắc (Là nước ông bà đang công tác). Và, đúng là mới đầu tối bà Sâm đã ngáp ngủ, mà ngủ ngon một giấc tới sáng.

Năm là, Chữa vô sinh hay tài dự báo? Bà hàng xóm có chồng bị xơ gan cổ chướng đến nhà Cụ, người bệnh đông quá, ngồi xa ngoài sân khóc. Cụ từ trong nhà ra bảo: - Tôi biết rồi. Nửa tháng nữa quay lại. Đúng như hẹn, bà quay lại bầm tin mừng ông chồng đã khỏi... Cụ còn nói:

Cuối sang năm anh chị có con trai đấy, về báo cho anh ấy phần khỏi... Quả như vậy, nay bà 70 tuổi, con trai đã 40.

Sáu là, chữa bệnh bằng thực khí khác thanh khí

Chúng tôi tập luyện các môn như khí công, Yoga, năng lượng sinh học, v.v... mà người đạt trình độ cao nhưng thiếu yếu tố thứ năm - cơ duyên thì thu vận hành khí chữa bệnh cũng chỉ ở dạng "thô" gọi là thực khí "bắn" vào các luân xa, huyết đạo, cửa hút, vùng bệnh. Phát khí một buổi cho mười người bệnh là mệt lắm, phải có cách thu thêm khí mới. Còn, quyền năng đặc dị đẳng cấp vũ trụ như cụ Cần hay một số NNC chân chính hiện nay như cô Phạm Thị Phú thì sở hữu "thanh khí hay hư khí", tức có sự trợ giúp của người âm có thể phát công suốt ngày chữa cho hàng trăm ca bệnh, không những không cần các "thủ thuật" gây niềm tin mà dùng cách "soi" có thể biết được "nghiệp bệnh" do đâu để "giải nghiệp" cũng là chữa bệnh tận gốc mà sau đây chúng ta sẽ được nghe thấy NNC Phạm Thị Phú trình bày. Trước đây, nhà tâm lý học Liên Xô bác sĩ Kaspriovxki từng nói khi chữa bệnh qua truyền hình rằng ông chỉ "bấm nút" để kích hoạt hệ thống miễn dịch trong cơ thể, còn quyết định khỏi bệnh là ở người bệnh. Tôi hình tượng hóa gây niềm tin là một thứ placebo (giả dược) để người bệnh huy động sức đề kháng của cơ thể, đó là: trong cơ thể chúng ta đã có đủ bác sĩ, dược sĩ và kho thuốc. Hãy tập cách khai thác tiềm năng trong cơ thể mình! cũng tức là bác sĩ tốt nhất là chính mình.

Bảy là, Chữa bệnh cho động vật cũng bằng thanh khí.

Cụ Lang Cần nghe nhà báo hỏi mảnh giấy Cụ cho người bệnh có phải là liệu pháp niềm tin? Cụ cười: Vậy thì giống bò, trâu, lợn, chó, mèo cụ chữa khỏi bệnh, chúng có biết gì đâu mà bảo gây niềm tin. Ông con rể Nguyễn Văn Ảnh kể nhà có con lợn nái bỏ ăn sắp chết, cụ chữa bệnh từ xa, con mẹ khỏi, còn đẻ đàn con khỏe mạnh, từ đó các lứa đẻ dày lên.

Tám là, tình nghĩa sâu nặng giữa thầy thuốc bệnh nhân.

Các nhân chứng đều kể, chưa nghe thấy thầy thuốc nào xưa nay như cụ Lang Cẩn rằng hàng năm cứ vào các ngày lễ tết bệnh nhân mang ơn cụ nhiều thường tự nguyện đến nhà dọn dẹp nhà cửa, sửa soạn cơm nước bằng thức ăn, đồ uống ai có gì góp thứ đó đem đến cùng liên hoan. Đặc biệt đông vui là đêm 30 tết. Có thể từ cái tình ấy mà có cái nghĩa ngày cụ đi xa hàng ngàn người chít khăn tang như con cháu đưa tiễn người thầy, người cha, người ông đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Chín là, bài học sự thật là thước đo chân lý.

Ngày 20/4/1974 nhóm nghiên cứu của ông Giác Hải báo cáo kết quả khảo sát tại Bộ công an, Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn nói: Việc chữa bệnh của cụ là có cơ sở khoa học. Trước đây tôi cũng có khả năng này, nhưng do tham gia cách mạng, nếu không tôi cũng có khả năng chữa một số bệnh như cụ Cẩn. (SDD trang 86). Tiếp đó, ngày 30/4 được phép, nhóm ông Hải tổ chức báo cáo công khai để chụp ảnh, quay phim có mặt Phó Chủ nhiệm UBKHKHKT nhà nước Lê Khắc, đại diện các Bộ Quốc phòng, Công an, Y tế,... và các giáo sư, bác sĩ làm phản biện tại chỗ về kết quả của cụ Cẩn chữa 2 bệnh: bại liệt và kết tóc. Rất tiếc nhà quản lý văn hóa tư tưởng ngày đó chỉ biết ra lệnh cấm mà không đếm xỉa gì đến sự thật và nguyện vọng của nhân dân khổ đau vì bệnh tật.

GS. Hoàng Phương kết luận: Cụ Nguyễn Đức Cẩn có một khả năng kỳ diệu. Phương pháp chữa của cụ là hoàn toàn mới, rất thần tình. Dù khoa học chưa giải thích được nhưng là một tồn tại khách quan không thể phủ nhận.

Chừng một năm sau, Cụ bị cấm chữa bệnh, ngoài cổng nhà treo tấm biển: “Không chữa bệnh, miễn vào”. Trung tướng Phạm Kiệt – Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an viết thư cảm ơn Cụ đã chữa kết quả các bệnh huyết áp cao, suy nhược thần kinh, mất ngủ, đường ruột co bóp tốt, còn bệnh chính nan y đang có chiều hướng tốt thì lệnh cấm Cụ chữa bệnh. Trung tướng đã gửi thư cho các cơ quan hữu quan còn nói: Tôi không còn được Cụ chữa bệnh, nhưng mỗi khi đến với Cụ thì thấy trong người dễ chịu hơn. Trong thư Trung tướng đề nghị Bộ Y tế, Sở Y tế Hà Nội, cơ quan khoa học Nhà nước với các đồng chí có chức trách nên nghiên cứu lại để Cụ được chữa bệnh cho đồng bào... Trung tướng còn mong muốn như khẳng định rằng: Sớm muộn có ngày Cụ sẽ được chữa bệnh cho nhân dân là điều tốt nhất (SDD – trang 60).

## NHỮNG THÔNG TIN DỰ BÁO THẦN KỲ

Chúng tôi đúc kết lại như sau về một số việc cụ làm, ít nhiều bà con, đã biết:

Một là, cuộc sống sẽ đổi thay: Chừng mười năm trước ngày đi xa, Cụ đã dặn như một chuyện nói cho vui rằng mình đã cắm đất cho "ngôi nhà đất" ở cánh đồng Mai Chứa (Thanh Mai). Các bô lão xóm Bến giải thích: Mai là ngày mai tương lai. Chứa là người làm chủ. Ngày 8 tết Quý Hợi (1983) suốt ngày đêm sáu trăm người theo cụ lên Đền Và - Sơn Tây du xuân. Cụ động viên mọi người gắng sức mình, làm nhiều điều tốt, đảm bảo năm nữa cuộc sống sẽ dễ chịu hơn. (Ứng với đời sống sau đổi mới sau năm 1986 có Nghị quyết của Đại hội 6).

Hai là, dầu mỏ có đấy, nhưng... Năm 1982 GS, Hoàng Phương tập hợp được một số NNC cho biết nước ta có mỏ dầu. Ông đọc Cụ nghe bản kiến nghị gửi Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Trường Chinh đồng ý đi khảo sát tìm dầu nhưng tự túc kinh phí. Ông bán chiếc tivi có giá trị nhất trong nhà để lấy tiền làm việc lớn. Dĩ nhiên việc không thành. Ông báo cáo lại sự việc, Cụ Lang cười: - Dầu thì có, nhiều đấy. Nhưng chưa đến lúc tìm để khai thác..

Ba là, B52 rơi: tại sao? Tháng 12/1972 gia đình cụ sơ tán về Thanh Mai. Tối 26 máy bay Mỹ rải bom khu phố Khâm Thiên. Cụ trở về 86 Đại Yên. Đêm cụ ra sân nhìn lên bầu trời. - À, mây định ném bom ở đây à? Rồi mây sẽ rơi! Người trong nhà nghe được. Quả nhiên, sau đó một B52 bay vào vùng này, thân rơi vào hồ Hữu Tiệp, cánh rơi trên đường Hoàng Hoa Thám, mấy chục quả bom tản mát lán lóc giữa làng không quả nào nổ, không vào nhà dân. Về sau tên phi công khai nhận lúc bay vào tọa độ này bỗng đầu óc hoảng loạn, tay tự bấm nút nhảy dù, chứ tên lửa, đạn pháo chưa hề chạm vào máy bay.

- Bốn là, máy ảnh cũng bị mù: Ngày 2/9/1982 Luật sư Đỗ Xuân Sảng cùng một số trí thức có tiếng ở Hà Nội lên thăm cụ, ngỏ ý xin chụp ảnh kỷ niệm, cụ nhẹ nhàng từ chối. Mọi người nài nỉ. Cụ đồng ý chụp miễn cưỡng. Hóa ra, mấy phóng viên bấm máy lia lia mà về trắng phim đều trắng phớ. Kinh nghiệm của chúng tôi, khi thế lực siêu nhiên nào đó đã không muốn thì: máy ghi âm ghi không có tiếng, micro trực trực mất điện, v.v...

- Năm là, hồn thiêng sông núi phù trợ. Năm 1979 nước láng giềng phản phúc xâm lấn biên giới nước ta. Ta phải đề phòng chúng tràn xuống Hà Nội. Bài học Lý Thường Kiệt lập phòng tuyến sông Như Nguyệt và chuẩn bị sơ tán vào phía trong vv... Hỏi Cụ, Cụ cười: Chúng nó không dám đâu. Đe nẹt nắn gân thôi, sẽ lạng lẽ rút êm đó, vì ngày xưa Tổ tiên ta một mình vẫn thắng giặc nay sức ta khác nhiều, thế giới sẽ ủng hộ. Chúng đã sợ nhiều bài học lịch sử về tổ tiên Hồn thiêng sông núi Việt Nam. Thế nhưng, tương lai còn mịt với chúng nó... Phải cảnh giác: Khôn khéo, mềm mỏng nhưng kiên quyết.

- Sáu là, vận hội mới đang đến. Tháng 9/1982, nhân Hội thảo khoa học quốc tế tại Moskva về kỷ thứ IV, báo Nhân dân đăng bài của GS Phạm Huy Thông, Cụ biết liền khen: Họ cũng rất giỏi đấy. Kỷ thứ V mà họ bàn đã đang dần đến rồi, một vận hội mới sẽ đến và thế giới sẽ thái bình.

- Bấy là, những dấu hiệu lạ. Bà con kể: Đêm 30 tết Kỷ Dậu, bà Hoàng Thị Khế sinh Cụ trưởng Cần, trời đêm thường" tối đen như mực" mà đêm đó lại sáng trưng như có trăng rằm. Ngày 21/6/1983 sau cơn mưa gió nhỏ, cây trứng gà trong sân bị đổ nghiêng, cụ nói với ông Tiến con rể cả: - Thế là hết!... Trong người tôi dạo này khác lắm. Tôi 23 liền đó, cụ nằm ngoài sân nhìn lên trời hỏi ông Tiến:- Chú có thấy ngôi sao sáng kia không? Ông Tiến trả lời: mọi đêm nó sáng lắm, nay ít sáng lại có quầng đỏ bố ạ, thế là thế nào thừa bố?.. Nó sẽ mất, đấy rồi chú xem... 14 giờ ngày 24 trận động đất mạnh 6,7 độ Richta tâm chấn tại Tuần Giáo, rung chuyển cả Hà Nội. Ngày 2/7, cụ nói với ông Tiến, dạo này mình yếu nhiều, nhưng đừng nói gì làm mọi người hoang mang. Nếu qua được mùng 4/6 âm lịch thì tốt... Ông Tiến khóc, hỏi có cách gì không? Cụ bảo: - Mệnh trời rồi con ạ, không ai tránh được đâu! Bình tĩnh con ạ!...

Bà con xa gần hay tin bắt đầu kéo đến, ở lại ngày đêm lựa chỗ trải chiếu, ni lông nằm la liệt ngoài sân, vườn nhà cụ. Ai cũng cầu trời khẩn phật mong cụ qua khỏi... Sáng 2/6 âm lịch, Cụ ký hai tờ đạo chữa bệnh nữa cho hai gia đình rồi nói: -Việc tôi giúp mọi người đến đây là xong, mọi việc từ nay sẽ khác....

Mọi người nghe đều nghẹn ngào xúc động, cảm giác như tay chân rụng rời. Ai cũng muốn len lỏi được vào gần bên cụ, chiêm ngưỡng, tạ ơn Ân nhân lần cuối. Đến đúng canh Ba giữa khắc Âm Dương giao hòa cụ về trời.

Vậy là:

Việc trần cứu nạn tạm xong

Nỗi đau còn đó những mong trở về...

## SỨC KHỎE VÀ TÂM LINH

Tâm linh, ngoại cảm hiện trạng đang nóng bỏng cả trong nước ta, cả trên thế giới. Nóng vì nó là sự thật, khoa học chưa đủ sức gạt lọc vàng thau, nó như một trào lưu, thật giả lẫn lộn. Thật, đã nhiều người mừng; giả, lắm kẻ phải lo, dân nghèo càng khổ, có số kẻ làm giàu, rồi loạn xã hội...

Ngày 19/5/2005 tại Geneva Thụy Sĩ, Hội đồng Liên hiệp hội quốc tế các Giá trị con người (International Association for Human Valuer) họp kỳ thứ ba bàn về Chiều hướng tâm linh trong sức khỏe đã nhất trí đề trình WHO một định nghĩa hoàn chỉnh: Sức khỏe là một trạng thái toàn vẹn của

thể xác, tinh thần, xã hội và tâm linh, chứ không phải chỉ là loại trừ bệnh tật và đau yếu.

Cuộc hội thảo hôm nay của chúng ta chắc chắn sẽ là một đóng góp tích cực đem lại nguồn vui, niềm tự hào cho dân tộc, thêm sáng danh Danh nhân văn hóa tâm linh Nguyễn Đức Cẩn.

Kính xin Anh linh Người Ngôi Sao thêm tỏa sáng cứu giúp nhân dân, độ trì đất nước. Danh nhân văn hóa Nguyễn Đức Cẩn mãi mãi ở bên cạnh chúng ta.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2011*

*Bài tham luận trên đã được đăng nguyên văn trên Báo Người cao tuổi số 953+954 ra ngày 2/9/2011.*

## **Cụ Nguyễn Đức Cẩn mãi mãi anh linh**

*Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài tham luận của Giáo sư Vũ Khiêu trong buổi Tọa đàm "Nhà chữa bệnh Nguyễn Đức Cẩn và những bước đi đầu tiên của khoa học ngoại cảm ở nước ta" ngày 27 tháng 8 năm 2011, tổ chức tại Hội trường Bộ tư lệnh Lãng chủ tịch Hồ Chí Minh*

Cụ Nguyễn Đức Cẩn không những để lại những ân tình sâu sắc trong lòng đông đảo bệnh nhân được cụ cứu sống. Quan trọng hơn là Cụ đã để lại cho dân tộc ta sự nhận thức về sức mạnh kỳ lạ của tâm linh. Thành công của Cụ nếu được các nhà khoa học đi sâu tìm hiểu có thể khẳng định tiềm năng vô tận của con người Việt Nam trước mọi sự thử thách của thiên tai địch họa, trước sự khủng hoảng và rối ren của cả xã hội và thiên nhiên trong thời đại ngày nay.

Xã hội loài người là một xã hội kép, một xã hội có thể phân đôi thành hai xã hội cùng tồn tại và tác động qua lại với nhau: một xã hội tâm linh và một xã hội trần thế. Loài người từ xưa hoặc không thấy được hoặc thấy không sâu sắc sự tồn tại song song và mối quan hệ giữa hai xã hội ấy trong tổng thể đời sống của con người. Vấn đề trước hết đặt ra là có sự tồn tại hay không tồn tại một xã hội tâm linh với những quyền lực vô biên, những hiện tượng phong phú và lạ kỳ?.

Có những người đứng trước những hiện tượng lạ kỳ ấy đã không giải thích được sự thần bí của nó và ngày càng bổ sung vào tính chất thần bí ấy những ảo tưởng của chính mình.

Còn có những người nhân danh chủ nghĩa duy vật, đã tầm thường hóa chủ nghĩa duy vật, rồi dựa vào nó để phản bác mọi hiện tượng coi như thần

bí ẩn và cản đường những ai muốn tìm hiểu tâm linh. Do đó, họ đã bỏ qua và làm lãng phí những tiềm năng vô tận của con người và gạt bỏ những di sản tinh thần vô giá của dân tộc ta.

Những năm cuối của thế kỷ XX, nhiều nhà khoa học đã dự báo thế kỷ XXI là thế kỷ của tôn giáo. Tôi nghĩ đó chỉ là một sự nhận thức còn hơi hợt về vỏ ngoài của xã hội. Theo tôi phải nói: Thế kỷ chúng ta là thế kỷ làm bùng dậy cuộc sống tâm linh, là thế kỷ đang phát hiện và khai thác những tiềm năng vô tận chưa được khai thác ở con người.

Vì những lẽ trên, tôi nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn Bộ môn Cận tâm lý, Bộ môn Thông tin dự báo, Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người cùng gia đình tổ chức cuộc tọa đàm về cụ Nguyễn Đức Cẩn hôm nay.

Đã từ lâu, tôi nghe nói về tài đức của cụ Nguyễn Đức Cẩn, về những chuyện kỳ lạ trong việc Cụ cứu sống hàng trăm, hàng ngàn những con người đến nhờ Cụ chữa bệnh.

Tôi rất mong được có dịp gặp Cụ thì vừa gặp ngày đại thắng của quân dân ta, ngày 30 tháng 4 năm 1975, tôi được điều động vào Trung ương Cục Miền Nam để phụ trách toàn bộ công tác khoa học tại các vùng vừa được giải phóng. Suốt bao năm trời ở miền Nam nên tôi chưa đạt được ý nguyện gặp cụ Nguyễn Đức Cẩn. Đến ngày trở ra miền Bắc để công tác tại Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, tôi chưa kịp ghé thăm Cụ thì Cụ đã qua đời vào ngày 13 tháng 7 năm 1983. Đó là điều ân hận rất lớn của tôi. Sau đó vừa đúng nửa năm, ngày 31 tháng 1 năm 1984, tôi nhận được thư của một đồng chí rất thân thiết của tôi là bác Phan Văn Tỉnh, nguyên Chủ tịch Ủy ban Nhân dân khu Việt Bắc. Lá thư ấy khiến tôi thêm tin tưởng vào sức mạnh có thực của những hiện tượng tâm linh và càng thấy rõ thêm trách nhiệm của mình.

Thiếu tướng Chu Phác là một người bạn ít tuổi hơn tôi mà tôi rất quý mến. Trước đó, mỗi lần gặp anh, tôi lại phê phán anh dành quá nhiều thời gian đi vào những hiện tượng mê tín. Dần dần, tôi thấy anh làm việc đạt được những kết quả có thể thuyết phục tôi. Tôi đã đến gặp anh để rút lui những lời nhận xét vội vàng của tôi. Tôi đánh giá cao công phu tìm tòi và nghiên cứu của anh. Tôi khuyến khích anh đi sâu vào những việc anh đang làm. Từ đó, tôi càng gắn bó với anh, như hai người bạn cùng chí hướng.

Tôi vẫn thường hay gặp Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải. Tôi thông cảm với mọi nỗi gian nan của anh, rất quý trọng anh, khuyến khích anh về những việc anh đang làm. Những vấn đề đi sâu nghiên cứu của anh ngày càng khiến tôi hiểu anh thêm và thực lòng ủng hộ anh. Với tấm lòng tin cậy anh là một người rất trân trọng những tài liệu lịch sử, tôi đã trao gửi anh lá thư dài của bác Phan Văn Tỉnh gửi cho tôi. Lá thư này đã được anh cho in

nguyên văn trên cuốn sách “ Nguyễn Đức Cẩn- Nhà văn hóa tâm linh ” mà tác giả là hai ông Nguyễn Phúc Giác Hải và Nguyễn Tài Đức.

Giờ đây, tôi phải nói thêm rằng, lá thư mà anh giữ của ông Phan Văn Tỉnh viết cách đây 27 năm có một ý nghĩa rất lớn. Đó là tiếng nói của một nhà Cách mạng lão thành, một cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, vị Chủ tịch Ủy ban Nhân dân khu Việt Bắc bao gồm 18 tỉnh. Lá thư của ông thể hiện một tư tưởng hoàn chỉnh, đánh giá cao mối quan hệ của đời sống tâm linh và đời sống thể tục. Đó là con người có một cái nhìn toàn diện và sáng suốt về đời sống tâm linh và tương lai của nhân loại. Ông là một nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng đã sớm nhất đánh giá đúng về tài đức và đóng góp của cụ Nguyễn Đức Cẩn.

Đối với Giáo sư Hoàng Phương, tôi thực sự tin tưởng và ủng hộ anh. Là Chủ tịch một Hội đồng khoa học để đánh giá về bản thân anh và các công trình nghiên cứu của anh. Tôi đã cùng các nhà khoa học trong hội đồng khẳng định những thành tựu khoa học vô giá của anh. Coi anh là một học giả lớn của đất nước Việt Nam.

Cũng từ những ngày ấy, tôi mong chờ cuộc hội thảo ngày hôm nay và nhiều cuộc hội thảo sau đây nữa không chỉ để đánh giá về cụ Nguyễn Đức Cẩn mà quan trọng hơn nữa là đẩy mạnh việc nghiên cứu, phát triển và khai thác những tiềm năng vô tận của con người Việt Nam trong sự nghiệp của đất nước ta ngày nay.

Riêng tôi, đối với cụ Nguyễn Đức Cẩn, tôi không có duyên may gặp Cụ trong lúc sinh thời của Cụ. Tuy nhiên tôi vẫn cảm giác có một sức mạnh thần bí nào đó đã gắn liền tôi với Cụ. Tôi kém Cụ 7 tuổi, tuy không được gặp Cụ nhưng tôi thường bước theo và thường giẫm lên bước chân của Cụ trên khắp núi rừng Việt Bắc. Những nơi Cụ đi qua đều là những nơi tôi đã đến. Những địa danh Cụ dừng chân đều là những địa danh thân thiết đối với tôi.

Với những tình cảm sâu sắc đối với Cụ, tôi hoan nghênh buổi tọa đàm rất có ý nghĩa này mà các vị đã cùng nhau tổ chức. Vì điều kiện sức khỏe, tôi không thể đến chia sẻ cùng các vị tâm lòng thực sự ngưỡng mộ và quý mến Cụ không chỉ của chúng ta mà của đông đảo nhân dân toàn quốc.

*Xin chúc cuộc tọa đàm của chúng ta thành công tốt đẹp*

*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2011.*

## **Tâm lòng của thầy**

*Thiếu tướng - Tiến sỹ Nguyễn Chu Phác*

*Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bài phát biểu của Thiếu tướng-Tiến sỹ Nguyễn Chu Phác, trong buổi Tọa đàm " Nhà chữa bệnh Nguyễn Đức Cẩn và những bước đi đầu tiên của khoa học ngoại cảm nước ta " tổ chức ngày 27 tháng 8 năm 2011, tại Hội trường Bộ tư lệnh lăng chủ tịch Hồ Chí Minh, Hà Nội*

Bác sỹ có lời thề của Hy-po-crat. Lương y có lời gia huấn của Hải Thượng Lãn Ông. Nhưng thầy chữa bệnh bằng tâm linh - ngoại cảm không dùng thuốc như Cụ Nguyễn Đức Cẩn có đạo đức đặc biệt, nhiều nhà nghiên cứu lúc ấy và hiện nay cũng đang tiếp tục lý giải. Ngày nay, một số nhà ngoại cảm chân chính và nhà văn hoá tâm linh chân chính cũng được nhiều người dân tôn vinh là thầy. Nhưng thầy có quyền năng huyền bí như cụ Nguyễn Đức Cẩn mà trong cuốn “Nguyễn Đức Cẩn- Nhà văn hoá tâm linh” đã nêu lên có nhiều chuyện làm tấm gương sáng không những đối với các loại thầy chữa bệnh mà còn là tấm gương soi chung đối với tất cả mọi người. Đặc biệt là đối với các nhà ngoại cảm trong thời đại hiện nay. Một thời đại lòng từ thiện của con người đang phát triển, nhiều tài năng đích thực, và có nhiều người tử tế. Nhưng chúng ta cũng đang sống trong thời đại vàng thau lẫn lộn, tà vong quấy phá, ngoại cảm giả danh, từ thiện của miệng, và kẻ cơ hội nổi lên kiêu chác. Vì vậy, chúng tôi xin nêu thêm vài chuyện về tấm lòng của nhà văn hoá tâm linh Nguyễn Đức Cẩn để chúng ta cùng suy ngẫm.

1. Một hôm, trong một buổi tiếp chuyện có một ông do bức tức trong cuộc sống đã đến cụ Cẩn thưa với cụ là: “Lạy ông, sao trời không giết hết bọn người gian tham, độc ác”. Cụ từ tốn trả lời rằng: “Trong mỗi con người ta đều có thiện có ác. Bản thân ta cũng có lúc ác nếu giết thì giết cả mình? Nếu giết mọi người chết hết, thì mình ở với ai?”. Cụ bảo chúng ta khi xem xét một vấn đề gì đó hay về một con người cụ thể nào đó thường chỉ thấy được người mà quên đi mình. Ta nhận xét người khác với những thói xấu của họ bằng một con mắt khát khe của ta mà đôi khi lại quên đi chính mình cũng còn có bao nhiêu thói hư, tật xấu và cũng có lúc làm điều ác.

2. Trong vô vàn những người bệnh lên gặp cụ, có một người bà con thấy khó chịu. Bà bệnh nhân này lần nào cũng đến nhà cụ rất muộn, mãi sẩm tối mới thấy bà ta thuê xe xích lô đến và mới vừa vào đến cổng ngõ nhà cụ, chưa thấy cụ đâu, bà ta đã nói oang oang: “Con lạy cụ ạ! Con lạy cụ ạ!”. Mà cụ thì sau một ngày tiếp khách bận rộn vừa mời ngả mình được một chút, thế mà khi bà ta vào trong nhà thì cụ đã dậy và ra ngồi ở chỗ tiếp khách hàng ngày. Mấy người bệnh ngồi ngoài sân lăm bằm với nhau, sao mà có người vô duyên thế...Lát sau đã thấy bà ta vội vàng bước ra, trên khuôn mặt người đàn bà giàu có đó còn đọng nước mắt. Hôm sau, nhân lúc vắng khách cụ nói với mọi người rằng: “Cũng không nên thành kiến với người giàu”. Người ta

giàu có, vàng đeo đầy người nhưng cũng khổ tâm lắm, lại còn phải cu r mang một lũ cháu mồ côi ở quê nội, quê ngoại, biết bao nhiêu rắc rối trong gia đình, nhưng họ thích khoe của, thực sự có sung sướng gì đâu. Nghe cụ dạy vậy, mọi người thấy tấm lòng của cụ thật rộng lượng vị tha.

3. Ông Nguyễn Quang Chiêu, nguyên Giám đốc Nhà máy cơ khí Nông nghiệp bị ốm nặng, phải nằm viện điều trị tại bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội và phải cắt 3 phần 4 dạ dày. Từ đó luôn xảy ra nhiều bệnh rắc rối. Đến ngày 4 tháng 2 năm 1982 lại phải mổ mật, bác sỹ nói rằng mật đã bị sưng to, gây tắc mật, nhưng chữa rõ nguyên nhân. Sau khi mổ, bệnh nhân phải chuyển xuống phòng hồi sức, tại đó tình trạng bệnh nhân hết sức nguy kịch. Bác sỹ nói bệnh cũ tái phát và di căn lên não rồi, chẳng còn một phần nào sống nữa, gia đình chuẩn bị cho việc hậu sự (đã mua quan tài).

Nhưng thật may, nhờ người quen đưa con trai lên kêu xin cụ. Cụ đã nhận lời và cụ đã một lá đạo mang về và hoá lá đạo đó ngay trước cửa phòng hồi sức. Kỳ lạ thay, khi hoá xong bệnh nhân đã hé mở được mắt và người đã ấm dần lên. Nhờ ơn cụ, từ chỗ chẳng còn một hy vọng nào sống được, thế mà dần dần bệnh nhân (đã chết lâm sàng) đã tỉnh dậy, ăn được cơm, rồi đi lại được và hơn mười ngày sau thì xuất viện về đoàn tụ với gia đình. Sau khi trở lại làm việc, một hôm ông Giám đốc lên thăm cụ tại Đại Yên, lúc ấy đang là mùa hè nóng nực, mà lại thường xuyên mất điện, nhà cụ lại đông khách, lúc nào trên tay cụ cũng cầm chiếc quạt giấy phe phẩy cho đỡ nóng. Thấy vậy, hôm sau ông Giám đốc nông nghiệp mang đến nhà biếu cụ một chiếc máy phát điện. Ông ta thưa với cụ rằng: Thưa cụ, con thất nhà mình nóng quá, mà lúc nào cũng đông bệnh nhân. Xin phép cụ, chiếc máy này là sản phẩm của nhà máy con, lúc nào mất điện thì cụ cho chạy để có quạt mát cho mọi người. Nghe vậy, mọi bệnh nhân có mặt đều mừng rỡ, nhưng cụ nghiêm mặt nói rằng: Cảm ơn ông đã cho, nhưng thôi cứ mang về mà dùng, ở đây tôi chưa cần. Nghe vậy, ông Giám đốc vẫn cố năn nỉ: Thưa cụ, con mới ngồi ở đây một lúc mà đã vã cả mồ hôi. Cụ nói rằng: Thế thì ông còn nóng hơn cả tôi, thôi mang cái này về đi mà dùng. Thấy cụ, nhất quyết chối từ không nhận, ông Giám đốc kia đành phải đem chiếc máy phát điện về. Sau cụ nói với mọi người rằng: Nếu mình không chịu khổ, mình muốn ngồi mát mà dân còn phải chịu nóng, thì còn cứu được ai.

4. Vào năm 1980, một bệnh nhân được bác sỹ kết luận là ung thư lưỡi và cho tiêm thuốc để điều trị. Nhưng bệnh không thấy thuyên giảm và ngày càng nặng thêm. Chúng ta biết rằng bệnh ung thư, trên thế giới chưa có thể chữa khỏi, như thế chỉ còn chờ chết. Ngoài việc thuốc thang không khỏi, gia đình cũng nghe bà con mách bảo đến việc lễ bái mọi nơi và bốc bát nhanh thờ cúng. Đầu tiên phải bốc hai bát hương thờ, dần dần thành sáu bát và lập

thêm một bát hương ở ngoài trời. Hàng ngày phải hương hoa, vào ngày rằm, mùng một phải sửa lễ một lần là bảy con gà, thậm chí phải đưa lễ bằng một đồng cân vàng và tiền mặt. Song song cả hai việc chữa bệnh ở bệnh viện và lễ bái thường xuyên nhưng bệnh tình vẫn không khỏi. Phúc duyên sao, họ lại được chính bác sỹ Dầu ở bệnh viện K mách bảo cho gia đình chỉ còn một con đường tìm đến cửa cụ Nguyễn Đức Càn, nếu được cụ nhận lời cứu giúp thì mới khỏi được. Và chỉ sau hai tháng lên được cụ nhận chữa bệnh, bệnh đã thuyên giảm, có thể đi xe đạp hàng chục Km về thăm quê. Một lần, lên thăm nhà cụ, người bệnh nhân trên ra sân rửa mặt, mới biết nhà cụ chỉ có một bể nước mưa, chứ chưa có máy nước vào nhà. Thấy vậy lập tức, người đó lên nhà, quỳ xuống xin cụ được bỏ tiền mua máy nước vào nhà. Cụ bảo: Cả làng, người ta vẫn phải gánh nước, mình cũng là người dân như họ, Thôi, đứng lên đi, hôm nào rồi lên đây gánh nước cùng mọi người.

Sau này, chúng tôi mới được biết cảnh gánh nước đêm trên nhà cụ. Đó là một đêm trăng sáng nào đó, khi trời đã khuya, những bệnh nhân, sau khi đã xin phép cụ, hẹn nhau đến để cùng gánh nước, để đổ vào bể nước. Cụ nhắc mọi người phải nhẹ chân cho hàng xóm được an giấc ngủ. Cảnh những đoàn người gánh nước lặng lẽ trong đêm trăng sáng, trên con đường làng vắng vẻ, họ chỉ nói với nhau bằng những ánh mắt chan chứa tình yêu thương, còn cụ ngồi trước sân mỉm cười và chờ mọi người. Chẳng bao lâu bể nước trong nhà cụ đã đầy tràn. Cụ cho mang hoa quả ra bỏ mời mọi người cùng ăn vui vẻ. Cụ chỉ lên bầu trời đầy sao giảng giải, đâu là sông Ngân Hà, đâu là Nhị Thập Bát Tú... rồi cụ hỏi: Các cô chú gánh nước có mệt không? Mọi người đều thưa lại, có mệt, nhưng được gần cụ thấy sao vui quá. Có người xin cụ cho thêm sức khỏe, cụ dạy: Cứ sống thật thà và chăm lao động thì luôn khỏe mạnh!

5. Một quan chức giàu sang có quyền thế, nhưng có một cậu con trai không chịu học hành mà chỉ đua đòi chúng bạn ăn chơi, cờ bạc, nghiện hút. Hết tiền nó lại về moi của bố mẹ. Một lần bị bố mẹ mắng mỏ thậm tệ, cậu con trai vác dao chém bố mẹ. Các em vào can ngăn, cậu ta chém cả các em. Hàng xóm gọi công an đến, hấn chém cả công an. Một anh công an trẻ rút ngắn ra để dọa chẳng may súng bị cướp cò. Cậu con trai phải đi gọi cấp cứu, rồi tử vong. Mọi người sui gia đình kia phát đơn kiện công an. May sao, trước khi kiện, gia đình họ đến hỏi cụ. Cụ bảo: “Gia đình bị quả báo nặng lắm đáng lẽ phải đi vài mạng nữa. Nay, nó gánh cho cả nhà rồi. Thôi đừng kiện nữa!”. Thế là gia đình nghe lời cụ.

6. Bà ta còn trẻ, nhưng ốm liệt giường. Ông chồng ngày đêm bên giường chăm sóc vợ và thường xuyên đều đặn đến cụ Càn. Ít lâu sau, bà ta mạnh khỏe thì ông chồng lại ốm liệt, người vợ cũng đưa chồng đến nhờ cụ

Cần chữa chạy. Nhưng bà ta cáu gắt vì phải chăm sóc quá lâu, mà ông vẫn chưa đi lại được. Một hôm bà ngỏ ý để mặc, muốn chồng “đi” cho nhẹ gánh, việc đến tai cụ Cần. Cụ gọi người phụ nữ kia và nói: “Như thế là phạm tội ác, trời sẽ quả báo đấy”. Ít lâu sau ông chồng lại khoẻ, bà vợ trở lại ốm. Ông chồng đến cụ Cần, van lạy xin xá cho, bà vợ sợ quá không dám đến. Cụ lại bảo: “Không sám hối thì chết!”. Bà vợ đành phải đến quỳ từ ngoài sân van lạy cụ, xin cụ cứu con, xin cụ tha tội cho con.

Mấy chuyện trên, thấy rằng cụ Nguyễn Đức Cần là người thầy chữa bệnh tâm linh có tình thương bao la với con người, không tham lam, không háo danh, mà còn dạy dỗ bao người bệnh trở thành người tốt.

Vừa qua, nhân kỷ niệm 20 năm tìm hài cốt liệt sỹ bằng ngoại cảm được Bộ LĐTB&XH giúp đỡ. Chúng ta biết ơn tôn vinh 4 thế hệ. Thế hệ thứ nhất có người đã mất như giáo sư Ngô Vi Thiện, ... có người còn sống như đi lại phải chống gậy, phải dìu và nhiều người đã hết khả năng ngoại cảm. Tuy nhiên, chúng ta cũng tôn vinh một số ít anh chị em thế hệ thứ tư, tuy không tìm được nhiều hài cốt liệt sỹ bằng một số người khác, nhưng qua một thời gian dài theo dõi thì họ không phải là kẻ cơ hội, háo danh, háo lợi, tham lam, bịa đặt, dối âm lừa dối, phản thầy phản bạn. Hiện nay, có thế hệ thứ 5, thứ 6 có khả năng thực sự nhưng đang phải tiếp tục làm việc trong hoàn cảnh hỗn mang, cho nên phải chịu đựng và kiên nhẫn.

Hôm nay, chúng ta cùng nhau tôn vinh Nhà văn hoá tâm linh Phương đông Nguyễn Đức Cần - Tức là tôn vinh NNC đã mất. Đây là một điều đặc biệt trong đạo đức sống làm người tử tế của người Việt chúng ta.

Chúng tôi mong mỗi rằng tất cả chúng ta hãy nhớ ơn liệt sỹ, nhớ ơn người sống và biết ơn cụ Nguyễn Đức Cần – Nhà văn hoá tâm linh đã ra đi về mặt thể xác nhưng linh hồn cụ mãi mãi vẫn ở bên chúng ta và vẫn giúp đỡ mọi người.